***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: ..............................................***

**Tiết 73. LƯU BIỆT KHI XUẤT DƯƠNG**

*Phan Bội Châu*

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Vẻ đẹp hào hùng lãng mạn của chí sĩ cách mạng trong buổi đầu ra đi tìm đường cứu nước.

- Giọng thơ tâm huyết, sôi sục đầy lôi cuốn.

**2. Kĩ năng**

Đọc hiểu thơ thất ngôn đường luật theo đặc trưng thể loại.

**3. Thái độ**

- Giáo dục lòng yêu nước, tự cường dân tộc.

**II. Phương tiện**

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

**III. Phương pháp**: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành, đọc diễn cảm... GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy

**IV. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức**

Sĩ số: ………………………………..

**2. Kiểm tra bài cũ:** không

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động khởi động**

*“Chúng ta có thể nói rằng trong lịch sử giải phóng dân tộc Việt Nam , trước Chủ tịch Hồ Chí Minh , Phan Bội Châu là một nhân vật vĩ đại” (Tôn Thất Phiệt). Phan Bội Châu là linh hồn của phong trào giải phóng Tổ quốc khoảng 25 năm đầu thế kỉ XX. Tên tuổi ông gắn liền với các tổ chức yêu nước như Duy Tân hội, Phong trào Đông Du,… Tên tuổi ông còn gắn liền với hàng trăm bài thơ, hàng chục cuốn sách… Năm 1904, ông sáng lập ra Duy Tân hội – một tổ chức yêu nước. Năm 1905, ông dấy lên phong trào Đông du. Trước lúc lên đường sang Nhật Bản, ông đã viết bài thơ “Lưu biệt khi xuất dương”. Bài thơ là một mốc son chói lọi của nhà chí sĩ Phan Bội Châu.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  Gv hướng dẫn Hs đọc hiểu khái quát.  Gv yêu cầu Hs đọc hiểu phần tiểu dẫn và đưa ra câu hỏi Hs trả lời.  1. Hãy nêu vài nét về tác giả?  (Hs trả lời, Gv nhận xét chốt ý)  2. Em hãy cho biết hoàn cảnh ra đời của bài thơ?  Tình hình xã hội của nước ta đầu thế kỉ XX?  (Hs trả lời, Gv bổ sung chốt ý)  Gv hướng dẫn Hs đọc hiểu chi tiết.  Gv cho Hs đọc bài thơ.  1. Hai câu đề tác giả nêu lên quan niệm gì? Từ ngữ nào thể hiện điều này?  Quan niệm này có giống với quan niệm của các nhà thơ nhà văn trong văn học trung đại không? Tìm những câu thơ thể hiện điều này?  (Hs trả lời, gv chốt ý)  2. Đã là nam nhi thì phải có ý thức các nhân của mình như thế nào? Từ ngữ nào thể hiện được điều này?  3. tác giả đưa ra tình cảnh cụ thể của đất nước. Đó là tình cảnh gì?  Tác giả đề xuất tư tưởng mới mẻ về nền học vấn cũ như thế nào?  Hình ảnh nào trong câu thơ nói lên tư thế và khát vọng của nhân vật trữ tình trong buổi ra đi tìm đường cứu nước? Em có nhận xét gì về cách dịch của tác giả?    Gv hướng dẫn Hs tổng kết.  Em hãy nêu những đặc sắc nghệ thuật của bài thơ?  Em hãy rút ra nghĩa văn bản của bài thơ? | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Phan Bội Châu (1867 - 1940)  - Quê: Đan Nhiễm – Nam Đàn – Nghệ An.  - Là một người yêu nước và cách mạng “vị anh hùng, vị thiên sứ, đấng xả thân vì độc lập”  - Là nhà thơ, nhà văn, là người khơi nguồn cho loại văn chương trữ tình.  **2. Tác phẩm**  - Hoàn cảnh ra đời:  Viết trong buổi chia tay với bạn bè lên đường sang Nhật Bản.  - Hoàn cảnh lịch sử:  Tình hình chính trị trong nước đen tối, các phong trào yêu nước thất bại, ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ tư sản từ nước ngoài tràn vào.  **II. Đọc–hiểu văn bản**  **1. Hai câu đề**  Tác giả nêu lên quan niệm mới: là đấng nam nhi phải sống cho ra sống, mong muốn làm nên điều kì lạ *“yếu hi kì*” túc là phải sống cho phi thường hiển hách, dám mưu đồ xoay chuyển càn khôn.  🡪 Câu thơ thể hiện một tư thế, một tâm thế đẹp về chí nam nhi phải tin tưởng ở mức độ và tài năng của mình.  => Tuyên ngôn về chí làm trai.  **2. Hai câu thực**  - “*Tu hữu ngã*” (phải có trong cuộc đời) 🡪 ý thức trách nhiệm của cái tôi cá nhân trước thời cuộc, không chỉ là trách nhiệm trước hiện tại mà còn trách nhiệm trước lịch sử của dân tộc “*thiên tỉa hậu*” (nghìn năm sau)  🡪 Đó là ý thức sâu sắc thể hiện vai trò cá nhân trong lịch sử: sẵn sàng gánh vác mọi trách nhiệm mà lịch sử giao phó.  **3. Hai câu luận**  - nêu lên tình cảnh của đât nước: *“non sông đã chết*” và đưa ra ý thức về lẽ vinh nhục gắn với sự tồn vong của đất nước, dân tộc.  - Đề xuất tư tưởng mới mẻ, táo bạo về nền học vấn cũ : “*hiền thánh còn đâu học cũng hoài*”  => Bộc lộ khí phách ngang tàng, táo bạo, quyết liệt của một nhà cách mạng tiên phong: đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên trên hết.  **4. Hai câu kết**  - “*Trường phong*”(ngọn gió dài)  - “*thiên trùng bạch lãng*” (ngàn lớp sóng bạc)  🡪 Hình tượng kì vĩ.  - Tư thế: “*nhất tề phi*”(cùng bay lên)  => Hình ảnh đầy lãng mạn hào hùng, đưa nhân vật trữ tình vào tư thế vượt lên thực tại đen tối với đôi cánh thiên thần, vươn ngan tầm vũ trụ. Đồng thời thể hiện khát vọng lên đường của bậc đại trượng phu hào kiệt sẵn sàng ra khơi giữa muôn trùng sóng bạc tìm đường cứu sống gian sơn đất nước.  **III. Tổng kết**  Ghi nhớ Sgk.  **1. Nghệ thuật**  Ngôn ngũ phóng đại, hình ảnh kì vĩ ngang tầm vũ trụ.  **2. Ý nghĩa văn bản**  Bài thơ thể hiện lí tưởng cứu nước cao cả, nhiệt huyết sôi sục, tư thế đẹp đẽ và khát vọng lên đường cháy bỏng của nhà chí sĩ cách mạng trong buổi đầu ra đi tìm đường cứu nước. |

**4. Củng cố**

- Hệ thống hóa kiến thức.

**5. Dặn dò**

- Học thuộc bài thơ cả phiên âm và dịch thơ.

- Tập phân tích bài thơ.

- Soạn bài mới: “***Nghĩa của câu***” theo hệ thống câu hỏi sgk.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: ..............................................***

**Tiết 74. NGHĨA CỦA CÂU**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Khái niệm nghĩa sự việc, những nội dung sự việc và hình thức biểu hiện thông thường trong câu.

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết và phân tích nghĩa sự việc trong câu.

- Tạo câu thể hiện nghĩa sự việc.

- Phát hiện và sữa lỗi về nội dung ý nghĩa của câu.

**3. Thái độ**

- Có thái độ học tập nghiêm túc và ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**II. Phương tiện**

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

**III. Phương pháp**: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành. GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy

**IV. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức**

Sĩ số: .....................................

**2. Kiểm tra bài cũ**

- Đọc thuộc lòng bản dịch thơ “***Lưu biệt khi xuất dương***” và nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ?

- Phân tích chân dung nhà chí sĩ cách mạng trong buổi chia tay anh em đồng chí trước khi lên đường?

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động khởi động**

*Mỗi câu thường có hai thành phần nghĩa: Thành phần nghĩa sự việc và thành phần nghĩa tình thái. Các thành phần nghĩa của câu thường có quan hệ gắn bó mật thiết. Trừ trường hợp câu chỉ có cấu tạo bằng từ ngữ cảm thán.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  HS đọc mục 1 SGK và trả lời câu hỏi. GV định hướng và chuẩn xác kiến thức.  - So sánh các cặp câu ?  - Từ sự só sánh trên em rút ra nhận định gì?  HS đọc mục II SGK và phân tích những biểu hiện của nghĩa sự việc qua các ngữ liệu sgk..  GV chuẩn xác kiến thức.  HS đọc ghi nhớ SGK.  **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  Luyện tập. Thảo luận nhóm.  Đại diện nhóm trình bày. GV nhận xét và cho điểm.  - Nhóm 1: Bài tập 1 - 4 câu đầu  - Nhóm 2: Bài tập 1- 4 câu cuối  - Nhóm 3: Bài tập 2.  - Nhóm 4: Bài tập 3. | **I. Hai thành phần nghĩa của câu**  **1. Tìm hiểu ngữ liệu**  + cặp câu a1/ a2 đều nói đến một sự việc. Câu a1 có từ *hình như:* Chưa chắc chắn.  Câu a2 không có từ *hình như:* thể hiện độ tin cậy cao.  + cặp câu b1/ b2 đều đề cập đến một sự việc. Câu b1 bộc lộ sự tin cậy.  Câu b2 chỉ đề cập đến sự việc.  **2. Kết luận**  - Mỗi câu thường có hai thành phần nghĩa: Thành phần nghĩa sự việc và thành phần nghĩa tình thái.  - Các thành phần nghĩa của câu thường có quan hệ gắn bó mật thiết. Trừ trường hợp câu chỉ có cấu tạo bằng từ ngữ cảm thán.  **II. Nghĩa sự việc**  - Nghĩa sự việc của câu là thành phần nghĩa ứng với sự việc mà câu đề cập đến.  - Một số biểu hiện của nghĩa sự việc:  + Biểu hiện hành động.  + Biểu hiện trạng thái, tính chất, đặc điểm.  + Biểu hiện quá trình.  + Biểu hiện tư thế.  +Biểu hiện sự tồn tại.  + Biểu hiện quan hệ.  - Nghĩa sự việc của câu thường được biểu hiện nhờ những thành phần như chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ, khởi ngữ và một số thành phần phụ khác.  \* **Ghi nhớ**  - SGK  **III. Luyện tập**  **Bài tập1**.  - câu 1: Sự việc – trạng thái  - câu 2: Sự vịêc - đặc điểm  - câu 3: Sự việc - quá trình  - câu 4: Sự việc - quá trình  - câu 5: Trạng thái - đặc điểm  - câu 6: Đặc điểm - tình thái  - câu 7: Tư thế  - câu 8: Sự việc - hành động  **Bài tập 2.**  a. - nghĩa sự việc: Xuân là người danh giá nhưng cũng đáng sợ.  - Nghĩa tình thái: thái độ dè dặt khi đánh giá về Xuân qua từ :kể, thực, đáng  b. Nghĩa sự việcc: hai người đêuf chọn nhầm nghề.  Nghĩa tình thái: sự phỏng đoán về sự việc chưa chắc chăn qua từ “ có lẽ”  c. Nghĩa sự việc: mình và mọi người đề phân vân về đức hạnh của con gái mình .  Nghĩa tình thái: khẳng định sự phân vân về đức hạnh sự phân vân về đức hạnh của cô gái mình: “dễ, chính ngay mình”  **Bài tập 3.**  - Phương án 3. |

**4. Củng cố**:Cho học sinh đọc phần ghi nhớ sgk

- Nắm nội dung bài học.

**5. Dặn dò**: chuẩn bị bài viết số 5 theo yêu cầu sgk.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: ..............................................***

**Tiết 75.** **VIẾT BÀI VĂN SỐ 5**

**I. Mục tiêu bài kiểm tra**

Vận dụng kiến thức đã học và các thao các thao tác lập luận phân tích, so sánh để viết bài văn nghị luận về một vấn đề văn học.

Rèn luyện năng lực thẩm định, đánh giá tác phẩm văn học. Củng cố kiến thức và kĩ năng làm văn nghị luận.

Bồi dưỡng ý thức và tình cảm lành mạnh, đúng đắn đối với con người và cuộc sống.

**II. Hình thức kiểm tra**

- Tự luận

- Hình thức tổ chức kiểm tra: 45 phút

- Sĩ số: ………………………………

**III. Khung ma trận**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng thấp** | **Vận dụng cao** | **Cộng** |
| **Làm văn**  - Những vấn đề chung về văn bản và tạo lập văn bản.  - Nghị luận văn học |  |  | Vận dụng kiến thức đã học và kĩ năng tạo lập văn bản viết bài văn nghị luận văn học. | |  |
| *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ %* |  |  | *1*  *10 điểm*  *100%* | | *Số câu: 1*  *10điểm*  *=100%* |
| Tổng số câu  Tổng số điểm  Tỉ lệ % |  |  | 1  10 điểm  100% | | Số câu: 1  10 điểm  100% |

**IV. Đề kiểm tra**

**ĐỀ KIỂM TRA**

*Thời gian làm bài: 45 phút, không kể thời gian giao đề*

***Phân tích vẻ đẹp lãng mạn, hào hùng của nhà chí sĩ cách mạng qua bài “Xuất dương lưu biệt” của Phan Bội Châu.***

**V. Hướng dẫn chấm**

**1. Yêu cầu kĩ năng**

Hiểu đề, biết cách làm bài văn nghị luận văn học. Biết phân tích dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ. Hành văn trôi chảy. Văn viết có cảm xúc. Không mắc các lỗi diễn đạt, dùng từ, ngữ pháp, chính tả.

**2. Yêu cầu về kiến thức**

Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng phải làm nổi bật được những ý cơ bản sau

*Sau đây là một số gợi ý:*

- Vẻ đẹp lãng mạn hào hùng trong lẽ sống cao cả, làm trai là phải xoay trời chuyển đất, vũ trụ không được sống tầm thường (2 câu đầu)

- Vẻ đẹp hào hùng mang ý thức cái tôi đầy trách nhiệm (2 câu thực)

- Vẻ đẹp hào hùng trong quan niệm sống vinh nhục gắn liền với sự tồn vong của đất nước và ý thức khát vọng táo bạo từ bỏ lối học khoa cử để tìm con đường mới có thể cứu nước(2 câu luận).

- Cuối cùng là vẻ đẹp hào hùng tron tư thế người ra đi tìm đường cứu nước đầy hăm hở, khí thế, nhiệt huyết với bao khát vọng mang tầm vóc vũ trụ (2 câu cuối).

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung đánh giá** | **Mức độ kết quả cần đạt** | | | | |
| **Giỏi** | **Khá** | **TB** | **Yếu** | **Kém** |
| **Làm văn** | **Tiêu chí**  - Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, có cảm xúc và sáng tạo; có thể còn một vài sai sót về chính tả, dùng từ.  - Giới thiệu được vấn đề  - Phân tích được đầy đủ vẻ đẹp của hình tượng nhân vật.  - Nhận xét được về nghệ thuật.  - Bài viết sâu sắc, sáng tạo. | **Tiêu chí:**  - Bố cục rõ ràng, lập luận tương đối chặt chẽ; còn mắc một số lỗi về chính tả, dùng từ, ngữ pháp.  - Phân tích được đầy đủ vẻ đẹp của hình tượng nhân vật nhưng chưa sâu.  - Nhận xét được về nghệ thuật . | **Tiêu chí:**  - Bố cục, lập luận chưa rõ ràng, mắc nhiều lỗi về chính tả, dùng từ, ngữ pháp.  - Phân tích vẻ đẹp của hình tượng nhân vật nhưng chưa sâu nhưng chưa đầy đủ  - diễn đạt không rõ ràng. | **Tiêu chí:**  - Mắc lỗi bố cục, lập luận, rất nhiều lỗi về diễn đạt.  - Chưa hiểu đề, diễn đạt không rõ ý, Phân tích vẻ đẹp của hình tượng nhân vật quá sơ sài. | **Tiêu chí:**  Không làm hoặc hoàn toàn lạc đề. |
|  | ***Điểm: 10 – 8,0*** | ***Điểm: 7,75 – 6,5*** | ***Điểm: 6– 5*** | ***Điểm:4,75 -3,75*** | ***Điểm: 3,5-0*** |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: ..............................................***

**Tiết 76- 77.** **HẦU TRỜI**

*Tản Đà*

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Ý thức cá nhân, ý thức nghệ sĩ và quan niệm về nghề văn của Tản Đà.

- Những sáng tạo hình thức nghệ thuật của bài thơ: thể thơ thất ngôn trường thiên khá tự do, giọng điệu thoải mái, tự nhiên, ngôn ngữ sinh động.

**2. Kĩ năng**

Đọc hiểu thơ trữ tình theo đặc trưng thể loại.

Bình giảng những câu thơ hay.

**3. Thái độ**

- Có thái độ trân trọng những giá trị văn chương và người nghệ sĩ.

**II. Phương tiện**

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi

**III. Phương pháp**: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành, đọc diễn cảm... GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy

**IV. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức**

Sĩ số: ………………………….

**2. Kiểm tra bài cũ:** không

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động khởi động**

*Trong “Thi nhân Việt Nam” – một cuốn sách được coi là bảo tàng của Thơ mới, Tản Đà được cung kính đặt lên hàng đầu. tản Đà chưa phải là một nhà thơ mới nhưng những gì thi nhân để lại cho thơ ca thì Hoài Thanh đã coi ông là “con người của hai thể kĩ”, “người đã tạo nên những bản đàn cho một cuộc đại nhạc hội đang sắp sửa”. Thơ Tản Đà mang những dấu hiệu đổi mới cả về nội dung tư tưởng lẫn nghệ thuật, đặc biệt ta nhận thấy rất rõ cái tôi với những điệu tính cảm xúc mới. “Hầu trời” là bài thơ dài tiêu biểu cho những đặc điểm thơ Tản Đà.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **TIẾT 76** | |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  Gv hướng dẫn đọc hiểu khái quát.  Gv gọi một Hs đọc phần tiểu dẫn sgk và đưa ra câu hỏi Hs trả lời:  - Hãy nêu vài nét về tác giả Tản Đà?  \* lưu ý: bút danh Tản Đà.  - Hãy cho biết xuất xứ của tác phẩm? Nhận xét về đề tài bài thơ?  Nêu đặc điểm văn chương Tản Đà?  - Cá nhân trả lời  Nêu bố cục bài thơ?  - Cá nhân trả lời  Nhận xét về bố cục bài thơ?  - Cá nhân trả lời  Gv hướng dẫn Hs đọc hiểu chi tiết.  Hs đọc Sgk-Tác giả kể lại lí do, thời điểm lên hầu trời như thế nào?  - Cá nhân trả lời  - Gv nhận xét, bổ sung  Câu chuyện lên tiên được kể với giọng điệu như thế nào?  Em có nhận xét gì về hai câu thơ sau?  - Cá nhân trả lời  - Gv nhận xét, bổ sung  Hs đọc đoạn hai  (?) Tác giả kể chuyện mình đọc thơ cho trời và các vị chư tiên như thế nào?  - Hs độc lập trả lời  - Văn sĩ hạ giới – người đọc thơ được miêu tả như thế nào?  (Gv phát vấn, hs trả lời)  - Trời, chư tiên nghe đọc thơ như thế nào?  - Em thấy thái độ của các vị chư tiên có điều gì đặc biệt?  (Cá nhân trả lời)  **HẾT TIẾT 76 CHUYỂN SANG TIẾT 77**  - Qua việc đọc thơ hầu trời, tác giả muốn bày tỏ thái độ của mình về điều gì?  ( Hs chia nhóm thảo luận. Gv quan sát, định hướng)  \*Các nhà Nho tài tử thường khoe tài (thị tài), tài năng mà họ nói đến là tài Kinh bang tế thế!  Tự khen mình (vì xưa nay ai thấy trời nói đâu?!), tự phô diễn tài năng của mình.  - Tuy Tản Đà không nói trực tiếp, nhưng em có thể nhận biết quan niệm của Tản Đà về văn chương như thế nào?  - ý thức cá nhân của Tản Đà qua lời tự nói về mình như thế nào? So sánh với các thi sĩ khác ùng thời?  (Cá nhân độc lập trả lời)  So với các danh sĩ khác:  *“ Bất tri tam bách dư niên hậu*  *Thiên Hạ hà nhân khấp Tố Như”*  (Nguyễn Du - Đọc Tiểu Thanh kí)  Hoặc:  *“Ông Hi Văn tài bộ đã vào lồng”*  (Nguyễn Công Trứ – Bài ca ngất ngưởng)  Hay:  *“Quả cau nho nhỏ miếng trầu hôi*  *Này của Xuân Hương mới quệt rồi”*  (Hồ Xuân Hương – Mời trầu)  - Hs nhận xét những nét đáng chú ý về nghệ thuật của bài thơ?  (Một vài cá nhân trả lời, bổ sung)  - Hãy rút ra ý nghĩa của văn bản?  Gv hướng dẫn tổng kết. | **I.Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Tản Đà tên khai sinh là Nguyễn Khắc Hiếu(1889-1939).  - Quê: Khê Thượng- Bất Bạt- tỉnh Sơn Tây(nay thuộc Ba Vì- Hà Nội).  - Là một thi mang đầy đủ tính chất của “con người của hai thế kỉ”.  Cả về học vấn, lối sống và sự nghiệp văn chương.  - Có vị trí đặc biệt quan trọng trong nền văn học Việt Nam – gạch nối giữa văn học trung đại và văn học hiện đại.  **2. Tác phẩm**  - Xuất xứ:  Bài thơ được in trong tập “Còn chơi” xuất bản năm 1921.  - Bài thơ là câu chuyện kể lên tiêm gặp trời của thi sĩ Tản Đà.  - Bố cục:  **II. Đọc-hiểu văn bản**  **1. Nội dung**  **a. Tác giả lên hầu trời**  -Trăng sáng, canh ba (rất khuya)  -Nhà thơ không ngủ được, thức bên ngọn đèn xanh, vắt chân chữ ngũ...Tâm trạng buồn, ngồi dậy đun nước, ngâm ngợi thơ văn, ngắm trăng trên sân nhà  -Hai cô tiên xuất hiện, cùng cười, nói: trời đang mắng vì người đọc thơ mất giấc ngủ của trời, trời sai lên đọc thơ cho trời nghe!  -Trời đã sai gọi buộc phải lên!  *“Đêm qua chẳng biết có hay không*  *Chẳng phải hoảng hốt, không mơ màng*  *Thật hồn! Thật phách! Thật thân thể!*  *Thật được lên tiên - sướng lạ lùng.*  Cách kể tự nhiên, nhân vật trữ tình như giãi bày, kể lại một câu chuyện có thật! (một sự thoả thuận ngầm với người đọc).  Cách đọc thơ:  *“Tiếng ngâm vang cả sông Ngân Hà”*  Giọng đọc vừa có âm vực (cao), vừa có trường độ(dài), vọng lên cả sông Ngân Hà trên trời  *“Ước mãi bây giờ mới gặp tiên*  *Người tiên nghe tiếng lại như quen”*  Câu thứ nhất nội dung bình thường, nhưng đến câu thứ hai, thật lạ: quen cả với tiên! nhà thơ cũng là vị “trích tiên” - tiên bị đày xuống hạ giới. Việc lên đọc thơ hầu trời cũng là việc bất đăc dĩ: “Trời đã sai gọi thời phải lên”  Có chút gì đó ngông nghênh, kiêu bạc! tự nâng mình lên trên thiên hạ, trời cũng phải nể, phải sai gọi lên đọc thơ hầu trời!  **b. Tác giả đọc thơ hầu trời**  -Theo lời kể của nhân vật trữ tình, không gian, cảnh tiên như hiện ra:  “Đường mây” rộng mở  “Cửa son đỏ chói” -> tạo vẻ rực rỡ  “Thiên môn đế khuyết” -> nơi ở của vua, vẻ sang trọng. “Ghế bành như tuyết vân như mây” 🡪 tạo vẻ quý phái.  Không gian bao la, sang trọng, quý phái của trời. nhưng không phải ai cũng được lên đọc thơ cho trời nghe. Cách miêu tả làm nổi bật cái ngông của nhân vật trữ tình.  + “Vừa trông thấy trời sụp xuống lạy”-vào nơi thiên môn đế khuyết phải như thế!  +Được mời ngồi: “truyền cho văn sĩ ngồi chơi đấy”, đọc thơ say sưa “đắc ý đọc đã thích” (có cảm hứng, càng đọc càng hay) “Chè trời nhấp giọng càng tốt hơi” (hài hước), “văn dài hơi tốt ran cung mây”.  +Trời khen: “trời nghe, trời cũng lấy làm hay”. Trời tán thưởng “Trời nghe trời cũng bật buồn cười”. Trời khẳng định cái tài của người đọc thơ:  *“ Trời lại phê cho văn thật tuyệt*  *Văn trần như thế chắc có ít”*  +Trời khen: “trời nghe, trời cũng lấy làm hay”. Trời tán thưởng “Trời nghe trời cũng bật buồn cười”. Trời khẳng định cái tài của người đọc thơ:  *“ Trời lại phê cho văn thật tuyệt*  *Văn trần như thế chắc có ít”*  Nở dạ: mở mang nhận thức được nhiều cái hay.  Lè lưỡi: văn hay làm người nghe đến bất ngờ! “Chau đôi mày” văn hay làm người nghe phải suy nghĩ tưởng tượng. “Lắng tai đứng” đứng ngây ra để nghe. Tác giả viết tiếp hai câu thơ:  *“Chư tiên ao ước tranh nhau dặn*  *Anh gánh lên đây bán chợ trời”*  🡪 cảnh đọc thơ diễn ra thật sôi nổi, hào hứng, linh hoạt...  => Người đọc thơ hay mà tâm lí người nghe thơ cũng thấy hay! khiến người đọc bài thơ này cũng như bị cuốn hút vào câu chuyện đọc thơ ấy, cũng cảm thấy “đắc ý” “sướng lạ lùng”!  **c. Thái độ của tác giả qua việc đọc thơ hầu trời**  +Thể hiện quan niệm về tài năng (tài thơ)  Nhà thơ nói được nhiều tài năng của mình một cách tự nhiên, qua câu chuyện tưởng tượng Hầu trời đọc thơ:  *+“Văn dài hơi tốt ran cung mây*  *Trời nghe, trời cũng lấy làm hay”*  *+ “Văn đã giàu thay, lại lắm lối”*  *+ “Trời lại phê cho văn thật tuyệt*  *Văn trần như thế chắc có ít*  *Nhời văn chuốt đẹp như sao băng*  *Khí văn hùng mạnh như mây chuyển*  *Êm như gió thoảng, tinh như sương*  *Đầm như mưa sa, lạnh như tuyết”*  🡪 Tản Đà khoe tài thơ, nói thẳng ra “hay” “thật tuyệt” mà lại nói với trời.  Trời khen: là sự khẳng định có sức nặng, không thể phủ định tài năng của tác giả - lối khẳng định rất ngông của văn sĩ hạ giới, vị trích tiên - nhà thơ.  => Bài thơ thể hiện ý thức cá nhân của Tản Đà về cái tôi tài năng của mình!  +Quan niệm của Tản Đà về nghề văn:  Văn chương là một nghề, nghề kiếm sống. Có kẻ bán, người mua, có chuyện thuê, mượn; đắt rẻ... vốn, lãi... Quả là bao nhiêu chuyện hành nghề văn chương! một quan niệm mới mẻ lúc bấy giờ.  *+“Nhờ trời văn con còn bán được”*  *+ “Anh gánh lên đây bán chợ trời”*  *+ “Vốn liếng còn một bụng văn đó”*  *+ “Giấy người, mực người, thuê người in*  *Mướn cửa hàng người bán phường phố*  *Văn chương hạ giới rẻ như bèo*  *Kiếm được đồng lãi thực là khó”*  🡪 Khát vọng ý thức sáng tạo, trong nghề văn:  Người viết văn phải có nhận thức phong phú, phải viết được nhiều thể loại: thơ, truyện, văn, triết lí, dịch thuật (đa dạng về thể loại).  Tấu trình với trời về nguồn gốc của mình:  *“Con tên Khắc Hiếu họ là Nguyễn*  *Quê ở á Châu về địa cầu*  *Sông Đà núi Tản nước Nam Việt”*  Tản Đà giới thiệu về mình, với nét riêng:  +Tách tên, họ.  +Nói rõ quê quán, châu lục, hành tinh.  Nói rõ để trời hiểu Nguyễn Khắc Hiếu  🡪 ý cái tôi cá nhân và thể hiện lòng tự tôn , tự hào về dân tộc mình “sông Đà núi Tản nước Nam Việt” ...  => Cảm hứng lãng mạn và hiện thực đan xen nhau, trong bài thơ. (hiện thực: đoạn nhà thơ kể về cuộc sống của chính mình), khẳng định vị trí thơ Tản Đà là*“gạch nối của hai thời đại thi ca”*  **2. Nghệ thuật**  Thể thơ thất ngôn trường thiên khá tự do, giọng điệu thoải mái, ngôn ngữ tự nhiên, giản dị sinh động.  **3. Ý nghĩa văn bản**  Ý thức cá nhân, ý thức nghệ sĩ và quan niệm về nghề văn của Tản Đà.  **III. Tổng kết**  Ghi nhớ (Sgk) |

**4. Củng cố**: hệ thống hóa bài học. Những biểu hiện của nét “ngông” riêng của Tản Đà

**5. Dặn dò**: học bài cũ . Soạn bài mới: “***Nghĩa của câu”*** theo hệ thống câu hỏi sgk.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: ..............................................***

**Tiết 78.NGHĨA CỦA CÂU (tiếp)**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Khái niệm nghĩa sự việc, những nội dung sự việc và hình thức biểu hiện thông thường trong câu.

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết và phân tích nghĩa sự việc trong câu.

- Tạo câu thể hiện nghĩa sự việc.

- Phát hiện và sữa lỗi về nội dung ý nghĩa của câu.

**3. Thái độ**

- Có thái độ học tập nghiêm túc và ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**II. Phương tiện**

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

**III. Phương pháp**: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành. GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy

**IV. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức**

Sĩ số: ...................................

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Nêu các thành phần nghĩa của câu?

- Nêu khái niệm nghĩa sự việc và cho ví dụ minh họa?

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động khởi động**

*Như đã giới thiệu ở tiết trước, câu gồm có hai thành phần nghĩa cơ bản. chúng ta tìm hiểu được nghĩa sự việc ở tiết trước. Tiết này ta sẽ đi vào tìm hiểu phần còn lại của bài “nghĩa của câu” với nội dung nghĩa tình thái.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  HS đọc mục III SGk và trả lời câu hỏi.  - Nghĩa tình thái là gì ?  - Các trường hợp biểu hiện của nghĩa tình thái?  Gv hướng dẫn hs các ví dụ sgk.  HS đọc ghi nhớ SGK.  **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  Trao đổi thảo luận nhóm làm bài tập.  Nhóm 1.  Bài tập 1.  Nhóm 2.  Bài tập 2  Nhóm 3:  Bài tập 3.  Nhóm 4:  Bài tập 4. | **III. Nghĩa tình thái**  **1. Khái niệm**  - Nghĩa tình thái biểu hiện thái độ, sự đánh giá của người nói đối với sự việc hoặc đối với người nghe.  **2. Các trường hợp biểu hiện của nghĩa tình thái**  a. Sự nhìn nhận đánh giá và thái độ của người nói đối với sự việc được đề cập đến trong câu.  - Khẳng định tính chân thực của sự việc  - Phỏng đoán sự việc với độ tin cậy cao hoặc thấp.  - Đánh giá về mức độ hay số lượng đối với một phương diện nào đó của sự việc.  - Đánh giá sự việc có thực hay không có thực đã xảy ra hay chưa xảy ra.  - Khẳng định tính tất yếu, sự cần thiết hay khả năng của sự việc.  b. Tình cảm, thái độ của người nói đối với người nghe.  - Tình cảm thân mật, gần gũi.  - Thái độ bực tức, hách dịch.  - Thái độ kính cẩn.  **3. Ghi nhớ (**SGK).  **IV. Luyện tập**  Bài tập 1.   |  |  | | --- | --- | | Nghĩa sự việc | Nghĩa tình thái | | a. Hiện tượng nắng mưa ở hai miền khác nhau. | *Chắc:* Phỏng đoán độ tin cậy cao | | b. ảnh của mợ Du và thằng Dũng | *Rõ ràng là*: Khẳng định sự việc | | c. cái gông | *Thật là*: Thái độ mỉa mai | | d. Giật cướp, mạnh vì liều | *Chỉ:* nhấn mạnh; *đã đành*: Miễn cưỡng. |   Bài tập 2.  - *Nói của đáng tội:* Rào đón đưa đẩy.  *- Có thể:* Phóng đoán khả năng  *- Những:* Đánh giá mức độ cao( tỏ ý chê đắt).  *- Kia mà:* Trách móc( trách yêu, nũng nịu )  Bài tập 3.  - câu a: *Hình như*  - câu b: *Dễ*  - câu c: *Tận*  Bài tập 4:  Đặt câu:  Bây giờ chỉ 8h là cùng.  🡪 phỏng đoán mức độ tối đa.  Chả lẽ nó làm việc đó.  🡪 chưa tin vào sự việc. |

**4. Củng cố** : yêu cầu hs nhắc lại khái niệm nghĩa tình thái.

***5. Dặn dò*** :  Làm các bài tập vào vở

Học phần lí thuyết để áp dụng làm bài tập tương tự.

Soạn bài mới: ***Vội vàng*** (Xuân Diệu) theo yêu cầu của sgk.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: ..............................................***

**Tiết 79-80. VỘI VÀNG**

*Xuân Diệu*

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Niềm khao khát giao cảm với đời và quan niệm nhân sinh thẫm mĩ mới mẻ của Xuân Diệu.

- Đặc sắc của phong cách nghệ thuật thơ Xuân Diệu trước cách mạng tháng Tám

**2. Kĩ năng**

Đọc hiểu một tác phẩm trữ tình theo đặc trưng thể loại.

Phân tích một bài thơ mới.

**3. Thái độ**

Giáo dục một thái độ sống tích cực, một nhân cách sống trong sáng, yêu đời, biết cống hiến tuổi trẻ cho lý tưởng và xã hội.

**II. Phương tiện**

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

**III. Phương pháp**: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thưc hành, đọc diễn cảm... GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy

**IV. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức**

Sĩ số : …………………………………

**2. Kiểm tra bài cũ**: Nêu khái niệm “nghĩa tình thái”, cho ví dụ minh họa?

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động khởi động**

*Trước cách mạng tháng Tám , hồn thơ của Xuân diệu hồn nhiên yêu đời, yêu cuộc sống, say mê với cái đẹp, nhạy cảm với sự trôi chảy của thời gian. Nhưng càng yêu say đắm, Xuân Diệu sợ cuộc sống, sợ tình yêu và vẻ đẹp sẽ bỏ mình bay đi mất. Chính vì thế mà trong thơ ông có những thái độ hốt hoảng, lo âu, yêu sống một cách vội vàng cuống quýt, vồ vập.*

*“Vội vàng” tiêu biểu cho trạng thái cảm xúc ấy của Xuân Diệu.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **TIẾT 79** | |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc SKG – tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm.  - Hãy nêu vài nét về tác giả?    - Hãy cho biết xuất xứ của bài thơ?  Chia bố cục bài thơ và nêu nội dung chính từng phần?  Bố cục: 3 đoạn.  - 13 câu đầu: Tình yêu cuộc sống trần thế “*tha thiết*”.  -16 câu (câu 14🡪29): Nỗi băn khoăn về sự ngắn ngủi của kiếp người.  -10 câu cuối: Lời giục giã cuống quýt vội vàng để tận hưởng tuổi xuân của mình…  Gv hướng dẫn Hs đọc hiểu chi tiết.  Gv gọi 1 Hs đọc bài thơ.  Học sinh đọc, giáo viên hướng dẫn cách đọc, giọng đọc từng đoạn cho phù hợp.  Thao tác 1: Tìm hiểu 13 câu thơ đầu:  - Mở đầu bài thơ, tác giả thể hiện một khát vọng kì là đên ngông cuồng. Đó là khát vọng gì? Từ ngữ nào thể hiện điều này?  *Sở dĩ Xuân Diệu có khát vọng kì lạ đó bởi dưới con mắt của thi sĩ mùa xuân đầy sức hấp dẫn, đầy sự quyến rủ.*  - Vậy bức tranh mùa xuân hiện ra như thế nào? Chi tiết nào thể hiện điều này?  - Để miêu tả bức tranh thiên nhiên đầy xuân tình, tác giả sử dụng nghệ thuật gì?  Có gì mới trong cách sử dụng nghệ thuật của tác giả?  Nghệ thuật đó có tác dụng gì?  - Hãy cho biết tâm trạng của tác giả qua đoạn thơ trên?  Giáo viên hướng dẫn nắm đoạn “Xuân Diệu là nhà thơ …trong thơ” và cắt nghĩa từ “mới nhất” ở những phương diện nào? (nội dung và nghệ thuật).  **HẾT TIẾT 79 CHUYỂN SANG TIẾT 80**  Thao tác 2: Tìm hiểu 15 câu thơ tiếp.  *Thời gian tự nhiên vẫn thế nhưng quan niệm, cảm nhận về thời gian ở mỗi con người, thời đại lại khác nhau.*  - Quan niệm về thời gian của người xưa và Xuân Diệu có gì khác?  🡪 Người xưa, các nhà thơ trung đại(HXH).  …”Xuân vẫn tuần hoàn” 🡪 Thời gian qua đi rồi trở lại, thời gian vĩnh cửu 🡪 quan niệm này xuất phát từ cái nhìn tĩnh, siêu hình, lấy sinh mệnh vũ trụ làm thước đo.  - Từ quan niệm thời gian là tuyến tính, nhà thơ đã cảm nhận được điều gì? Chi tiết nào thể hiện được điều đó?  🡪Xuân Diệu thể hiện cảm nhận tinh tế về bước đi của thời gian là sự mất mát, chia li. Mất tuổi trẻ, tình yêu - đẹp nhất, quí nhất của đời người không còn. Không gian, thời gian, cảnh vật đều mất mát.  - Quan niệm sống của Xuân Diệu là gì qua đoạn thơ đó?  Thao tác 3: tìm hiểu 10 câu cuôi.  - Cảm nhận được sự trôi chảy của thời gian, Xuân Diệu đã làm gì để níu giữ thời gian?  Hãy nhận xét về đặc điểm của hình ảnh, ngôn từ, nhịp điệu trong đoạn thơ mới?  - Hãy nêu đặc sắc nghệ thuật của bài thơ?  - Hãy rút ra ý nghĩa của văn bản ?  Gv hướng dẫn học sinh tổng kết. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Xuân Diệu (1916- 1985) tên khai sinh là Ngô Xuân Diệu.  - Quê: Can Lộc – Hà Tĩnh nhưng sông với mẹ ở Quy Nhơn.  - Là nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới.  - Là nghệ sĩ lớn, nhà văn hóa lớn có sức sáng tạo mãnh liệt, bền bỉ và có sự nghiệp văn học phong phú.  **2. Tác phẩm**  - Xuất xứ: In trong tập Thơ thơ (1938)- tập thơ đầu tay và cũng là tập thơ khẳng định vị trí của Xuân Diệu – “Nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới”.  **II. Đọc - hiểu văn bản**  **1. Nội dung**  **a. Tình yêu cuộc sống tha thiết**  - Khát vọng kì lạ đến ngông cuồng:  “ Tắt nắng ; buộc gió” + điệp ngữ “tôi muốn” : khao khát đoạt quyền tạo hóa, cưỡng lại quy luật tự nhiên, những vận động của đất trời.  🡪 Cái tôi cá nhân đầy khao khát đồng thời cũng là tuyên ngôn hành động với thời gian.  - Bức tranh mùa xuân hiện ra như một khu vườn tràn ngập hương sắc thần tiên, như một cõi xa lạ:  + Bướm ong dập dìu  + Chim chóc ca hót  + Lá non phơ phất trên cành.  + Hoa nở trên đồng nội  🡪 Vạn vật đều căng đầy sức sống, giao hòa sung sướng. Cảnh vật quen thuộc của cuộc sống, thiên nhiên qua con mắt yêu đời của nhà thơ đã biến thành chốn thiên đường, thần tiên.  + Điệp ngữ: *này đây* tuần tháng mật.  kết hợp với hình ảnh, Hoa … xanh rì  âm thanh, màu sắc: Lá cành tơ …  Yến anh … khúc tình si  Ánh sang chớp hàng mi  + So sánh: tháng giêng ngon nhứ cặp môi gần: táo bạo. Nhà thơ phát hiện ra vẻ đẹp kì diệu của thiên nhiên và thổi vào đó 1 tình yêu rạo rực, đắm say ngây ngất.  🡪 Sự phong phú bất tận của thiên nhiên, đã bày ra một khu địa đàng ngay giữa trần gian - “một thiên đàng trần thế”  - Tâm trạng đầy mâu thuẫn nhưng thống nhất: *Sung sướng >< vội vàng*: Muốn sống gấp, sống nhanh, sống vội tranh thủ thời gian.  **b. Nỗi băn khoăn về sự ngắn ngủi của kiếp người**  - Xuân Diệu lại cho rằng:  Xuân đương tới – đương qua  Xuân còn non - sẽ già  🡪 thời gian như 1 dòng chảy, thời gian trôi đi tuổi trẻ cũng sẽ mất. Thời gian tuyến tính 🡪 Xuân Diêu thể hiện cái nhìn biện chứng về vũ trụ, thời gian.  - Cái nhìn động:  + Xuân Diêu cảm nhận sự mất mát ngay chính sinh mệnh mình.  Xuân hết nghĩa là tôi cũng mất  …tuổi trẻ chẳng 2 lần thắm lại  🡪 Mùa xuân, tuổi trẻ không tồn tại mãi, nó ngắn ngủi vô cùng, tuổi trẻ đẹp nhất của đời mỗi người. Xuân Diệu lấy tuổi trẻ làm thước đo thời gian. Thời gian mất nghĩa là tuổi trẻ cũng mất 🡪 Cảm nhận sâu sắc, thấm thía.  +Hình ảnh sự vật: Cơn gió xinh … phải bay đi  Chim rộn ràng … đứt tiếng reo.  🡪 tàn phai, héo úa, chia phôi, tiễn biệt.  - Mau: gấp gáp, vội vàng, cuống quýt, hưởng thụ.  🡪 Quan niệm mới, tích cực thấm đượm tinh thần nhân văn.  🡺 sự trân trọng và ý thức về giá trị của sự sống, cuộc sống, biết quí đời mình (đây cũng là cơ sở sâu xa của thái độ sống vội vàng).  **c. Lời giục giã cuống quýt vội vàng để tận hưởng tuổi xuân của mình**  Cảm xúc tràn trề, ào ạt khiến Xuân Diệu sử dụng ngôn từ đặc biệt.  - Nghệ thuật điệp cú theo lối tăng tiến:  Ta muốn ôm  riết  say  thâu  cắn  🡪 cao trào của cảm xúc mãnh liệt.  - Điệp  + Liên từ: và … và.  + Giới từ + trạng thái:  Cho chếnh choáng  đã đầy  no nê  - Tính từ chỉ xuân sắc: mơn mởn, thời tươi.  - Danh từ  🡪 Những biện pháp trên thể hiện cái “*tôi*” đắm say mãnh liệt, táo bạo, cái “*tôi*” điển hình cho thời đại mới, một cái *“tôi*” tài năng thiết tha giao cảm với đời.  - Nhip điệu của đoạn thơ dồn dập, hối hả, sôi nổi, cuồng nhiệt.  **2. Nghệ thuật**  - Sự kết hợp giữa ,mạch cảm xúc và ,mạch luận lí.  - Cách nhìn, cách cảm mới và những sáng tạo độc đáo về hình ảnh thơ.  - Sử dụng ngôn từ nhịp điệu dồn dập, sôi nổi, hối hả, cuồng nhiệt.  **3. Ý nghĩa văn bản**  Quan niệm nhân sinh, quan niệm thẫm mĩ mới mẻ của Xuân Diệu- nghệ sĩ của niềm khao khát giao cảm với đời.  **III. Tổng kết**  Phần Ghi nhớ. |

**4. Củng cố**

- Hệ thống hóa bài học.

- Quan niệm sống vội vàng của nhà thơ xuất phát từ quan niệm thái độ, tình cảm gì đối với cuộc sống? (bi quan, chán nản hay thiết tha yêu đời)

**5. Dặn dò**

- Học thuộc bài thơ.

- Soạn bài mới: ***Thao tác lập luận bác bỏ.***

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 81**. **THAO TÁC LẬP LUẬN BÁC BỎ**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Mục đích, yêu cầu của thao tác lập luân bác bỏ.

- Cách bác bỏ.

- Sử dụng thao tác lập luận bác bỏ.

**2. Kĩ năng**

- Nhận diện, chỉ ra tính hợp lí, đặc sắc của cách bác bỏ trong văn bản.

- Viết đoạn văn, bài văn bác bỏ một ý kiến.

**3. Thái độ**

Yêu thích môn học, ý thức khi tham gia tranh luận bác bỏ.

**II. Phương tiện**

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

**III. Phương pháp**: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành. GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy.

**IV. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức**

Sĩ số: .........................

**2. Kiểm tra bài cũ**

Đọc thuộc bài thơ “Vội vàng” và phân tích tình yêu cuộc sống tha thiết của tác giả?

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động khởi động**

*Lập luận bác bỏ rất cần thiết trong đời sống hiện nay, khi mà trong xã hội không khỏi những nhận định sai lầm, lệch lạc thậm chí phản cả các vấn đề chính trị, văn hóa, xã hội…Vì vậy chúng ta phải kịp thời bác bỏ nhận định đó để bảo vệ các chân lí. Muốn bác bỏ ý kiến người khác cần phải có tri thức, biết cách bác bỏ. Để làm được điều này, ta tìm hiểu bài : thao tác lập luận bác bỏ.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới**  Tìm hiểu mục I.sgk  GV yêu cầu hs tra từ điển TV nghĩa của từ bác bỏ,phản bác  Từ sự tra cứu đó,gv hình thành khái niệm cho hs bằng cách xét ví dụ trong sách  Vì sao ta lại dùng thao tác lập luận bác bỏ?  Thái độ của chúng ta khi bác bỏ ý kiến của một ai đó phải ntn?  Tìm hiểu mục II.sgk  Gv cho hs đọc tất cả những ví dụ trong SGK và tìm hiểu nội dung cơ bản của chúng và trả lời những câu hỏi nêu bên dưới sau khi đã thảo luận thống nhất.  Hs phải chỉ được luận điểm nào bị bác bỏ và bác bỏ bằng cách nào?  Hs thảo luận và trả lời.  GV hướng dẫn hs đọc và làm theo yêu cầu của bài.  \* Nl 1:  Luận điểm bác bỏ:  Nguyễn Du là con bệnh thần kinh.  - bác bỏ bằng cách phối hợp nhiều loại câu, nhất là câu hỏi tu từ và cách so sánh trí tưởng tượng của Nguyễn Du và trí tưởng các thi sĩ khác.  \* Nl2:  - Nguyễn An Ninh bác bỏ ý kiến sai trái: Tiếng nước mình nghèo nàn.  - Bác bỏ bằng cách khẳng định ý kiến không có cơ sở mà bằng so sánh hai nền văn học Việt Trung để nêu câu hỏi tu từ:  “Phải quy lỗi cho sự nghèo nàn của ngôn ngữ hay sự bất tài của con người”.  \* Nl3:  - Ông Nguyễn Khắc Viện bác bỏ quan niệm sai trái: “Tôi hút, tôi bị bệnh mặc tôi”  - Bác bỏ: bằng cách phân tích tác hại đầu đọc môi trường của những người hút thuốc lá gây ra cho những người xung quanh.  - Hãy nêu cách thức làm một bài văn nghị luận bác bỏ?  **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  Gv hướng dẫn học sinh làm bài tập sgk.  Gv gọi 1 Hs đọc yêu cầu sgk Hs khác suy nghĩ làm bài, Gv sửa lại. | **I. Mục đích và yêu cầu của thao tác lập luận bác bỏ**  **1/Khái niệm thao tác lập luận bác bỏ**  -Bác bỏ:bác đi,gạt đi,không chấp nhận ý kiến.  -Phản bác:Gạt bỏ bằng lí lẽ ý kiến,quan điểm của người khác  🢡Bác bỏ là dùng lí lẽ và chứng cứ để gạt bỏ những quan điểm, ý kiến sai lệch hoặc thiếu chính xác,...từ đó nêu lên ý kiến của mình để thuyết phục người nghe,người đọc  **2/Mục đích**  Nhằm phê phán cái sai để bảo vệ chân lí của đời sống và chân lí của nghệ thuật.  **3/Yêu cầu**  Chỉ ra cái sai hiển nhiên đó  Dùng lí lẽ và dẫn chứng khách quan, trung thực để bác bỏ ý kiến, nhận định sai trái.  Cần có thái độ khách quan, đúng mực, có văn hóa tranh luận.  **II.Cách bác bỏ**  **1/Bố cục bài văn nghị luận bác bỏ**  -Mở bài:Nêu rõ ý kiến sai lệch  -Thân bài:Dùng dẫn chứng kết hợp lí lẽ để bác bỏ  -Kết bài:Nêu ý kiến,quan điểm đúng hoặc rút ra bài học,việc làm cần thiết  **2/Cách thức bác bỏ**  -Nêu và phân tích quan điểm và ý kiến sai lệch, dẫn chứng minh hoạ tác hại của sai lầm,dẫn chứng trái ngược để phủ nhận,hoặc dùng lí lẽ trực tiếp phê phán sai lầm  -Khẳng định ý kiến,quan điểm đúng đắn của mình  **3/Giọng điệu của văn nghị luận bác bỏ**  -Rắn rỏi, dứt khoát  -Mang tính chiến đấu,có tính thuyết phục cao  **III. Luyện tập**  **Bài tập 1:**  \*Nguyễn đình Thi đã bác bỏ một quan điểm sai lầm cho rằng thơ là những lời hay, ý đẹp  \*Dùng dẫn chứng để bác bỏ với giọng văn nhẹ nhàng  \*Khi bác bỏ cần lựa chọn mức độ bác bỏ và giọng văn phù hợp  **Bài tập 2**:Hs về nhà chọn lựa một đoạn văn viết theo lối này và trả lời câu hỏi  \*Bài viết bác bỏ vấn đề gì?  \*Những luận cứ nào dùng để bác bỏ,mục đích của việc bác bỏ? |

**4. Củng cố**

- Hệ thống hóa kiến thức (khái niệm, cách bác bỏ).

- Tự xây dựng một số tình huống và vận dụng kiến thức, kĩ năng để bác bỏ.

**5. Dặn dò**

- Soạn bài mới: ***Tràng giang***(Huy Cận) theo hệ thống câu hỏi sgk.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 82.** **TRÀNG GIANG**

***Huy Cận***

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Vẻ đẹp của bức tranh “Tràng giang” và tâm trạng của nhà thơ.

- Đôi nét phong cách nghệ thuật thơ Huy Cận: sự kết hợp giữa yếu tố cổ điển và hiện đại; tính chất suy tưởng, triết lí….

**2. Kĩ năng**

Đọc hiểu thơ trữ tình theo đặc trưng thể loại.

Phân tích, bình giảng tác phẩm trữ tình.

**3. Thái độ**

Giáo dục cho Hstình yêu thiên nhiên, quê hương đất nước và cảm thông với nhà thơ**.**

**II. Phương tiện**

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

**III. Phương pháp**: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành, đọc diễn cảm... GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy.

**IV. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức**

Sĩ số: .............................................

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Thế nào là thao tác lập luận bác bỏ?

- Nêu cách bác bỏ thường thấy?

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động khởi động**

*Trong tập thơ “Lửa thiêng” nhà thơ Huy Cận có lần tự họa chân dung tâm hồn mình:*

*“Một chiếc linh hồn nhỏ*

*Mang mang thiên cổ sầu”*

*Nỗi sầu ấy có bao trùm cả tập “Lửa thiêng” và hội tụ ở bài “Tràng giang”- một trong những bài thơ tiêu biểu của hồn thơ Huy Cận trước Cách mạng tháng Tám.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới**  Gv hướng dẫn Hs đọc hiểu khái quát.  Hs đọc tiểu dẫn,gv định hướng cho hs ghi lại những ý chính  - Hãy nêu vài nét về tác giả Huy Cận?  Gs tìm hiểu xuất xứ,hoàn cảnh sáng tác của bài thơ,cách phân chia bố cụa hợp lí. Nêu được đại ý của từng phần  Hs đọc diễn cảm bài thơ  Gv hướng dẫn hs đọc hiểu chi tiết.  - Tại sao “Tràng giang” có nghĩ là sông dài và “Trường giang” cũng có nghãi là sông dài, tác giả không dùng từ “Trường giang”?  - Nhận xét của em về lời đề từ của bài thơ?  (Gv gợi ý cho hs 2 phần:nội dung tư tưởng và ý đồ nghệ thuật)  Gv nên đặt câu hỏi cho hs đi theo từng khổ thơ để thấy được sự thay đổi của cảnh và tâm trạng con người  Hãy phân tích những hình ảnh sông nước,thuyền,cành củi khô để thấy được biểu hiện tâm trạng của tác giả?  Nhận xét về hình ảnh, nhạc điệu, cách gieo vần của khổ thơ?  Hs thảo luận theo nhóm và cử đại diện trả lời,Gv chốt lại ý chính  Cảnh sông được miêu tả như thế nào?  Từ “đâu” gợi ta có cảm giác gì về dấu hiệu sự sống?  Suy nghĩ của em về âm thanh được nói đến trong câu này?  Nhận xét về hình ảnh “*trời sâu chót vót*”?  Thủ pháp nghệ thuật tương phản phát huy tác dụng gì?  Tâm trạng của tác giả biểu hiện ntn?  Hs thảo luận trả lời, gv chốt lại ý chính.  Hình ảnh cánh bèo manh tính ước lệ tượng trưng cho điều gì?  Câu hỏi tu từ cho ta thấy gì về sự giao kết tình người?  Vì sao trong ba khổ thơ đầu nhà thơ bày tỏ nỗi buồn sâu lắng,thống thiết trước thiên nhiên?(Gv có thể gợi mở cho các em về bối cảnh đất nước)  Phân tích vẻ đẹp buổi chiều qua miêu tả của nhà thơ?  Phân tích điểm khác nhau về nỗi nhớ trong thơ xưa và trong thơ HC(Gv giới thiệu bàiHoàng Hạc Lâu của Thôi Hiệu)  HS thảo luận và trả lời,gv chốt lại ý chính  Hãy nêu đặc sắc nghệ thuật của bài thơ?  Em hãy rút ra ý nghĩa văn bản?  Gv hướng dẫn Hs tổng kết. | **I. Tìm hiểu chung**  **1/Tác giả**  - Huy Cận (1919-2005) quê ở làng Ân Phú,huyện Hương Sơn,tỉnh Hà Tĩnh  - Thuở nhỏ ông học ở quê rồi vào Huế học hết trung học,1939 ra Hà Nội học ở trường cao đẳng Canh nông  - Từ năm 1942,Huy Cận tích cực hoạt động trong mặt trận Việt Minh sau đó được bầu vào uỷ ban dân tộc giải phóng toàn quốc. Sau cách mạng tháng 8, giữ nhiều trọng trách quan trọng trong chính quyền cách mạng.  🡪 Huy Cận là nhà thơ lớn, một đại biểu xuất sắc của phong trào Thơ Mới với hồn thơ ảo não.  - Tác phẩm tiêu biểu:  \*Trước cách mạng tháng 8: *Lửa thiêng, Kinh cầu tự, Vũ trụ ca....*  \*Sau cách mạng tháng 8: *Trời mỗi ngày lại sáng, Đất nở hoa, Chiến trường gần đến chiến trường xa...*  -Thơ Huy Cận hàm xúc, giàu chất suy tưởng triết lí.  **2/Bài thơ “Tràng giang**”  -Xuất xứ: ***“Lửa thiêng”***  -Hoàn cảnh sáng tác:Vào mùa thu năm 1939 khi đứng trước sông Hồng mênh mông sóng nước  **II. Đọc - hiểu văn bản**  **1. Nội dung**  **a. Nhan đề bài thơ và lời đề từ**  **a1. Nhan đề:**  - Từ Hán Việt “Tràng giang”(sông dài)🡪 gợi không khí cổ kính.  - Hiệp vần “ang”: tạo dư âm vang xa, trầm lắng, mênh mang.  🡪 Gợi không khí cổ kính, khái quát🡪 nỗi buồn mênh mang, rợn ngợp.  **a2.Lời đề từ:**  -Thể hiện nội dung tư tưởng và ý đồ nghệ thuật của tác giả.  + Nỗi buồn trước cảnh vũ trụ bao la bát ngát  + Hình ảnh thiên nhiên rộng lớn,tâm sự của cái tôi cô đơn mang nhiều nỗi niềm  - Câu này là khung cảnh để tác giả triển khai toàn bộ cảm hứng  **b . Ba khổ thơ đầu**: **Bức tranh thiên nhiên và tâm trạng của nhà thơ**  **b1. Khổ 1:**  -Hình ảnh : *sóng gợn, thuyền, nước song song* 🡪 cảnh sông nước mênh mông, vô tận, bóng con thuyền xuất hiện càng làm cho nó hoang vắng hơn.  - *Củi 1 cành khô>< lạc trên mấy dòng nước*🡪sự chìm nổi cô đơn ,biểu tượng về thân phận con người lênh đênh,lạc loài giữa dòng đời  -Tâm trạng:buồn điệp điệp🡪 từ láy gợi nỗi buồn thương da diết,miên man không dứt  ***🢡* Với khổ thơ giàu hình ảnh, nhạc điệu và cách gieo vần nhịp nhàng và dùng nhiếu từ láy, khổ thơ đã diễn tả nỗi buồn trầm lắng của tác giả trước thiên nhiên.**  **b2. Khổ 2:**  - Cảnh sông: *cồn nhỏ lơ thơ, gió đìu hiu* gợi lên cái vắng lặng , lạnh lẽo cô đơn đến rợn ngợp  - Âm thanh:Tiếng *chợ chiều* gợi lên cái mơ hồ, âm thanh yếu ớt gợi thêm không khí tàn tạ, vắng vẻ tuy thoáng chút hơi người  -Hình ảnh:*Trời sâu chót vót*⭢cách dùng từ tài tình,ta như thấy bầu trời được nâng cao hơn,khoáng đãng hơn  *Sông dài,trời rộng><bến cô liêu*⭢Sự tương phản giữa cái nhỏ bé và cái vô cùng gợi lên cảm giác trống vắng,cô đơn  ***🢡* Với cách gieo vần tài tình, âm hưởng trầm bổng, Huy Cận như muốn lấy âm thanh để xoá nhoà không gian buồn tẻ hiện hữu nhưng không được. Nhà thơ cố tìm sự giao cảm với vũ trụ cao rộng nhưng tất cả đều đóng kín.**  **b3. Khổ 3:**  - Hình ảnh ước lệ: “*bèo*” để diễn tả thân phận, kiếp người chìm nổi.  - Câu hỏi: “*về đâu*” gợi cái bơ vơ,lạc loài của kiếp người vô định  - *Không cầu, không đò*: không có sự giao lưu kết nối đôi bờ ⭢ niềm khao khát mong chờ đau đáu dấu hiệu sự sống trong tình cảnh cô độc.  ***🢡 Ba khổ thơ biểu hiện cho niềm tha thiết với thiên nhiên tạo vật. Đó là một bức tranh thiên nhiên thấm đượm tình người,mang nặng nỗi buồn bâng khuâng,nỗi bơ vơ của kiếp người.Nhưng đằng sau nỗi buồn về sông núi là nỗi buồn của người dân thuộc địa trước cảnh giang sơn bị mất chủ quyền****.*  **c/Tình yêu quê hương**  - Hình ảnh ước lệ,cổ điển:Mây, chim...⭢vẽ lên bức tranh chiều tà đẹp hùng vĩ, êm ả, thơ mộng.  - Tâm trạng: Không khói....⭢ âm hưởng Đường thi nhưng t/c thể hiện mới. Nỗi buồn trong thơ xưa là do thiên nhiên tạo ra,còn ở Huy Cận không cần nhờ đến thiên nhiên, tạo vật mà nó tìm ẩn và bộc phát tự nhiên vì thế mà nó sâu sắc và da diết vô cùng.  ***🢡 Đằng sau nỗi buồn,nỗi sầu trước không gian và vũ trụ là tâm sự yêu nước thầm kín của một trí thức bơ vơ,bế tắc trước cuộc đời.***  **2. Nghệ thuật**  **-** Sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố cổ điển vàg hiện đại.  - Nghệ thuật đối, bút pháp tả cảnh giàu tính tạo hình, hệ thống từ láy giàu giá trị biểu cảm.  **3. Ý nghĩa văn bản**  Vẻ đẹp bức tranh thiện nhiên, nỗi sầu của cái tôi cô đơn trước vũ trụ rộng lớn, niềm khát khao hòa nhập với đời và lòng yêu quê hương đất nước tha thiết.  **III.Tổng kết**  Ghi nhớ Sgk. |

**4. Củng cố:**

Tìm nét cổ điển và hiện đại trong bài thơ.

***5. Dặn dò:***

- Học thuộc bài thơ.

- Tập phân tích bài thơ. Tìm nét hiện đại và cổ điển trong bài thơ.

- Soạn bài mới: ***Luyện tập thao tác lập luận bác bỏ.***

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 83:LUYỆN TẬP THAO TÁC LẬP LUẬN BÁC BỎ**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Vận dụng thành thạo kiến thức đã học.

- Viết được một đoạn nghị luận theo thao tác lập luận bác bỏ

**2. Kĩ năng**

Kĩ năng nhận diện và viết đoạn văn, bài văn sử dụng thao tác lập luận bác bỏ.

**3. Thái độ**

- Yêu thích môn học, ý thức tranh luận bác bỏ.

**II. Phương tiện**

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

**III. Phương pháp**: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành. GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy.

**IV. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức**

Sĩ số: .........................................

**2. Kiểm tra bài cũ**: Nêu các bước tiến hành cuả thao tác lập luận bác bỏ?

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động khởi động**

*Tiết trước, ta học phần lí thuyết của bài : Thao tác lập luận bác bỏ. Để củng cố lí thuyết, hôm nay, ta học bài : Luyện tập thao tác lập luận bác bỏ.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Hoạt động 1. Hoạt động thực hành**  ôn tập phần lí thuyêt  GV hướng dẫn Hs làm bài tập.  Gv hướng dẫn hs tìm hiểu nội dung của đoạn 1 và chỉ ra cách thức bác bỏ  Người viết bác bỏ vấn đề gì?  Chứng minh cho vấn đề đó người viết đã dùng những luận cứ nào?  Hs thảo luận và trả lời câu hỏi  Ở đoạn 2 ý kiến bác bỏ nhằm mục đích gì?  Luận cứ đưa ra để bác bỏ vấn đề dựa trên suy nghĩ gì?  Hs thảo luận và trả lời  GV hướng dẫn hs tìm hiểu và đưa ra cách bác bỏ cho từng ý kiến  Phần bên là ví dụ về ý kiến thứ 1,Gv có thể đề xuất thêm nhiều kinh ngiệm khác.  Gv hướng dẫn hs tìm ra nội dung bác bỏ | **I. Lí thuyết**  - Thế nào là bác bỏ?  - Mục đích, yêu câu của thao tác lập luận bác bỏ?  - Cách thực hiện thao tác lập luận bác bỏ?  **II. Bài tập**  **Bài tập 1:**  ***1/Đoạn 1***:Có quan niệm cho rằng cuộc sống riêng của mỗi người là đầy đủ tiện nghi, được bao bọc cẩn thận trong êm ấm và tuyệt đối không cần phải hiểu biết gì nhiều về xung quanh.  Ý kiến bác bỏ:Cho đó là sai lầm bởi vì nó làm nghèo nàn đi tâm hồn con người,con người sẽ không có khả năng tự bảo vệ mình khi đối diện với muôn vàn khó khăn của cuộc sống và như thế con người sẽ không thấy được giá trị của hạnh phúc  ***2/Đoạn 2:*** Ý bác bỏ thứ nhất thể hiện qua dạng câu hỏi tu từ biểu hiện cho thái độ khiêm tốn của Quang Trung.  Ý bác bỏ thứ hai cho thấy rằng QT chỉ rõ được thái độ chưa hợp tác của các sĩ phu Bắc Hà chứ một đất nước không thể không có người tài,không có người trung thành tín nghĩa.  **Bài tập 2:**  ***1/Bác bỏ quan niệm thứ nhất***: Nếu học thuộc nhiều sách,học thuộc nhiều thơ thì chỉ làm cho kiến thức chúng ta thêm phong phú chứ không thể rèn luyện tư duy,khả năng sáng tạo của người viết vì thế khi viết văn dễ sa vào rập khuôn,máy móc,thói khoe chữ cầu kì  ***2/Đề xuất vài kinh nghiệm:***  -Đọc nhiều sách,nhớ những dẫn chứng hay  -Rèn khả năng hành văn  -Tìm tòi,phát hiện cái mới  **Bài tập 3**:Hãy chỉ ra cách bác bỏ trong đoạn văn sau  ***Hoà hợp không có nghĩa là giống nhau***  Nhiều bạn trẻ ngộ nhận rằng,hai người có nhiều điểm tương đồng trong suy nghĩ,cách sống thì cuộc sống vợ chồng sẽ rất hợp nhau.Vì vậy khi chọn người yêu hoặc bạn đời,các đừng chỉ nhìn vào biểu hiện bên ngoài mà đã vội cho rằng đấy chính là người hợp “gu” với mình.Quan điểm này hoàn toàn sai lầm.Bởi lẽ nếu hai bạn cùng có chung quan niệm sống,cá tính mạmh mẽ thì thường nảy sinh mâu thuẫn,sẽ không ai chịu nhường ai cả.Bạn có thể cùng sở thích về văn học, điện ảnh ca nhạc,vui chơi,giải trí ấy là điều tốt nhưng nếu hai người cùng đều có ý muốn an nhàn,hưởng thụ,ích kỉ thì e rằng tổ ấm của bạn sẽ chẳng có ai “giữ lửa” cho hạnh phúc cả. |

**4.Củng cố:**

Yêu cầu Hs nhắc lại khái niệm lập luận bác bỏ và cách bác bỏ.

**5. Dặn dò:**

- Làm các bài tập vào vở.

- Soạn bài mới: Trả bài viết số 5, ra đề bài số 6.

- Yêu cầu: Lập dàn ý đề bài số 5.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 84:** **TRẢ BÀI VIẾT SỐ 5 – RA ĐỀ BÀI VIẾT SỐ 6**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

Vận dụng những kiến thức về bài học và các thao tác đã học: phân tích, so sánh,.. để làm bài

**2. Kĩ năng**

Phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú đường luật.

**3. Thái độ**

- Có thái độ học tập nghiêm túc biết nhận ra cái sai và sữa sai để làm bài sau tốt hơn.

**II. Phương tiện**

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

**III. Phương pháp**: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thưc hành, GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy.

**IV. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức**

**Sĩ số: ..........................................**

**2. Kiểm tra bài cũ**: không.

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động khởi động**

*Tiết trước các em đã được củng cố kiến thức đọc văn và thực hành kĩ năng vận dụng các thao tác lập luận trong bài văn nghị luận cụ thể bằng một bài viết số 5. thế nhưng việc vận dụng các kĩ năng ấy, kết hợp vậ dụng những kiến thức đã học của bản thân minh trong bài viết thật sự dúng hay chưa. Tiết hôm nay sẽ giúp các em nhận ra điều đó?*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Hoạt động 2. Hoạt động thực hành**  Hướng dẫn học sinh tìm hiểu yêu cầu của đề và lập dàn ý đại cương theo đáp án trình bày ở bài viết số 5.  - Yêu cầu học sinh đọc lại đề bài  - Theo em đề bài này có những yêu cầu gì về nội dung, kĩ năng, tài liệu?  - Với những yêu cầu trên bài viết đảm bảo những yêu cầu nào?  - Gv chốt lại các ý trọng tâm cần đạt.    Gv nhận xét ưu khuyết điểm của học sinh.  Gv hướng dẫn sửa lỗi.  - Gv ghi những lỗi sai trên bảng.  - Yêu cầu học sinh nhận xét và sửa lỗi.  Gv trả bài viết, nhắc nhở học sinh lưu ý khác phục những lỗi sai và ra dề bài viết số 6 (về nhà làm) | **A.Trả bài số 5**  **I. Tìm hiểu đề, lập dàn ý bài văn**  Đề: ***Vẻ đẹp lãng mạn hào hùng của người chí sĩ cách mạng Phan Bội Châu trong buổi đầu xuất dương tìm đường cứu nước trong tác phẩm “Lưu biệt khi xuất dương”.***  **1. Xác định yêu cầu đề**  - Dạng đề: nghị luận văn học.  - Yêu cầu về nội dung:  Vẻ đẹp lãng mạn hào hùng của người chí sĩ..  - Yêu cầu về tài liệu:  Tác phẩm “Lưu biệt khi xuất dương”  **2. Lập dàn ý**  Cần đảm bảo các ý sau:  - Vẻ đẹp lãng mạn hào hùng trong lẽ sống cao cả, làm trai là phải xoay trời chuyển đất, vũ trụ không được sống tầm thường (2 câu đầu)  - Vẻ đẹp hào hùng mang ý thức cái tôi đầy trách nhiệm (2 câu thực)  - Vẻ đẹp hào hùng trong quan niệm sốn vinh nhục gắn liền với sự tông vong của đất nước và ý thức khát vọng táo bạo từ bỏ lối họckhoa cử để tìm con đường mới có thể cứu nước(2 câu luân).  - Cuối cùng là vẻ đẹp hào hùng tron tư thế người ra đi tìm đường cứu nước đầy hăm hở, khí thế, nhiệt huyết với bao khát vọng mang tầm vóc vũ trụ(2 câu cuối).  **II. Nhận xét ưu, khuyết điểm**  **1. Ưu điểm**  - Đa số biết xác định đúng yêu cầu đề về nội dung, kĩ năng, tài liệu.  - Đa số hiểu đề, tập trung làm rõ vẻ đẹp hào hùng của người chí sĩ cách mạng Phan Bội Châu trong bài “Xuất dương lưu biệt”  - Một số em phan tích khá sâu sắc vẻ đẹp hào hùng và lập luận chặt chẽ.  - Một số em có sự linh hoạt trong sự liên hệ thêm một số tác phẩm cùng tư tưởng, nội dung để làm rõ vấn đề cần trình bày như “Chí làm trai” quan niệm quân trung của Nguyễn Đình Chiểu trong bài “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc”  **2. Khuyết điểm**  - Tuy nhiên vẫn còn một số trường hợp xác định nội dung chưa chính xác nên sa vào việc phân tích hoàn toàn bài thơ mà không nhấn mạnh vẻ đẹp hào hùng…  - Một vài em sa vào diễn suông ý thơ nên lập luận thiếu chặt chẽ.  - Có bài còn hiểu sai tư tưởng của nhà thơ trong 2 câu 5,6 (nhà thơ cho rằng không cần phải học, học chẳng có tác dụng gì đối với đất nước.)  - Nhiều em diễn đạt còn lũng củng, lan man, chưa trình bày thật cô đọng, hàm súc và có nhiều trường hợp sai lỗi chính tả, ngữ pháp,…  **III. Sữa lỗi**  **1. Viết sai chính tả**  Nhiệt hiết 🡪 nhiệt huyết.  Chắc nịt 🡪 chắc nịch….  **2. Ngữ pháp, diễn đạt**  - Thiếu vị ngữ: Phan Bội Châu, người chiến sĩ cách mạng yêu nước.  🡪 Thêm vào: …..đã quyết tâm xuất dương tìm đường cứu nước.  - Hiểu sai ý thơ: với câu 6 nhà thơ cho rằng không cần phải học chẳng có tác dụng gì cho đất nước.  🡪 Sửa: Nhà thơ nhận ra một chân lí vô cùng mới mẻ, táo bạo việc học theo lối từ chương khoa cử chẳng giúp ích gì cho đất nước trong hoàn cảnh nước mất nhà tan.  **IV. Kết quả** |

**B. Ra đề bài số 6, học sinh làm ở nhà**

**BÀI VIẾT SỐ 6**

**I. MỤC TIÊU KIỂM TRA**

Vận dụng kiến thức đã học và các thao các thao tác lập luận phân tích, so sánh để viết bài văn nghị luận xã hội.

Củng cố kiến thức và kĩ năng làm văn nghị luận.

Bồi dưỡng ý thức và tình cảm lành mạnh, đúng đắn đối với con người và cuộc sống.

**II. HÌNH THỨC KIỂM TRA**

- Tự luận

- Hình thức tổ chức kiểm tra: Bài làm ở nhà

**III. KHUNG MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng thấp** | **Vận dụng cao** | **Cộng** |
| **Làm văn**  - Những vấn đề chung về văn bản và tạo lập văn bản.  - Nghị luận xã hội |  |  | Vận dụng kiến thức đã học và kĩ năng tạo lập văn bản viết bài văn nghị luận xã hội. | |  |
| *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ %* |  |  | *1*  *10 điểm*  *100%* | | *Số câu: 1*  *10điểm*  *=100%* |
| Tổng số câu  Tổng số điểm  Tỉ lệ % |  |  | 1  10 điểm  100% | | Số câu: 1  10 điểm  100% |

**IV.ĐỀ KIỂM TRA**

**ĐỀ KIỂM TRA**

*Thời gian làm bài: Bài viết ở nhà*

***Theo anh chị, làm thế nào để môi trường của chúng ta ngày càng xanh, sạch đẹp ?***

**V. HƯỚNG DẪN CHẤM**

**1. Yêu cầu kĩ năng**

Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội. Kết câu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

**2. Yêu cầu về kiến thức**

Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng phải làm nổi bật được những ý cơ bản sau: *Sau đây là một số gợi ý:*

- Môi trường là gì?

- Vì sao cần phải bảo vệ môi trường?

- Con người và môi trường có quan hệ như thế nào?

- Biện pháp thiết thực để bảo vệ môi trường?

Liên hệ việc làm của thanh niên, họcsinh hiện nay.

Trình bày lưu loát, chữ viết cẩn thận, không mắc lỗi chính tả, dùng từ.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung đánh giá** | **Mức độ kết quả cần đạt** | | | | |
| **Giỏi** | **Khá** | **TB** | **Yếu** | **Kém** |
| **Làm văn** | **Tiêu chí**  - Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, có cảm xúc và sáng tạo; có thể còn một vài sai sót về chính tả, dùng từ.  - Giới thiệu được vấn đề  - Lý giải được con người và môi trường có quan hệ như thế nào.Biện pháp thiết thực để bảo vệ môi trường?  Liên hệ việc làm của thanh niên, họcsinh hiện nay.  - Bài viết sâu sắc, sáng tạo. | **Tiêu chí:**  - Bố cục rõ ràng, lập luận tương đối chặt chẽ; còn mắc một số lỗi về chính tả, dùng từ, ngữ pháp.  - Lý giải được con người và môi trường có quan hệ như thế nào.Biện pháp thiết thực để bảo vệ môi trường?  Liên hệ việc làm của thanh niên, họcsinh hiện nay.  nhưng chưa sâu sắc | **Tiêu chí:**  - Bố cục, lập luận chưa rõ ràng, mắc nhiều lỗi về chính tả, dùng từ, ngữ pháp.  - Lý giải được con người và môi trường có quan hệ như thế nào.Biện pháp thiết thực để bảo vệ môi trường?  nhưng chưa sâu sắc  - Diễn đạt không rõ ràng. | **Tiêu chí:**  - Mắc lỗi bố cục, lập luận, rất nhiều lỗi về diễn đạt.  - Chưa hiểu đề, diễn đạt không rõ ý, Phân tích vấn đề sơ sài. | **Tiêu chí:**  Không làm hoặc hoàn toàn lạc đề. |
|  | ***Điểm: 10 – 8,0*** | ***Điểm: 7,75 – 6,5*** | ***Điểm: 6– 5*** | ***Điểm:4,75 -3,75*** | ***Điểm: 3,5-0*** |

**4. Củng cố**

Yêu cầu Hs lưu ý khắc phục những lỗi sai đã nêu ra.

**5. Dặn dò**

- Về nhà làm bài viết tuần sau nộp.

- Soạn bài : ***Đây thôn Vĩ Dạ*** (Hàn Mặc Tử).

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 85-86. ĐÂY THÔN VĨ DẠ**

***Hàn Mặc Tử***

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Cảm nhận tình yêu đời, ham sống mãnh liệt và đầy uổn khúc qua bức tranh phong cảnh xứ Huế.

- Nhận ra sự vận động của tứ thơ, của tâm trạng chủ thể trữ tình và bút pháp tài hoa, độc đáo của Hàn Mặc Tử.

**2. Kĩ năng**

Đọc hiểu bài thơ trữ tình theo đặc trưng thể loại.

Cảm thụ, phân tích bài thơ

**3. Thái độ**

- Giáo dục hs yêu quê hương đất nước và cảm thông với nhà thơ..

**II. Phương tiện**

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

**III. Phương pháp**: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành, đọc diễn cảm... GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy.

**IV. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức**

**Sĩ số: …………………………..**

**2. Kiểm tra bài cũ :** Không.

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động khởi động**

*Trong phong trào thơ mới, Hàn Mặc Tử là một nhà thơ khá đặc biệt. Nhớ đến Hàn Mặc Tử nhớ đến một cuộc đời ngắn ngủi mà đầy bi kịch, nhớ đến một con người tài hoa mà đau thương tột đỉnh. Nhớ đến Hàn Mặc Tử cũng là nhớ đến những vần thơ như dính hồn và nhớ đến những câu thơ đau buồn mà trong sáng, tuy đầy hư ảo mà đẹp một cách lạ lùng. “Đây thôn Vĩ Dạ” là một bài thơ trong số không nhiều bài thơ như thế của Hàn Mặc Tử.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **TIẾT 85** | |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  GV giới thiệu cho hs tiểu sử tác giả và sự ngiệp thơ ca,cho hs ghi ý chính  Nên nói đến căn bệnh đã ảnh hưởng đến hồn thơ của ông  Những tác phẩm chính của t/g?  Ở phần này gv chốt lại vấn đề sau khi dẫn chứng một số bài thơ của ông như *Bẽn lẽn, Gái quê, Mùa xuân chín.*  Qua những bài thơ đó thì yếu tố lãng mạn, siêu thực thể hiện ntn?(Gv có thể trả lời nếu hs không phát hiện được)  Hs tìm hiểu xuất xứ, đại ý của bài thơ và phân chia bố cục  Gv hướng dẫn hs đọc hiểu chi tiết bài thơ.  Gv đọc qua bài thơ và yêu cầu hs đọc diễn cảm  Câu hỏi đầu tiên gợi điều gì?  Cảnh Thôn Vĩ hiện lên ra sao?  Bóng dáng của người con gái Huế xuất hiện gây thêm ấn tượng gì cho lời mời gọi?  Hs thảo luận và trả lời những câu hỏi trên,gv tổng hợp và cho ghi ý chính.  **HẾT TIẾT 85, CHUYỂN SANG TIẾT 86**  Phân tích bức tranh thiên nhiên ở khổ 2,nó có sự khác biệt gì so với khổ 1?  Nhận xét về cách sử dụng biện pháp tu từ?  Tâm trạng của chủ thể trữ tình thay đổi ntn?  Hình ảnh bến sông trăng gợi cho em cảm giác gì về vẻ đẹp của thiên nhiên  Đằng sau phong cảnh ấy là tâm sự gì của nhà thơ?  Hs thảo luận và trả lời câu hỏi,gv định hướng và tổng hợp vấn đề  Em hiểu ntn về câu thơ “Áo em....”?  Câu hỏi cuối cùng bộc lộ tâm trạng gì và nó có liên quan ntn với câu hỏi mở đầu?  Hs thảo luận và trả lời  Mối tình của tác giả có liên quan như thến nào đến những tâm sự trong bài thơ này?  Phần này gv đã giới thiệu ở đầu nay nhấn lại để hs dễ nhận ra tâm trạng thay đổi qua cách nhìn và cách cảm thiên nhiên.  Hãy nêu đặc sắc của bài thơ?  Hãy rút ra ý nghĩa văn bản ?  Gv hướng dẫn Hs tổng kết.  Hs nêu chủ đề,gv tổng kết. | **I.Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Hàn Mặc Tử(1912-1940),tên thật là Nguyễn Trọng Trí, sinh ra ở Đồng Hới, Quảng Bình  - Sớm mất cha sống với mẹ tại Quy Nhơn  - Đi làm công chức thời gian ngắn rồi mắc bệnh.  - Là nhà thơ có sức sáng tạo mãnh liệt trong phong trào Thơ mới “ Ngôi sao chổi trên bầu trời thơ Việt Nam”(Chế Lan Viên)  **2.Sự nghiệp**  -Tác phẩm chính:Gái quê,thơ điên,xuân như ý,duyên kì nhộ,quần tiên hội  -Tâm hồn thơ ông đã thăng hoa thành những vần thơ tuyệt diệu,chẳng những gợi cho ta niềm thương cảm còn đem đến cho ta những cảm xúc thẩm mĩ kì thú và niềm tự hào về sức sáng tạo của con người  -Quá trình sáng tác thơ của ông đã thâu tóm cả quá trình phát triển của thơ mới từ lãng mạn sang tượng trưng đến siêu thực  **3.Bài thơ**  a. Hoàn cảnh sáng tác :Nằm trong tập “Gái quê”sáng tác năm 1938 được khơi nguồn từ mối tình đơn phương của Hàn Mặc Tử với Hoàng Thị Kim Cúc.  b.Giá trị bài thơ: Lòng yêu cuộc sống, nỗi niềm trong dự cảm chia xa, niềm hi vọng mong manh về TY hạnh phúc  c.Bố cục:2 phần  **III. Đọc - hiểu văn bản**  **1. Nội dung**  **a*/Bức tranh thôn Vĩ***  ***\**. *Vĩ Dạ hừng đông***  - Câu hỏi tu từ: “Sao anh....” gợi cảm giác trách cứ nhẹ nhàng cũng là lời mời gọi tha thiết  - Cảnh thôn Vĩ: đẹp trữ tình, thơ mộng qua sự hoá thân của chủ thể trữ tình vào nhân vật  - Con người:Lá trúc ....⭢bóng dáng con người xuất hiện trong phong cảnh tạo nên sự hấp dẫn cho lời mời gọi  ***🢡Vĩ Dạ hừng đông đúng là cảnh của sự mời gọi,dù là mời gọi trong tưởng tượng,trong kí ức nhưng ta nghe như có tiếng thì thầm của gặp gỡ, vui tươi.***  **\*. *Vĩ Dạ đêm trăng***  -CHình ảnh:Gió lối gió,mây đường mây biểu hiện của sự chia cách  - Nhân hóa: Dòng nước....làm nổi lên bức tranh thiên nhiên chia lìa buồn bã⭢sự chuyển biến về trạng thái cảm xúc của chủ thể trữ tình  Bến sông trăng:h/ả lạ,gợi lên vẻ đẹp lãng mạn,nhẹ nhàng,tất cả đang đắm chìm trong bồng bềnh mơ mộng,như thực như ảo  - Câu hỏi:Có chở......⭢sáng lên hivọng gặp gỡ nhưng lại thành ra mông lung,xa vời  *🢡* ***Cảm xúc chuyển biến đột ngột từ niềm vui của hi vọng gặp gỡ sang trạng thái lo âu đau buồn thất vọng khi tác giả nhớ và mặc cảm về số phận bất hạnh của mình. Ở đó ta còn thấy được sự khao khát tha thiết đợi chờ một cách vô vọng.***  **b*/ Tâm trạng của nhà thơ***  - Mơ khách .....:Khoảng cách về thời gian, không gian  - Áo em .....:hư ảo, mơ hồ⭢hình ảnh người xưa xiết bao thân yêu nhưng xa vời,không thể tới được nên t/g rơi vào trạng thái hụt hẫng,bàng hoàng,xót xa  - Ai biết ........:biểu lộ nỗi cô đơn trống vắng trong tâm hồn của t/g đang ở thời kì đau thương nhất.Lời thơ bâng khuâng hư thực gợi nỗi buồn xót xa trách móc  *🢡* ***Khi hoài niệm về quá khứ xa xôi hay ước vọng về những điều không thể nhà thơ càng thêm đau đớn. Điều đó chứng tỏ tình yêu tha thiết cuộc sống của một con người luôn có khát vọng yêu thương và gắn bó với cuộc đời.***  **2. Nghệ thuật**  - Trí tưởng tượng phong phú.  - Nghệ thuật so sánh nhân hóa; thủ pháp lấy động gợi tĩnh, sử dụng câu hỏi tu từ,..  - Hình ảnh sáng tạo, có sự hòa quyện giũa thực và ảo.  **3. Ý nghĩa văn bản**  Bức tranh phong cảnh Vĩ Dạ và lòng yêu đời, ham sống mãnh liệt mà đầy uổn khúc của nhà thơ.  **III. Tổng kết**  Ghi nhớ (Sgk) |

**4.Củng cố**

Hệ thống hóa bài học bằng nội dung phần ghi nhớ.

**5. Dặn dò**

- Đọc thuộc lòng bài thơ. Cảm nhận về một hình ảnh thơ mà em ấn tượng nhất.

- Soạn bài **“Chiều tối”** của Hồ Chí Minh.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 87. CHIỀU TỐI (Mộ)**

***Hồ Chí Minh***

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Cảm nhận vẻ đẹp tâm hồn của Hồ Chí Minh: Sự kết hợp hài hòa giữa chiến sĩ và thi sĩ; giữa yêu nước và nhân đạo.

- Thấy được sắc thái vừa cổ điển vừa hiện đại cảu bài thơ.

**2. Kĩ năng**

Đọc hiểu bài thơ theo đặc trưng thể loại.

**3. Thái độ**

- Giáo dục tinh thần lạc quan, yêu nước cho Hs .

**II. Phương tiện**

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

**III. Phương pháp**: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành, đọc diễn cảm... GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy.

**IV. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức**

**Sĩ số: .................................................**

**2. Kiểm tra bài cũ**

Đọc thuộc bài thơ và phân tích bức tranh thôn Vĩ?

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động khởi động**

*Hôm nay, ta tìm hiểu dòng văn học cách mạng và người đầu tiên đại diện cho dòng văn học này là Hồ Chí Minh. Để hiểu hơn về bài thơ của Người cũng như mạch thơ luôn vận động hướng về sự sống và ánh sáng ta tìm hiểu bài thơ “Chiều tối” trích “Nhật kí trong tù”.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới**  Gv hướng dẫn hs đọc hiểu khái quát.  Hs giới thiệu vài nét về tiểu sử,hoàn cảnh sáng tác, giá trị tập thơ “NKTT”    Hs đọc phần tiểu dẫn và tìm hiểu một vài nét liên quan đến bài thơ.  Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ?  Gv hướng dẫn hs so sánh với phiên âm để tìm ra điểm khác biệt trong bản dịch  Hs đọc diễn cảm cả 3 phần  Tìm những thi liệu thơ cổ điển ở hai câu đầu?  Sự vận động của thiên nhiên được miêu tả qua cụm từ nào?  Bức tranh thiên hiên hiện lên ntn,ta hiểu gì về tâm trạng của người tù?  Hs thảo luận,trả lời,gv hình thành kiến thức  GV lưu ý có thể liên hệ với thơ của Bà Huyện Thanh Quan và thơ ND để chỉ ra được chất hiện đại trong thơ Người  Hình ảnh cô gái xay ngô đưa vào bài làm cho thiên nhiên có gì khác so với khổ thơ đầu?  Tìm những đặc sắc nt trong 2 câu thơ này?  Căn cứ vào đâu ta biết được trời đang tối dần?  Từ “hồng” trong bài thơ gây cho ta cảm giác gì,tứ thơ vận động ntn qua từ này?  Tâm trạng của nhà thơ được gián tiếp thể hiện ra sao?  Phát hiện bút pháp cổ điển kết hợp với hiện đại?  Hs thảo luận trả lời.gv tổng hợp, định hướng và cho ghi ý chính  Nêu đặc sắc nghệ thuật của bài thơ?  Em hãy nêu ý nghĩa văn bản?    Gv hướng dẫn hs tổng kết bài học | **I.Tìm hiểu chung**  **1/Tác giả**: SGK  **2/Tác phẩm**:  a. Hoàn cảnh sáng tác “Nhật kí trong tù”  (Sgk)  b. Giá trị cơ bản:  - Giá trị nội dung:  + Giá trị hiện thực: “NKTT” ghi lại một cách chân thực bộ mặt thật đen tối của chế độ nhà tù nói riêng và của xã hội Trung Quốc dưới thời Tưởng Giới Thạch.  Giam cầm đầy đọa người vô tội.  Cướp đoạt mọi quyền lợi của con người.  Nhà tù chứa đầy những tệ nạn xã hội  + Giá trị tinh thần: bức chân dung tự họa bằng thơ về con người tinh thần Hồ Chí Minh trong nhà lao Tưởng Giới Thạch.  Một tinh thần thép vững vàng, bất khuất.  Phong thái ung dung tự tại luôn tin tưởng lạc quan.  Tinh thần yêu nước cháy bỏng, luôn khát vọng tự do khắc khoải, luôn hướng về Tổ quốc.  Tinh thần yêu thiên nhiên.  Tinh thần nhân đạo.  - Giá trị nghệ thuật:  + Đậm màu sắc cổ điển.  + Thể hiện tinh thần hiện đại.  ***3. Bài thơ:***  -Hoàn cảnh sáng tác:Bài thơ thứ 31 gợi cảm hứng từ một buổi chiều tối tác giả bị giải từ Tĩnh Tây đến Thiên Bảo  **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Nội dung**  **a/Bức tranh thiên nhiên**  - Hình ảnh: “quyện điểu,cô vân” thể hiện chất liệu cổ điển của bài thơ  - Sự vận động: “Tầm túc thụ, độ thiên không” là sự di chuyển có định hướng.  ⭢ Câu thơ có sự kết hợp giữa cổ điển và hiện đại.  ***🢡 Với cách miêu tả chấm phá thiên nhiên buổi chiều được gợi lên đẹp nhưng đượm buồn.Câu thơ biểu hiện lòng yêu thiên nhiên và trạng thái tinh thần bình tĩnh trong hoàn cảnh khó khăn,gian khổ.Người tù đó không than van,oán trách.Nỗi đau của một nhân cách vĩ đại được người đọc cảm nhận từ cảnh và tình rất thật.***  **b. Bức tranh sự sống**  - Hình ảnh: “Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc” làm cho bức tranh thiên nhiên có sự vận động xua tan đi cảm giác buồn bã,xua tan đi không khí lạnh lẽo,xua tan đi cảm giác mệt mỏi .  - Nghệ thuật diễn tả vòng quay theo chu kì, biện pháp tu từ điệp vòng,nghệ thuật nhịp điệu phối âm diễn tả sự bùng lên nhanh mạnh của ngọn lửa⭢vòng quay của công việc và cũng là vòng quay của tg.Câu thơ không nói đến cái tối mà vẫn gợi được tối.  - Nghệ thuật sử dụng nhãn tự ***“hồng”*** làm ta có cảm giác cái nóng ấm bao trùm bài thơ, câu thơ rực lên sắc màu tha thiết tin yêu c/sống  ***🢡 Hai câu thơ thể hiện lòng yêu thương con người,yêu c/sống ở Bác đồng thời thấy được ý nghĩa tượng trưng đó là sự vận động có chiều hướng lạc quan bởi luôn hướng về sự sống, ánh sáng và tương lai.***  **2. Nghệ thuật**  - Từ ngữ cô đọng, hàm súc.  - Thủ pháp đối lập, điệp liên hoàn,..  **3. Ý nghĩa văn bản**  Vẻ đẹp tâm hồn và nhân cách nghệ sĩ- chiến ĩ Hồ Chí Minh: yêu thiên nhiên, yêu con người, yêu cuộc sống; kiên cường vượt lên hoàn cảnh, luôn ung dung, tự tại lạc quan trong mọi cảnh ngộ đời sống.  **III.Tổng kết**  Bản lĩnh, chí khí, lòng thương người và yêu cảnh tha thiết. |

**4. Củng cố**

Hãy chỉ ra nghệ thuật vừa cổ điển vừa hiện đại trong bài thơ?

- Cổ điển: đề tài, hình ảnh thơ, tính chất hàm súc.

- Hiện đại: sự vận động của tứ thơ, hình ảnh thơ.

**5. Dặn dò**

- Đọc thuộc lòng bài thơ. Cảm nhận về một hình ảnh thơ mà em ấn tượng nhất.

- Soạn bài ***“Từ ấy”*** của Tố Hữu.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 88.TỪ ẤY**

***Tố Hữu***

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Cảm nhận được niềm vui lớn. lẽ sống lớn, tình cảm lớn của Tố Hữu trong buổi đầu gặp lí tưởng cộng sản.

- Hiểu được sự vận động của tứ thơ và những đặc sắc trong hình ảnh, ngôn ngữ nhịp điệu.

**2. Kĩ năng**

Đọc hiểu bài thơ trữ tình theo đặc trưng thể loại.

**3. Thái độ**

- Giáo dục cho học sinh lòng yêu Đảng, khát vọng sống cao đẹp và niềm tin vào sự dẫn dắt của Đảng cộng sản Việt Nam.

**II. Phương tiện**

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

**III. Phương pháp**: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành, đọc diễn cảm... GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy.

**IV. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức**

**Sĩ số: ..........................................**

**2. Kiểm tra bài cũ**

Đọc thuộc lòng bài thơ *Chiều tối* (Hồ Chí Minh). Cảm nhận về một hình ảnh thơ mà em ấn tượng nhất.

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động khởi động**

*Trong văn học Việt Nam Tố Hữu được xem là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng. Từ một thanh niên trí thức tiểu tư sản, được giác ngộ lí tưởng, Tố Hữu trở thành một chiến sĩ cộng sản. Tập thơ “Từ ấy” là tập thơ đầu tay đánh dấu thời điểm bừng sáng của tâm hồn và lí tưởng cách mạng. Bài thơ “Từ ấy” có ý nghĩa như một tuyên ngôn về lẽ sống của người chiến sĩ cách mạng và tuyên ngôn của một nhà thơ.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  GV giới thiệu về t/g, xuất xứ và vị trí bài thơ. Hs tìm hiểu bố cục  Hs đọc diễn cảm bài thơ và tìm đại ý từng phần  Gv hướng dẫn Hs đọc hiểu chi tiết.  Biện pháp tu từ ẩn dụ được thể hiện qua những từ ngữ nào?  Tìm sự liên kết giữa hình ảnh và ngữ nghĩa qua cụm từ “Mặt trời chân lí....”?  Từ “bừng “có ý nghĩa ntn?  T/c chính thể hiện qua 2 câu thơ là gì?  Hình ảnh so sánh bộc lộ tâm trạng ntn của t/g?  Hs thảo luận theo nhóm trả lời,gv tổng hợp kiến thức và cho ghi ý chính.  TH có những suy nghĩ gì sau khi bắt gặp lí tưởng c/m?  Tình cảm của t/g có gì khác so với t/c bình thường?  Đối tượng ông quan tâm và dành tình cảm là ai?  Mục đích của ông trong việc liên kết sức mạnh con người là để làm gì?  Hs thảo luận, trả lời. Gv tổng hợp và cho ghi ý chính.  Gv phải giúp hs hiểu rõ sự chuyển biến trong nhận thức của t/g đi từ cái cá nhân sang cái chung.Gv có thể liên hệ với các nhà thơ khác cùng thời để thấy đó là một suy nghĩ biểu hiện cho sức mạnh giai cấp.  Tình cảm của tác giả với mọi người được cảm nhận ntn?  Cảm xúc của t/g ntn khi tận mắt chứng kiến cảnh tượng đau khổ mà quân thù gây nên cho nhân dân?  Lí tưởng c/s đã giúp được gì cho ông?  Hs thảo luận,trả lời.GV hình thành kiến thức  Hãy nêu đắc sắc nghệ thuật của bài thơ?  Hãy rút ra ý nghĩa văn bản?  Gv hướng dẫn hs tổng kết. | **I.Tìm hiểu chung**  **1/Tác giả**  - Tố Hữu (1920 - 2002) tên thật là Nguyễn Kim Thành.  - Là “lá cờ đầu của thơ ca cách mạng” Việt Nam hiện đại.  - Thơ trữ tình – chính trị: thể hiện lẽ sống, lí tưởng, tình cảm cách mạng của con người Việt Nam hiện đại nhưng mang đậm chất dân tộc, truyền thống.  **2/Bài thơ**  *a)Hoàn cảnh sáng tác*:Tháng 7-1938 khi nhà thơ được kết nạp vào đảng cộng sản, bài thơ nằm trong phần *Máu lửa* của tập thơ “Từ ấy”  *b)Vị trí bài thơ*:có ý nghĩa mở đầu cho con đường cm,con đường thi ca của TH là tuyên ngôn về lẽ sống của một người chiến sĩ cm,cũng là tuyên ngôn nghệ thuật của một nhà thơ  *c)Bố cục*:3 phần  **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Nội dung**  **a/Niềm vui lớn: (khổ 1)**  - Hình ảnh ẩn dụ: *“Nắng hạ,mặt trời chân lí”*  - Sự liên kết giữa hình ảnh và ngữ nghĩa:mặt trời đời thường toả hơi ấm thì Đảng cũng là ánh sáng diệu kì toả ra những tư tưởng đúng đắn,mới mẻ.  - Từ “bừng” có ý nghĩa nhấn mạnh ánh sáng của lí tưởng xua tan màn sương mù của ý thức tiểu tư sản và mở ra cho nhà thơ chân trời mới  ⭢ Hai câu thơ kể lại một kỉ niệm không quên là được giác ngộ lí tưởng cm và bộc lộ tâm trạng vui sướng tự hào  - Hình ảnh so sánh,bút pháp lãng mạn diễn tả niềm vui sướng vô hạn của nhà thơ trong buổi đầu đến với lí tưởng cm  ***🢡****CM đã khơi dậy một sức sống mới, đem lại một cảm hứng sáng tạo mới cho nhà thơ*  **b/Lẽ sống lớn (khổ 2)**  - Suy nghĩ: *Tôi buộc......*biểu hiện cho sự tự nguyện gắn “cái tôi” cá nhân vào “cái ta” chung của mọi người  *Để tình .....*biểu hiện cho một tâm hồn trải rộng với c/đ,tạo khả năng đồng cảm sâu xa với hoàn cảnh của từng c/n cụ thể.  Hồn tôi gắn với bao hồn khổ:tình hữu ái giai cấp, ông đặc biệt quan tâm đến quần chúng lao khổ  -Hình ảnh: “*Gần gũi-mạnh khối đời*” mang tính ẩn dụ để chỉ đông đảo người cùng chung cảnh ngộ đoàn kết với nhau vì mục tiêu chung  ***🢡TH đã tìm thấy niềm vui và sức mạnh mới không chỉ bằng nhận thức mà còn bằng tình cảm mến yêu,bằng sự giao cảm của những trái tim.Quan niệm về lẽ sống của ông là sự gắn bó hài hoà giữa “cái tôi” cá nhân và “cái ta” chung của mọi người***  **c. Tình cảm lớn (khổ 3**)  - Điệp ngữ mang tính khẳng định: “là”,các từ “con, em, anh” và số từ ước lệ “vạn”nhấn mạnh khẳng định một tình cảm g/đ đầm ấm, thân thiết, nhà thơ cảm nhận được mình là thành viên trong đại gia đình quần chúng đau khổ  - Từ ngữ: “kiếp phôi pha, cù bất cù bơ”biểu hiện cho tấm lòng đau xót của nhà thơ trước những kiếp đời bất hạnh và bày tỏ lòng căm giận trước những oan trái mà kẻ thù gây nên.  *🢡* ***Lí tưởng cộng sản không chỉ giúp cho ông có được lẽ sống mới mà còn giúp cho nhà thơ vượt qua t/c ích kỉ hẹp hòi của g/c tư sản để có được tình cảm g/c quý báu.***  **2. Nghệ thuật**  Hình ảnh tươi sáng, giàu ý nghĩa tượng trưng; ngôn ngữ gợi cảm, giàu nhạc điệu; giọng thơ sảng khoái; nhịp thơ hăm hở…  **3. Ý nghĩa văn bản**  Niềm vui lớn, lẽ sống lớn, tình cảm lớn trong buổi đầu gặp lí tưởng cộng sản.  **III. Tổng kết**  Niềm vui khi bắt gặp lí tưởng cách mạng; Tình cảm giai cấp . |

**4. Củng cố**:

- Vì sao “từ ấy” có thể dược xem là tuyên ngôn về lí tưởng và nghệ thuật của tác giả?

(Vì tuyên bố trang trọng và chân thành về niềm vui giác ngộ lí tưởng, về lẽ sống và về tương lai…)

**5. Dặn dò**

- Học thuộc bài thơ và phân tích bài thơ.

- Soạn bài đọc thêm (4 bài).

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 89-90. Đọc thêm:**

**- LAI TÂN *(Hồ Chí Minh)***

**-NHỚ ĐỒNG *(Tố Hữu)***

- **TƯƠNG TƯ (*Nguyễn Bính)***

**-CHIỀU XUÂN *(Anh Thơ)***

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Cảm nhận thêm về thơ văn yêu nước, tình yêu đối với quê hương và tình yêu đôi lứa.

- Nhận biết những đặc sắc nghệ thuật của các nhà thơ trong phong trào thơ Mới.

**2. Kĩ năng**

Đọc hiểu các thơ theo đặc trưng thể loại.

**3. Thái độ**

- Biết yêu cuộc sống và yêu quê hương, yêu con người với tình yêu trong sáng.

- Biết cảm nhận, đánh giá về hoàn cảnh xã hội để sống tốt hơn, để trân trọng cái đang có.

**II. Phương tiện**

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

**III. Phương pháp**: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành, đọc diễn cảm... GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy.

**IV. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức**

**Sĩ số: .........................................**

**2. Kiểm tra bài cũ**

- Đọc thuộc bài thơ “Từ ấy” và cho biết mạch vận động của cái tôi trữ tình trong bài thơ diễn biến như thế nào?

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động khởi động**

*Hôm nay, chúng ta hãy cùng tìm hiểu các bài đọc thêm thuộc xu hướng văn học lãng mạn và bộ phận văn học cách mạng để mở rộng vốn kiến văn, cảm nhận thêm về tình yêu quê hương đất nước và tình yêu đôi lứa, đồng thời làm cơ sở cho bài viết nghị luận văn học.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **TIẾT 89** | |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  Gv hướng dẫn tìm hiểu bài thơ “Lai Tân”(Hồ Chí Minh):  GV cho hs đọc bài,tìm hiểu hoàn cảnh sáng tác,xuất xứ của từng bài.  Bức tranh nhà tù hiện lên qua những hình ảnh nào?  Thái độ của t/g đối với xh ấy như thế nào?  Hs thảo luận trả lời,gv hình thành k/thức  Gv hướng dẫn tìm hiểu bài thơ : “Nhớ đồng”(Tố Hữu).  Cảm hứng chủ đạo của bài thơ là gì?  Tiếng hò Huế có sức ảnh hưởng như thế nào đến nhà thơ trong t/g ở tù?  Cùng với nỗi nhớ về tiếng hò,cảnh quê hương hiện lên như thế nào qua nỗi nhớ ấy?  Tâm trạng chính của t/g từ đoạn thơ thứ 10 cho đến hết bài?  Hs thảo luận trả lời câu hỏi,Gv tổng hợp vấn đề  Gv cần nhấn mạnh sự mơ tưởng của tác giả khi được tự do gắn liền với lí tưởng sống mà ông đã bắt gặp  **HẾT TIẾT 89 CHUYỂN SANG TIẾT 90**  Gv hướng dẫn tìm hiểu bài “Tương tư”.  Đặc trưng của bài Tương tư?  Cảm nhận của em về tâm trạng của chành trai?  Nhận xét về cách dùng từ,cách sử dụng hình ảnh thơ,ngôn ngữ?  Bài thơ thành công do những yếu tố nào?  Trình bày nghệ thuật của bài thơ?  Ý nghĩa của bài thơ là gì?  Hs thảo luận trả lời,gv tổng hợp ý  Gv hướng dẫn Hs đọc hiểu bài: Chiều xuân(Anh Thơ)  Tìm bố cục và ý chính của từng phần? Bức tranh thiên nhiên ở khổ 1 hiện lên như thế nào?  Ở khổ 2,cảnh sắc có gì thay đổi,nhận xét về cách chọn h/ả?  Ở đoạn 2,thiên nhiên có phần kì thú hơn là nhờ đâu?  Việc đưa h/ả con người vào khổ 3 có tác dụng gì?  Hs thảo luận trả lời,gv tổng hợp ý chính  Nghệ thuật đặc sắc của bài thơ *Chiều xuân*?  Nêu ý nghĩa của văn bản ? | **I. Bài thơ *Lai Tân***  **1/Xuất xứ**:Bài 97 của NKTT  **2/Nội dung*:***  a)Bức tranh nhà tù:  - Ban trưởng đánh bạc là phạm pháp, trắng trợn vi phạm pháp luật, điều này chứng tỏ pháp luật dưới chế độ TGT là giả dối  - Hành động cảnh trưởng trấn lột của tù nhân là hành động bẩn thỉu  - Huyện trưởng chong bàn đèn thuốc phiện làm công việc là có ý mỉa mai, tố cáo sự đồi bại, vô trách nhiệm  b)Thái độ châm biếm,mỉa mai:Với nghệ thuật dùng từ và đối nghĩa, tác giả chỉ rõ cảnh thái bình giả tạo,1 xã hội suy đồi đã tồn tại rất lâu ở nơi này  *🢡* ***Bài thơ là bức tranh thu nhỏ của xh TQ với lũ quan lại đồi bại,tham nhũng quan liêu qua nghệ thuật trào phúng đặc sắc***  **3. Nghệ thuật:**  - Tạo điểm nhấn ở cuối mỗi câu.  - Chọn nhân vật, miêu tả chi tiết.  **4. Ý nghĩa văn bản*:***  Thực trạng đen tối, thối nát của xã hội tưởng như êm ấm tốt lành.  **II. Bài thơ *Nhớ đồng***  **1/Thời điểm sáng tác**:Lúc bị bắt giam  **2/Nội dung**:  - Cảm hứng chủ đạo của bài là nỗi nhớ đồng quê tha thiết và sâu lắng  - Tiếng hò Huế mang linh hồn của đất nước,quê hương đã khơi dậy trong lòng nhà thơ bao kỉ niệm mến thương đối với đồng bào, đồng chí và cả quãng đời đã qua của bản thân  - Tiếng hò trong Nhớ đồng từ chỗ gợi nhớ đã trở thành âm thanh nhức nhối,thúc giục con người  - Cùng với nỗi nhớ,cảnh đồng quê hiện ra một cách bình dị thân thuộc.Tất cả được tái hiện qua tâm hồn của một c/n trong hoàn cảnh bị giam hãm,khao khát tự do nên cảnh sắc quê hương càng trở nên đẹp đẽ,dịu ngọt hơn. Không gian nhớ đồng là buổi sớm mai do đó bộc lộ niềm hi vọng mãnh liệt và đậm chất lãng mạn  -Từ đoạn 10 cho đến hết , nỗi nhớ gắn liền với niềm say mê lí tưởng và sự khao khát tự đến cháy bỏng của t/g  ***🢡****Bài thơ là nỗi nhớ đồng quê tha thiết trở thành niềm day dứt,trăn trở,réo gọi trong tâm hồn tác giả đồng thời còn thể hiện niềm say mê lí tưởng và khao khát tự do.*  **3. Nghệ thuật:**  Lựa chọn hình ảnh gần gũi quen thuộc, giọng thơ da diết khoắc khoải trong nỗi nhớ.  **4. Ý nghĩa văn bản :**  Bài thơ là tiếng lòng da diết đối với cuộc sống bên ngoài của người chiến sĩ cộng sản. Nỗi nhớ ấy thể hiện khát vọng tự do, tình yêu nhân dân, đất nước, yêu cuộc sống của chính mình.  **III. Bài thơ *Tương tư***  **1.Tác giả:** sgk  2**. Bài thơ:**  **a. Nội dung:**  ***\*Đặc trưng của bài Tương tư:*** Đậm đà chất dân tộc trong điệu tâm hồn cả trong lối diễn đạt nhưng lại là tiếng thơ của một thời đại mới  ***\*Cảm nhận về tâm trạng chàng trai***:Buồn nhớ,thao thức và cả trách móc nhưng là sự trách móc của một người đang yêu nên cũng rất đáng yêu  ***\*Cắt nghĩa sự thành công của bài thơ:***  -Do sự đồng điệu giữa thơ NB với tâm trạng của người đang yêu  -Do dùng những h/ả quen thuộc của ruộng đồng thành ra tiếng thơ mộc mạc chân thành  ***🢡 Bài thơ là lời trách móc đáng yêu của chàng trai trong khi yêu .Chính cái tình quê ấy làm nên sự quen thuộc gần gũi, đáng yêu của thơ Nguyễn Bính.***  **b.Nghệ thuật:**  **-** Hình ảnh và ngôn từ, thể thơ lục bát, cách ví von, giọng điệu và hông thơ trữ tình dân gian.  **c. Ý nghĩa văn bản:**  vẻ đẹp trữ tình của một tình yêu chân quê thuần phác.  **IV. Bài thơ *Chiều xuân***  **1. Tác giả**: (sgk)  2**. Bài thơ:**  ***- Xuất xứ***:nằm trong tập thơ đầu tay “Bức tranh quê”  **a.Nội dung**  Chọn khung cảnh chiều mưa bụi t/g có dịp nói đến cái đặc sắc của tiết trời xứ Bắc.Ba đoạn thơ là 3 khung cảnh  \*Cảnh đầu tiên là bến vắng không âm thanh, không sắc màu tươi sáng mưa rơi rất êm, bến rất vắng có con đò cũng lười biếng bất động,một quán nước không người,chỉ có những cánh hoa xoan rụng tơi bời vẻ nên không gian vắng lặng của chiều mưa  \*Cảnh thứ hai là đường đê vẫn làn mưa bụi giăng nhưng đã có hoạt động của trâu bò gặm cỏ và những cánh bướm rập rờn.Đoạn thơ có nét tươi mát,thơ mộng, đầy ảo giác qua sự phát hiện mới mẻ và đầy kì thú của nhà thơ  \*Cảnh ngoài đồng cào cỏ:bằng cảm hứng qua những chi tiết bình thường,t/g đã tìm được vẻ đẹp bình dị của nông thôn. Đoạn này đã có sự xuất hiện của con người làm cho không gian hoạt động hơn ,cảnh bớt vắng vẻ.Bài thơ có được cái ấm áp của đời thường  ***🢡 Nhà thơ không phải chỉ tả thiên nhiên qua lối quan sát nhìn ngắm bình thường mà sống với hồn của cảnh vật nên thơ của bà tả được cái thần hồn của thiên nhiên qua những gì dụng dị nhất, đời thường nhất.***  **b. Nghệ thuật:**  Sử dụng hình ảnh tiêu biểu cho sắc xuân, lựa chọn từ ngữ gợi hình, gợi âm thanh, miêu tả cái động để nói cái tĩnh.  **c. Ý nghĩa văn bản:**  bài thơ ca ngợi vẻ đẹp của quê hương mỗi độ xuân về. Tình yêu quê hương đất nước đã trùm lên bức tranh quê buổi “Chiều xuân”. |

**4. Củng cố**: Gv tổng kết lại ý chính của mỗi bài.

**5. Dặn dò**:

Đọc thuộc lòng 4 bài thơ. Cảm nhận về một hình ảnh thơ mà em ấn tượng nhất.

Soạn bài **: *Tiểu sử tóm tắt***.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 91.****TIỂU SỬ TÓM TẮT**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Nắm được mục đích, yêu cầu của việc viết tiểu sử tóm tắt.

- Cách viết tiểu sử tóm tắt.

**2. Kĩ năng**

Có kĩ năng viết tiểu sử tóm tắt.

**3. Thái độ:**

- Có ý thức sưu tầm tài liệu, tra cứu tư liệu và chọn lọc cho phù hợp khi viết văn bản tiểu sử tóm tắt

**II. Phương tiện**:

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk,

**III. Phương pháp**: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành, GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy.

**IV. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức**

**Sĩ số: .............................................**

**2. Kiểm tra bài cũ**

**-** Đọc thuộc lòng và diễn cảm một trong bốn bài đọc thêm đã học. Trình bày cảm nhận về một câu thơ hoặc một hình ảnh thơ mà anh/chị ấn tượng nhất.

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động khởi động**

Bài học hôm nay giúp chúng ta tìm hiểu về văn bản tiểu sử tóm tắt và cách viết một văn bản tiểu sử tóm tắt để phục vụ cho học tập và nhu cầu đời sống.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  Gv hướng dẫn Hs tìm hiểu mục I.sgk  Gv đưa ra một văn bản tiểu sử tóm tắt và cho hs đọc,tìm hiểu kĩ những gì được thể hiện trong văn bản.  Câu hỏi thảo luận:  Tiểu sử tóm tắt là gì?  Mục đích,yêu cầu của tiểu sử tóm tắt?  Vai trò của tiểu sử tóm tắt trong cuộc sống và trong học văn?    Hs thảo luận theo nhóm và cử đại diện trả lời,gv tổng hợp và cho ghi ý chính  Lưu ý: Gv cần làm rõ cho hs vai trò của tóm tắc tiểu sử phục vụ cho hoạt động giảng dạy và tiếp nhận văn học.GV có thể cho ví dụ cụ thể như tiểu sử của ND ảnh hưởng ntn đến những sáng tác và tâm sự mà ông thể hiện trong tác phẩm.  Gv hướng dẫn hs tìm hiểu mục II sgk  Thông qua văn bản đã được tiếp nhận,hs thảo luận và trả lời câu hỏi sau:  Khi chọn tài liệu viết tiểu sử tóm tắt cần lưu ý những điểm nào?  Các bước để viết tiểu sử tóm tắt?  Gv cần chỉ cho hs tiến trình để tránh sự sắp xếp lộn xộn trong khi viết  **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  Gv hướng dẫn hs làm bài tập sgk. | **I.Mục đích, yêu cầu của tiểu sử tóm tắt**  **1/Khái niệm tiểu sử tóm tắt**  Đó là một văn bản thông tin một cách khách quan trung thực những nét cơ bản về cuộc đời và sự nghiệp của một cá nhân.  **2/Mục đích**:Nhằm giới thiệu cho người đọc,người nghe về cuộc đời,sự nghiệp,cống hiến của người được nói tới.  - Những hiểu biết đó giúp cho người quản lí tìm hiểu,theo dõi và sắp xếp,phân công công việc hợp lí,hiệu quả.  - Ngoài ra nắm được tóm tắt tiểu sử của nhà văn,nhà thơ chúng ta có cơ sở hiểu đúng ,hiểu sâu về tác phẩm của họ.  **3/Yêu cầu**  - Thông tin:khách quan,chính xác về người được nói tới.Do đó phải ghi cụ thể,chính xác về số liệu,mốc thời gian,thành tích, đóng góp nổi bậc của người được nói đến  - Nội dung và độ dài:Cần phù hợp với mục đích viết tóm tắt  - Văn phong:Cần cô đọng, trong sáng, không sử dụng biện pháp tu từ.  **II.Cách viết tiểu sử tóm tắt**  **1/Chọn tài liệu**  -Yêu cầu của nội dung và các tài liệu sưu tầm:Chính xác,chân thực, đầy đủ,tiêu biểu.  -Đọc và tìm ý: Đọc và nắm được nội dung chính của tài liệu và sưu tập để tìm các ý chính của bản tiểu sử cần tóm tắt.  **2/Viết tiểu sử tóm tắt**  -Giới thiệu về nhân thân của người được giới thiệu:họ tên,năm sinh,quê quán,gia đình,học vấn.  -Hoạt động xã hội của người được giới thiệu làm gì, ở đâu,mối quan hệ với mọi người.  -Những đóng góp,những thành tích tiêu biểu của người được giới thiệu  -Đánh giá chung về người được giới thiệu..  **III. Luyện tập**  **Bài tập 1:**  Trường hợp c, d cần viết tiểu sử tóm tắt..  **Bài tập 2:**  \* Giống nhau:  Các văn bản tiểu sử tóm tắt, điếu văn, sơ yếu lí lịch, thuyết minh có thể viết về một nhân vật nào đó.  \* Khác nhau:  - Điếu văn viết cho người mất để đọc trong lễ truy điệu nên ngoài phần tiểu sử tóm tắt còn có phần chia buồn với gia quyến.  - Sơ yếu lí lịch: do bản thân viết theo mẫu, còn phần tóm tắt do người khác viết khá linh hoạt.  - Tiểu sử tóm tắt chỉ có đối tượng là con người, còn đối tượng của thuyết minh rộng hơn và thuyết minh có yếu tố cảm xúc. |

**4.Củng cố:** Hs nghe một số ví dụ tiêu biểu về cách viết tiểu sử tóm tắt

**5.Dặn dò:**

Làm thêm bài tập trong sách bài tập.

Soạn bài ***“Đặc điểm loại hình của Tiếng Việt***”.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 92-93:ĐẶC ĐIỂM LOẠI HÌNH CỦA TIẾNG VIỆT**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Nắm được khái niệm loại hình ngôn ngữ và những đặc điểm của loại hình ngôn ngữ đơn lập mà tiếng Việt là một ngôn ngữ tiêu biểu.

**2. Kĩ năng**

Vận dụng kiến thức về đặc điểm loại hình của tiếng Việt vào việc học tiếng Việt và văn học, lí giải hiện tượng trong tiếng Việt, phân tích và chữa sai sót trong sử dụng tiếng việt.

So sánh những đực điểm loại hình của tiếng Việt với ngôn ngữ đang học để nhận thức rõ về hai ngôn ngữ, từ đó biết sử dụng hai ngôn ngữ tốt hơn.

**3. Thái độ**

- Có thái độ học tập nghiêm túc và ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**II. Phương tiện**

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

**III. Phương pháp**: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành, GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy.

**IV. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức**

**Sĩ số: ......................................**

**2. Kiểm tra bài cũ**:

- Tiếng Việt thuộc họ ngôn ngữ nào? Quá trình phát triển trải qua mấy giai đoạn?

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động khởi động**

*Trên thế giới hiện có trên 5000 ngôn ngữ. Một số ngôn ngữ có những nét chung do có cùng nguồn gốc. Một số ngôn ngữ tuy không cùng nguồn gốc nhưng có những đặc trưng cơ bản về mặt ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp giống nhau. Dựa trên sự giống nhau đó, các nhà ngôn ngữ học xếp ngôn ngữ vào một số loại hình. Hãy cùng tìm hiểu đặc điểm loại hình của tiếng Việt.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 92** | |
| **Họat động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Tìm hiểu khái niệm lọai hình, loại hình ngôn ngữ**  1. Em hiểu thế nào là lọai hình?  (GV có thể giải thích cho HS )  2. Lọai hình ngôn ngữ là gì ?  Có mấy lọai hình ngôn ngữ?  3. Tiếng Việt thuộc lọai hình ngôn ngữ nào?  **GV**: Tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập. Nó cũng như nhiều ngôn ngữ khác cùng loại hình, có những đặc trưng cơ bản.  **Tìm hiểu đặc điểm lọai hình của TV**  **1**.Những đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ đơn lập?  - Xđịnh vd trên có mấy từ, mấy tiếng ?  **GV**: Ranh giới mỗi tiếng rõ ràng (dễ nhận diện) và cố định (không đọc nối).  ⭢ Đối với người Việt, xác định một câu có bao nhiêu tiếng và ranh giới của mỗi tiếng ở đâu là việc dễ dàng.  - Tìm thêm VD để phân tích đặc điểm của tiếng.  + *Kẻ mạnh chính là kẻ giúp đỡ kẻ khác trên đôi vai mình.* (Đời thừa – Nam Cao)  ⭢ 13 tiếng, 13 âm tiết, 13 từ  ⭢ yếu tố cấu tạo từ (mạnh mẽ, đỡ đần, đôi chân)  **GV:** Cấu trúc âm tiết tiếng Việt:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Thanh điệu** | | | | | Âm  đầu | Vần | | | | Âm  đệm | **Âm**  **chính** | Âm cuối |   ⭢ Âm tiết nào cũng mang thanh điệu.  ⭢ Âm tiết không thể thiếu âm chính.  - Em hiểu thế nào là hình thái, hình thái của từ?  **GV:** + Hình thái là những gì thuộc về cái bên ngoài, cái có thể quan sát được của sự vật.  + Hình thái của từ là cái bên ngoài, cái có thể quan sát được của từ.  - Ở VD (bên), các từ “**mình**” có chức vụ ngữ pháp khác nhau như thế nào? Chúng có thay đổi hình thái không  - So sánh sự khác nhau giữa 2 vd  - Tìm thêm VD để CM: từ trong tiếng Việt không biến đổi hình thái.  - So sánh đặc điểm này của tiếng Việt với tiếng Anh?   |  |  | | --- | --- | | **Tiếng Việt** | **Tiếng Anh** | | nói | (to ) speak | | Chúng tôi nói. | We speak. | | Hắn nói. | He speak**s.** | | “nói” không thay đổi hình thái | “speak” thay đổi hình thái (khi CN là ngôi thứ 3 số ít) |   **HẾT TIẾT 92 CHUYỂN SANG TIẾT 93**  - Trong khi đó, những ngôn ngữ biến hình căn cứ vào yếu tố nào ?( căn cứ vào **các thì** của câu: hiện tại, quá khứ, tương lai, tương lai tiếp diễn…-> chia động từ và xác định ý nghĩa)  - ycầu HS cho thêm Vd  - Tìm các VD để CM: thay đổi trật tự sắp đặt từ thì nghĩa của cụm từ, của câu sẽ đổi khác.  - Cho 5 từ tiếng Việt sau: sao, bảo, nó, không, đến. Thử thay đổi trật tự các từ để tạo nhiều câu. Có thể tạo được bao nhiêu câu khác nhau?  ⭢ Sao bảo nó không đến?  Bảo sao nó không đến?  Nó bảo sao không đến?  Bảo nó sao không đến?  Nó bảo không đến sao?  Nó đến không bảo sao?  ⭢ 6 câu  **Họat động 3: Hoạt động thực hành**  Hướng dẫn luyện tập  -HS phân tích ý nghĩa chức năng của các từ in đậm  - YC HS cho VD phân tích  - Gợi ý HS làm  **Bài tập bổ sung:**  Phân tích đặc điểm loại hình của tiếng Việt thể hiện ở các câu sau:   1. Ruồi đậu mâm xôi đậu. 2. Kiến bò đĩa thịt bò.   c. Ta về, ta tắm ao ta  Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn.  (Ca dao) | **I. Loại hình ngôn ngữ**  **1. Loại hình:** tập hợp những sự vật,hiện tượng có cùng chung những đặc trưng cơ bản nào đó.  Vd: *múa rối, chèo cổ.*..thuộc lọai hình nghệ thuật sân khấu dân gian, *bản tin, phóng sự*, *tin nhanh* thuộc lọai hình báo chí.  **2. Loại hình ngôn ngữ**  - Là một kiểu cấu tạo ngôn ngữ , trong đó bao gồm một hệ thống những đặc điểm có liên quan với nhau,chi phối lẫn nhau.  - Loại hình ngôn ngữ là tập hợp những ngôn ngữ có những đặc điểm giống nhau về hình thức (có những đặc điểm giống nhau về các mặt ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp).  - Có 2 lọai hình ngôn ngữ: lọai hình ngôn ngữ đơn lập, lọai hình ngôn ngữ hòa kết.  - Hai loại hình ngôn ngữ quen thuộc: loại hình ngôn ngữ đơn lập (tiếng Việt, tiếng Hán, tiếng Thái,…) và loại hình ngôn ngữ hòa kết (tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Anh,…).  (Ngoài ra còn có loại hình ngôn ngữ chắp dính (tiếng Nhật), loại hình ngôn ngữ hỗn nhập (Đức, Hy Lạp, La Tinh,…)).  - Tiếng Việt thuộc lọai hình ngôn ngữ đơn lập  **II.** **Đặc điểm loại hình của tiếng việt**  1. Tiếng là đơn vị cơ sở của ngữ pháp. Về mặt ngữ âm, tiếng là âm tiết . Về mặt sử dụng, tiếng có thể là từ hoặc yếu tố cầu tạo từ  Vd: Long lanh /đáy /nước /in / trời-> 6 tiếng, 5 từ  Ví dụ:  *Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương.*  (Tiếng hát con tàu – Chế Lan Viên)  ⭢ 8 tiếng, 8 âm tiết, 8 từ, đọc và viết đều tách rời nhau  ⭢ yếu tố cấu tạo từ (đất nước, quê nhà, hương hoa, …)  => Những đặc điểm này làm âm tiết (tiếng) trong tiếng Việt khác âm tiết trong các ngôn ngữ hòa kết.  2. Từ không biến đổi hình thái  Vd: ***TViệt*** : **Tôi** tặng **anh ấy** quyển sách, **anh ấy** cho **tôi** bó hoa. (dù thay đổi chủ ngữ, về mặt ngữ âm và chữ viết vẫn không thay đổi)  ***TAnh***: **I give** to **him** the book, **he** **gives** to **me** the flowers.( thay đổi chủ ngữ và động từ theo sau, thay đổi ngữ âm -> ngôn ngữ biến hình)  VD:  ***Mình1*** *đi* ***mình1*** *lại nhớ* ***mình2***  *Nguồn bao nhiêu nước nghĩa tình bấynhiêu…*  (Việt Bắc- Tố Hữu)  ***Mình1***: chủ ngữ, chủ thể của động từ *đi* và *nhớ*  ***Mình2***: bổ ngữ, đối tượng của động từ *nhớ*  ⭢ Các từ ***mình*** có chức vụ ngữ pháp khác nhau nhưng có hình thái như nhau (thể hiện bằng chữ viết và mặt ngữ âm).  VD:  (a ) ***Cha1*** *cho* ***tôi1*** *một cây viết và* ***tôi2*** *mỉm cười với* ***cha2****.*  (b ) ***My father*** *gives* ***me*** *a pen and* ***I*** *smile with* ***him****.*  **⭢** (a ) **Cha1** là chủ ngữ. **Cha2**là bổ ngữ chỉ đối tượng của động từ *mỉm cười*.  ***Tôi1*** là bổ ngữ, đối tượng của động từ *cho*. ***Tôi2*** là chủ ngữ.  Các cặp từ: **Cha1­ -** **cha2** , ***tôi1*** - ***tôi2*** không có sự khác biệt, thay đổi về ngữ âm và sự thể hiện chữ viết.  (b ) Cùng nội dung như câu tiếng Việt trên nhưng ở câu tiếng Anh:  Làm CN: My father  Làm BN: him  Ýnghĩa “cha”  ⭢ **Cha1** phải dịch thành ***My father*** (vì là CN)  **Cha2** phải dịch thành **him** (vì là BN)  Làm CN: I  Làm BN: me  Ý nghĩa “tôi”  ***Tôi1*** phải dịch thành **me**  ***Tôi2*** phải dịch thành **I**  🢂 Khi biểu thị những ý nghĩa ngữ pháp khác nhau thì từ trong tiếng Việt không biến đổi hình thái còn từ trong tiếng Anh thường phải biến đổi hình thái (biến đổi về kết cấu ngữ âm, về chữ viết).  Tiếng Anh- ngôn ngữ biến đổi hình thái- ngôn ngữ hòa kết.  3. Biện pháp chủ yếu để biểu thị ý nghĩa ngữ pháp là sắp đặt từ theo thứ tự trước sau và sử dụng các hư từ. Biểu hiện  - Thay đổi trật tự sắp đặt từ (hoặc các hư từ được dùng) thì nghiã của câu sẽ đổi khác.  Vd 1: *Tôi nói ( thông b* *áo)*  *Tôi đang nói sao anh không nghe (nhắc nhở)*  *Tôi đã nói mà anh không chịu nghe (tr* *ách móc)*  *Tôi vừa nói mà anh không nghe**(tr* *ách, nh* ắc)  Vd 2: *Tôi tặng cô ấy 1 quyển sách*  *Cô ấy tặng tôi 1 quyển sách (* khác nghĩa*)*  *Cô ấy tôi 1 quyển sách tặng* ( vô nghĩa)  VD3: Cá hộp≠ hộp cá  Cá con≠ con cá  Được học≠ học được  ⭢ Thay đổi trật tự sắp đặt từ thì nghĩa của cụm từ đổi khác.  VD2: Tôi ăn cơm.  ≠ Ăn cơm tôi. (Ăn cơm của tôi.)  ≠ Cơm tôi ăn. (Cơm thì tôi ăn./  Cơm này tôi ăn.)  ⭢ Trật từ của từ thay đổi làm thay đổi nghĩa của câu.  Thay đổi các hư từ được dùng thì nghĩa của cụm từ, của câu sẽ đổi khác.  VD1: *Dữ dội* ***và*** *dịu êm*  (Sóng- Xuân Quỳnh)  ≠ Dữ dội **hoặc** dịu êm  ⭢ Sử dụng các hư từ khác nhau thì nghĩa của cụm từ thay đổi.  VD2: Trời **đang** mưa.  ≠ Trời **sẽ** mưa.  ≠ Trời **vẫn** mưa.  ≠ Trời mưa **nữa**.  ⭢ Thay đổi hư từ thì ý nghĩa của câu cũng thay đổi.  🢂 Trật tự sắp đặt từ ngữ và hư từ thay đổi thì nghĩa của cụm từ, của câu sẽ thay đổi  **III. Luyện tập**  **Bài 1:**  ***nụ tầm xuân*** 1: bổ ngữ của động từ *hái*  ***nụ tầm xuân*** 2: chủ ngữ của động từ *nở*  ***bến***1: bổ ngữ đt *nhớ /* ***bến*** 2: chủ ngữ đt *đợi*  ***trẻ***1: bổ ngữ đt *yêu /* ***trẻ*** 2: chủ ngữ đt *đến*  ***già***1: bổ ngữ đt *kính /* ***già*** 2: chủ ngữ đt *để*  ***bống*** 1: định ngữ cho dt *cá /* ***bống*** 2: bổ ngữ đt *thả*  ***bống*** 3: bổ ngữ đt *thả /* ***bống*** 4: bổ ngữ đt *đưa*  ***bống*** 5: chủ ngữ đt *ngoi, đớp /* ***bống*** 6: chủ ngữ tính từ *lớn*   * *Dù thay đổi về chức năng ngữ pháp nhưng những từ nay vẫn không thay đổi về hình thái (đây là điểm khác biệt với từ của các ngôn ngữ không cùng lọai hình )*   **Bài 2** :  - Anh ấy vừa **đi** rồi - He **has gone** already  - Anh ấy **đi** sáng nay -He **went**  on the morning  **Bài 3:** Trong đọan văn có các hư từ:   * đã: chỉ họat động xảy ra trứơc một thời điểm nào đó * các : chỉ số nhiều tòan thể của sự vật * để: chỉ mục đích * lại: chỉ sự tiếp diễn của họat động   mà : chỉ mục đích |

**4. Củng cố**: hệ thống hóa bài học cho Hs bằng cách yêu cầu Hs trả lời câu hỏi:

- Tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ nào?

- Đặc điểm của loại hình ngôn ngữ đó là gì?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hình thức | Tiếng Việt | Tiếng Anh |
| Ngữ âm | Hình vị có kích thước âm tiết  Đồng nhất, biên giới rõ ràng, không có hiện tượng nối âm  Âm tiết mang thanh điệu  âm chính là nguyên âm | Hình vị có kích thước bất kỳ (có thể <, =, > âm tiết)  Bất kỳ, biên giới không rõ ràng,  nối âm  Âm tiết không mang thanh điệu  âm chính là nguyên âm  hoặc phụ âm |
| Từ vựng | Từ không biến đổi hình thái | Từ biến đổi hình thái |
| Ngữ pháp | Sử dụng chủ yếu trật tự từ và hư từ để biểu thị ý nghĩa ngữ pháp | Sử dụng chủ yếu phương thức phụ tố, thay chính tố để biểu thị ý nghĩa ngữ pháp |

**5. Dặn dò**: Học bài cũ. Soạn bài: “***Tôi yêu em”*** (Pu-skin).

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 94:TRẢ BÀI LÀM VĂN SỐ 6**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Vận dụng các thao tác lập luận phân tích, so sánh, bác bỏ,…để làm bài văn nghị luận về vấn đề xã hội.

**2. Kĩ năng**

Kĩ năng làm bài văn nghị luận xã hội.

**3. Thái độ**

- Có ý thức tìm hiểu, chọn lọc ngôn từ phù hợp trước khi nói, viết để đạt được hiệu quả trong giao tiếp..

**II. Phương tiện**

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

**III. Phương pháp**: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành, GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy

**IV. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức**

**Sĩ số: …………………………………..**

**2. Kiểm tra bài cũ**

Tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ nào?

Nêu đặc điểm loại hình ngôn ngữ đơn lập và cho ví dụ minh họa?

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động khởi động**

*Các em đã được củng cố kiến thức và thực hành kĩ năng vận dụng các thao tác lập luận trong bài văn nghị luận xã hội bằng bài viết số 6. Thế nhưng việc vận dụng các kĩ năng ấy, kết hợp vận dụng những kiến thức đã học của bản thân mình trong bài viết thật sự đúng hay chưa. Tiết hôm nay sẽ giúp các em nhận ra điều đó.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Hoạt động 2: Hoạt động thực hành**  Hướng dẫn Hs tìm hiểu lại yêu cầu của đề và lập dàn ý đại cương theo đáp án gợi ý ở tiết bài viết số 6   * Yêu cầu hs đọc lại đề bài * Theo em, đề bào này có những yêu cầu gì về nội dung, kĩ năng, tài liệu?   Với yêu cầu trên, bài viết cần đảm bảo những ý cơ bản nào?  GV chốt lại các ý trọng tâm cần đạt  GVnhận xét ưu khuyết điểm của học sinh  GV hướng dẫn HS sửa lỗi  GV ghi những lỗi sai trên bảng  - Yêu cầu Hs nhận xét và sửa lại  GV nhận xét và bổ sung | **I/ Tìm hiểu đề, lập dàn ý**  **Đề:** Theo anh chị, làm thế nào để môi trường sống của chúng ta ngày càng xanh, sạch, đẹp ?  **1. Xác định yêu cầu đề:**   * **Dạng đề:** nghị luận xã hội * **Nội dung:** biện pháo để bảo vệ môi trường được xanh, sạch đẹp * **Thao tác nghị luận cần có:** phân tích, bác bỏ, so sánh .. * **Tài liệu:** Trong xã hội cuộc sống   **2. Lập dàn ý :**  **Cần** đảm bảo những ý sau:  - Môi trường bao gồm tất cả những gì xung quanh cuộc sống của chúng ta là bầu khí quyển, là biển cả, rừng núi, cây cỏ muông thú, là không gian ta sinh sống...  - Môi trường là nguồn dưỡng khí, nguồn sự sống của con người làm cho môi trường xanh không bị ô nhiễm.  - Sạch đẹp có nghĩa là làm cho môi trường được trong lành, cảnh quang thoải mái sạch đẹp.  - Hiện nay trong xu thế HĐH, CNH các nhà máy , xí nghiệp mọc lên khắp nơi môi trường tự nhiên bị ô nhiễm, bị phá hoại nặng nề khiến thiên tai, dịch họa xảy ra ngày càng nhiều, càng phức tạp để lại những hậu quả vô cùng thương tâm cho nhân loại : môi sinh bị hủy diệt, sự sống bị đe dọa, kinh tế sản xuất bị tổn thất , xã hội bị bất ổn  🡪 bảo vệ môi trường là bảo vệ sự sinh tồn của loài người. Đó là vấn đề bức thiết  - Hành động, biện pháp cụ thể: xả rác đúng nơi quy định, không chặt phá rừng bừa bãi, trồng cây xanh, đối với các công ty sản xuất thì chú ý xây dựng hệ thống xử lý và thoát nước đúng quy định, giữ gìn dòng sông được trong sạch...  **II/ Nhận xét , ưu khuyết điểm**  **1. Ưu điểm:**  **-** Đa số hiểu đề, hiểu được tác dụng, vai trò của môi trường, thấy được việc cần làm để bảo vệ môi trường  - Một số bài viết có sự đầu tư tìm tòi nhiều tư liệu có khoa học nên đưa những lời nhận định, phân tích khá sâu sắc với những con số cụ thể chính xác và dẫn chứng rõ ràng  - Đa phần nắm được bố cục của bài văn nghị luận xã hội nói chung và đảm bảo các ý cơ bản cần có của bài viết  **2. Khuyết điểm:**  **-** Tuy nhiênmột số em hiểu biết chưa sâu về vai trò của môi trường nên trình bày còn chung chung  - Một vài bài chỉ đi vào trình bày các biện pháp bảo vệ không chú ý giải thích môi trường là gì? Vai trò của môi trường như thế nào để dẫn dắt đến vấn đề tại sao phải bảo vệ môi trường, cho nên bài viết sơ sài, thiếu tính thuyết phục.  - Một số khác lại trình bày những hiểu biết về môi trường song không có dẫn chứng cụ thể nên bài viết thiếu tính thuyết phục  - Tình trạng viết sai chính tả, ngữ pháp, diễn đạt lủng củng, lan man vẫn còn tiếp diễn do các em không biết và không có ý thức lựa chọn, chỉnh sửa khi viết bài.  **III/ SỬA LỖI**  1.Viết sai chính tả:  Hỉ diệt 🡪 hủy diệt  Đe dọ 🡪 đe dọa  Hiểm họa 🡪 hiểm họa ..  2. Dùng từ sai:  + Môi trường bị phá phách 🡪 bị tàn phá  + Sự sống bị tiêu hủy🡪 bị hủy diệt  3.Lỗi diễn đạt, ngữ pháp  **+** Câu thiếu vị ngữ:“ môi trường, nguồn dưỡng khí, nguồn sống của con người „  🡪 sửa: thêm“ là „  + Câu thiếu chủ ngữ , diễn đạt lủng củng : Khi các nhà máy xí nghiệp mọc lên khắp nơi làm cho đất tự nhiên bị thu hẹp, môi trường bị ô nhiễm, khói bụi nước thải của các nhà máy đổ ra khắp nơi.  🡪 sửa lại: bỏ từ“ khi „ và thêm quan hệ từ“ bởi „ sau từ ô nhiễm.  **IV. Kết quả** |

**4. Củng cố**

+ GV phát bài, yêu cầu HS xem bài gv sẽ giải đáp những thắc mắc về bài viết của HS ( nếu có)

+ Nhắc nhở HS chú ý khắc phục lỗi sai

**5. Dặn dò**

+ Soạn bài ***“Tôi yêu em”*** của Puskin theo hệ thống câu hỏi SGK

+ Tìm hiểu thêm vài câu thơ , bài thơ về tình yêu của các tác giả khác : Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử).

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 95:** **TÔI YÊU EM**

***A. Pu-skin***

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Cảm nhận được vẻ đẹp trong sáng của một tâm hồn Nga, một tâm hồn thơ.

- Nắm được đặc sắc nghệ thuật thơ cổ điển của Pus-kin: giản dị, tinh tế mà hàm súc.

**2. Kĩ năng**

Đọc hiểu thơ theo đặc trưng thể loại.

Phân tích những đặc trưng cơ bản của thơ: cảm hứng nghệ thuật, hình ảnh, ngôn ngữ.

**3. Thái độ**

- Giáo dục văn hóa tình yêu, niềm tin và nghị lực trong cuộc sống.

**II. Phương tiện**

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

**III. Phương pháp**: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành, đọc diễn cảm... GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy

**IV. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức**

**Sĩ số: .....................................**

**2. Kiểm tra bài cũ:** không

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động khởi động**

*Nhà thơ Xuân Diệu – ông hoàng của thơ tình Việt Nam đã từng viết:*

*Làm sao sông được mà không yêu*

*Không nhớ không yêu một kẻ nào.*

*Có lẽ tình yêu ngự trị trong mỗi chúng ta, nó trở thành một “ kiệt tác của con người”(Gác- xông), không biết con người biết yêu từ khi nào, và cũng không biết tình yêu đến với con người như thế nào. Chỉ biết khi bước vào vườn thơ tình của nhân loại, ta bắt gặp muôn vàn những bông hoa tình yêu với muôn vàn màu sắc. Có tình yêu tầm thường, tình yêu cao cả, tình yêu ích kỉ, vẩn đục, tình yêu trong sáng… và “Tôi yêu em” của Puskin là một trong những tình yêu ấy.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới**  Đọc và tìm hiểu tiểu dẫn  HS đọc và trả lời câu hỏi sau đây:  -Phần tiểu dẫn giới thiệu vấn để gì?  -Vị trí và tài năng của Piskin trong nền VH Nga  -Các thể loại sáng tác và nội dung tác phẩm của Puskin    -Bài thơ viết về đề tài gì ? đó là đề tài như thế nào trong thơ ca?  - Hoàn cảnh sáng tác bài thơ?  - Chia bố cục bài thơ và nêu nội dung từng phần?  Gv hướng dẫn Hs đọc hiểu chi tiết.  2 Hs đọc diễn cảm  - Điệp khúc nào làm nổi bật cảm xúc chủ đạo của bài thơ?  - Tâm trạng nhân vật trữ tình được biểu hiện trong hai câu đầu như thế nào?  - Giọng điệu trữ tình được chuyển biến như thế nào từ câu 1, 2 sang câu 3, 4?  - Mâu thuẫn trong tâm trạng của nhân vật?  - Tâm trạng nhân vật trữ tình trong hai câu giữa? cách diễn đạt của tác giả?  - Giọng điệu trữ tình có gì thay đổi so với 2 câu trên?  - Lời câu chúc thể hiện điều gì ở nhân vật trữ tình?  - Cảm nhận, suy nghĩ về tình yêu đơn phương trong bài thơ?    - Nêu đặc sắc nghệ thuật của bài thơ?  - Hãy rút ra ý nghĩa văn bản ?  Gv hướng dẫn hs tổng kết. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - A-lếch-xan-đrơ Pu-skin (1799-1837)  -Puskin là “Mặt trời cùa thi ca Nga”, là nhà thơ vĩ đại của nhà thơ Nga.  - Là một thi sĩ lừng danh với 800 bài thơ trữ tình, là tác giả của nhiều cuốn tiểu thuyết, kịch, trường ca, truyện ngắn…  -nội dung tác phẩm: thể hiện niềm khao khát tự do và tình yêu của nhân dân Nga.  **2. Bài thơ**  -Đề tài : tình yêu- chủ đề lớn trong thơ Puskin  -Hoàn cảnh sáng tác : một trong những bài thơ nổi tiếng được khơi gợi cảm xúc từ mối tình không thành của tác giả với Ô-lê-nhi-na- con gái vị Chủ tịch Viện hàn lâm Nghệ thuật Nga.  - Bố cục:  + 4 câu đầu : những mâu thuẫn trong tâm trạng của nhân vật trữ tình.  + 2 câu giữa : nỗi khổ đau  + 2 câu sau : sự cao thượng chân thành.  **II. Đọc - hiểu văn bản**  **1.Nội dung**  **a. Những mâu thuẫn trong tâm trạng (4 câu đầu)**  - Tình cảm : T ôi yêu…ngọn lửa  tình chưa hẳn đã tàn phai tình yêu trong tâm hồn chưa lụi tắt, vẫn còn dai dẳng cháy, vẫn đ ược ấp ủ 🡪 thú nhận chân thành  - Lý trí: nhưng không để em … 🡪 quyết định chối bỏ dứt khoát, dập tắt ngọn lửa tình - Vì để không làm bận lòng em , vì hạnh phúc của em 🡪 Vị tha, cao thượng.  Tình yêu đơn phương  **b. Nỗi khổ đau của nhân vật trữ tình (2 câu giữa)**  - Điệp khúc tôi yêu em kết hợp với những trạng thái cảm xúc dồn nén, dày vò chìm ẩn dưới đáy sâu của tâm hồn h ành h ạ con tim. Đó là những cung bậc, những trạng thái cảm xúc của người đang yêu.  **c. Sự cao thượng chân thành (2 câu cuối)**  - Khẳng định: Tôi yêu em chân thành đằm thắm  🡪 cảm xúc được giải tỏa dâng cao, tiết điệu nhanh, gấp diễn tả tính chất tươi sáng dạt dào cảm xúc  - Lời cầu chúc: sự thăng hoa của cảm xúc - vượt trên đau khổ ghen tuông ích kỉ mong cho người mình yêu được hạnh phúc 🡪 tình cảm cao thượng đầy chất nhân văn.  **2. Nghệ thuật**  - Ngôn ngữ thơ giản dị, trong sáng, hàm súc.  - Giọng thơ chân thực, sinh động, lúc phân vân, ngập ngừng, khi kiên quyết day dứt.  **3. Ý nghĩa văn bản**  Dù trong hoàn cảnh và tình yêu nào, con người phải sống chân thành, mảnh liệt, cao thượng và vị tha.  **III. Tổng kết**  ( ghi nhớ - SGK) |

**4. Củng cố**

Qua tình cảm cao đẹp đầy giá trị nhân văn của nhân vật trữ tình ta hiểu thêm về con người, tình yêu của Puskin.? Và rút ra bài học gì về tình yêu ?

**5. Dặn dò**

- Đọc thuộc lòng bài thơ. Cảm nhận về một hình ảnh thơ mà em ấn tượng nhất.

- Soạn ***“Bài thơ số 28”*** (Tago).

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

***Tiết 96.* Đọc thêm: BÀI THƠ SỐ 28**

**R. Tago**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Cảm nhận được quan niệm của nhân vật trữ tình về tình yêu: tình yêu là sự hiểu biết, hòa điệu giữa hai con người, là sự hiến dâng và tự nguyện..

- Thấy được kiểu cấu trúc của thơ sóng đôi.

**2. Kĩ năng**

Đọc hiểu thơ theo đặc trưng thể loại.

**3. Thái độ**

- Giáo dục văn hóa tình yêu tuổi trẻ.

**II. Phương tiện**

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

**III. Phương pháp**: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành, đọc diễn cảm... GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy.

**IV. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức**

Sĩ số: ..........................................

**2. Kiểm tra bài cũ**

Đọc thuộc lòng bài thơ “Tôi yêu em”

Phân tích sự cao thượng chân thành trong tình yêu của Pu-skin?

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động khởi động**

***Bài thơ số 28*** *trong tập* ***Người làm vườn*** *là bài thơ tình nổi tiếng của Ta-go và là một trong những bài thơ tình nổi tiếng thế giới. Bài thơ thể hiện một quan niệm rất đúng đắn và tiến bộ về tình yêu. Tình yêu là diệu kì và bí ẩn. Yêu là khao khát khám phá thế giới tâm hồn của người mình yêu, là khát khao đồng cảm và đồng điệu.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới**  Gv hướng dẫn Hs đọc hiểu khái quát.  Hs đọc tiểu dẫn và trả lời câu hỏi  - Vai trò và vị trí của Tagor trong nền văn học Ấn Độ và thế giới?  - Những điểm nổi bật về sự nghiệp văn học của Tagor?  Gv hướng dẫn Hs tìm hiểu chi tiết.  Đọc văn bản và trả lời  - Hình ảnh so sánh trong câu thơ đầu thể hiện niềm khao khát gì trong tình yêu?  - Đoạn thơ sử dụng kiểu cấu trúc gì? Nhằm mục đích gì?  - Qua việc sử dụng hình ảnh so sánh tác giả muốn nói gì về cuộc đời về trái tim?  Nhận xét về nghệ thuật và nội dung ý nghĩa của bài thơ?  Gv hướng dẫn hs tổng kết. | **I.Tìm hiểu chung**  **1.Tác giả**  **-** R**.**Ta-go (1861 – 1941) là nhà văn nhà văn hóa lớn của Ấn Độ - có những cống hiến quan trọng cho văn hóa Ấn Độ, cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân loại vì độc lập, hòa bình và hữu nghị.  - Sự nghiệp: khổng lồ, nhiều lĩnh vực xuất sắc : thơ, tiểu thuyết, truyện ngắn, kịch, tiểu luận, triết học, nhạc, họa.  - Tập thơ *Dâng* được giải Nôben 1913.  **2. Tác phẩm**  **-** Xuất xứ bài thơ: In trong tập *Người làm vườn* , là bài thơ tình nổi tiếng.  **II. Đọc- hiểu văn bản**  **1. Nội dung**  **a. Niềm khao khát của người con gái khi yêu**  - Hình ảnh ánh mắt em được so sánh như trăng kia …  🡪 Tình yêu được khám phá bằng đôi mắt 🡪 biểu hiện của sự khát khao hiểu biết và hòa hợp  Chàng trai bày tỏ lòng mình  - Anh để cuộc đời anh… không dấu 🡪 có thể em không hiểu gì 🡪 những biểu hiện bên ngoài chỉ là thứ yếu – điều cốt yếu bên trong là tâm hồn.  **b.Những đặc trưng của cuộc đời, trái tim và tình yêu**  - Nghệ thuật:  • lối cấu trúc giả định rồi phủ định 🡪 kết luận  • Dùng hình ảnh so sánh : viên ngọc, đá hoa với trái tim; lạc thú, khổ đau với tình yêu.  • cách nói nghịch lí : anh không dấu >< em không biết gì  - Nội dung: sự phức tạp, bao la, vô tận và bí ẩn của cuộc đời, trái tim và sự vô biên của tình yâu.  🡺 trái tim là thế giới bí ẩn không có biên giới – tình yêu có nhiều cung bậc, mâu thuẫn.  **2. Nghệ thuật**  Kiểu cấu trúc sóng, thơ giàu tính trí tuệ, sử di\ụng nhiều hình ảnh.  **3. Ý nghĩa văn bản**  Khẳng định mối quan hệ giữa tình yêu và đời sống con người, sự huyền diệu, bí ẩn đòi hỏi phải khám phá.  **III. Tổng kết**  - Bài thơ giàu tính triết lý, hướng về cái vô tận, chiêm nghiệm chiều sâu thế giới tâm hồn con người.  - Tình yêu là vô biên, không có giới hạn. Muốn có hạnh phúc phải biết khám phá, hiểu biết, hòa hợp và tin yêu. |

**4. Củng cố :** Hệ thống hóa kiến thức.

**5. Dặn dò:** Đọc thuộc lòng bài thơ. Cảm nhận về một hình ảnh thơ mà em ấn tượng nhất.

Soạn bài mới: ***Luyện tập viết tiểu sử tóm tắt.***

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 97: LUYỆN TẬP VIẾT TIỂU SỬ TÓM TẮT**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Củng cố kiến thức và kĩ năng về viết tiểu sử tóm tắt

- Tập viết tiểu sử tóm tắt theo định hướng SGK.

**2. Kĩ năng**

Kĩ năng viết bản tiểu sử tóm tắt.

**3. Thái độ**

- Ý thức chọn lọc khi viết tiểu sử tóm tắt sao cho phù hợp với mục đích viết tiểu sử, với từng đối tượng, từng hoàn cảnh .

**II. Phương tiện**

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

**III. Phương pháp**: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành, GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy.

**IV. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức**

Sĩ số: .................................................

**2. Kiểm tra bài cũ**

Đọc thuộc lòng *Bài thơ số 28* ( Tago).

Nêu suy nghĩ sau khi học xong bài thơ đó.

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động khởi động**

*Tiết trước, chúng ta đã học lí thuyết về tiểu sử tóm tắt. Để củng cố lí thuyết, hiểu rõ cách viết như thế nào để đạt yêu cầu, ta sang tiết luyện tập.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Hoạt động 2. Hoạt động thực hành**  Gv hướng dẫn Hs ôn tập lí thuyết.  - Thế nào là viết tiểu sử tóm tắt?  - Mục đích và yêu cầu ủa viết tiểu sử tóm tắt?  - Cách viết tiểu sử tóm tắt?  HS đọc mục I SGK và trả lời các câu hỏi  \* GV cho HS thảo luận nhóm  Chi đoàn em sẽ giới thiệu một đoàn viên ưu tú tham gia ứng cử vào ban chấp hành Hội liên hiệp thanh niên của tỉnh ( thành phố). Em hãy viết tiểu sử tóm tắt của đoàn viên đó.  GV hướng dẫn HS trình bày bản tiểu sử tóm tắt trước lớp.  Nhận xét cách trình bày của bạn.. GV bổ sung và kết luận.  Hoạt động nhóm(4 nhóm)  GV hướng dẫn HS luyện tập viết tiểu sử tóm tắt.  Đại diện nhóm trình bày. Các nhóm nhận xét, bổ sung.  **\* Chú ý:**  - Tác phong trình bày  - Nội dung trình bày  - Cách trình bày  - Có đảm bảo đầy đủ nội dung theo yêu cầu.  + Bố cục  + Cách dùng từ. | **I. Lí thuyết**  **\* Khái niệm**: Tiểu sử tóm tắt là văn bản thông tin một cách khách quan, trung thực những nét cơ bản về cuộc đời và sự nghiệp của một cá nhân.  \* **Mục đích:**  - Giới thiệu cho người đọc, người nghe về người được nói tới.  - Trong văn chương: tiểu sử tóm tắt của tác giả giúp chúng ta hiểu sâu hơn các sáng tác của họ.  \* **Yêu cầu:**  **-** Thông tin một cách khách quan, chính xác về người được nói tới.  - Nội dung và độ dài của văn bản cần phù hợp với mục đích viết tiểu sử tóm tắt.  - Văn phong cần cô đọng, trong sáng, không sử dụng các biện pháp tu từ.  **\* Cách viết tiểu sử tóm tắt**  **-** Chọn tài liệu để viết tiểu sử tóm tắt:Cụ thể, chính xác, chân thực và tiêu biểu:  - Để chuẩn bị cho bài viết tiểu sử tóm tắt cần:  + Phải sưu tầm những tài liệu tiêu biểu có liên quan ( tài liệu đó phải mạng tính cụ thể, chính xác, trung thực, toàn diện)  **\* Bản tiểu sử tóm tắt gồm 4 phần:**  - Nhân thân  - Hoạt động xã hội  - Đóng góp, thành tựu tiêu biểu  - Đánh giá chung  **II. Bài tập**  1. Tình huống có những đặc điểm cần lưu ý :  - Giới thiệu một đoàn viên ưu tú  + Người trẻ tuổi(Học sinh, sinh viên…)  + Có năng lực tổ chức các hoạt động tập thể  - Tham gia ứng cử vào ban chấp hành HLH thanh niên của tỉnh hoặc thành phố(một tổ chức đoàn thể mang tính xã hội hoá cao)  2. Qui trình gồm các bước:  - Xác định mục đích và yêu cầu viết tiểu sử tóm tắt  - Xác định nội dung trình bày trong bản tóm tắt  - Tìm hiểu người giới thiệu để có những thông tin cần thiết  - Viết bản tiểu sử tóm tắt.  3. Trình bày bản tiểu sử tóm tắt trước lớp.  *Thưa các bạn !*  Trong đại hội Liên hiệp thanh niên của thành phố sắp tới, tôi xin giới thiệu bạn……vào danh sách đề cử của ban chấp hành nhiệm kì mới.  Bạn …sinh ngày…tháng…năm…, tại…hiện đang là học sinh…  Suốt ba năm học bạn …đều là….. bạn không chỉ học giỏi mà còn là người có năng lực tổ chức và điều hành các hoạt động tập thể một cách có hiệu quả…  Với uy tín và kinh nghiệm công tác của bạn …tôi tin là…sẽ có những đóng góp tích cực cho phong trào thanh niên của thành phố. Vì vậy tôi xin trân trọng giới thiệu bạn …vào danh sách đề cử.  Rất mong các bạn đồng tình, ủng hộ ý kiến của tôi và tập trung phiếu bầu cho bạn… Xin chân thành cảm ơn. |

**4. Củng cố** : yêu cầu Hs nhắc lại hiểu biết cơ bản về cách viết tiểu sử tóm tắt.

**5. Dặn dò**

- Tập viết tiểu sử tóm tắt

- Soạn bài : ***Người trong bao*** (Sê-khốp).

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 98-99: NGƯỜI TRONG BAO**

***Sê-khốp***

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

-Hiểu được giá trị tư tưởng của truyện ngắn “Người trong bao”

-Hiểu được nghệ thuật xây dựng nhân vật điển hình

**2. Kĩ năng**

Đọc hiểu thơ theo đặc trưng thể loại.

Phân tích tâm lí, tính cách nhân vật.

**3. Thái độ**

-Có thái độ căm ghét và đấu tranh với lối sống ích kỷ, hèn nhát, bạc nhược.

**II. Phương tiện**

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

**III. Phương pháp**: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành, đọc diễn cảm... GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy.

**IV. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức**

**Sĩ số : ………………………….**

**2. Kiểm tra bài cũ:** không

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động khởi động**

*Thế kỉ XIX là thời kì hoàng kim của văn học Nga với các tên tuổi như Puskin, Gô-gôn, Tuốc-ghê-ni-ép, Lép-tôn-xtôi, sê-khốp,..Chúng ta đã biết một nhà thơ Puskin trong sáng, giản dị với tình yêu chân thành, cao thượng qua bài thơ : “tôi yêu em”. Hôm nay, ta sẽ làm quen với “một Puskin trong văn xuôi”. Đó là Sê-khốp với tác phẩm “Người trong bao”.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **TIẾT 98** | |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  GV cho hs đọc tiểu dẫn và hệ thống lại những ý chính về tác giả,tác phẩm  GV giới thiệu nội dung và nghệ thuật trong sáng tác của Sê-khốp  Tác phẩm được sáng tác trong hoàn cảnh nào?  Truyện thiên về chủ đề nào trong những sáng tác của ông?  Hs tìm hiểu phần tiểu dẫn và trả lời  GV giới thiệu hai cách chia bố cục:  -Cách 1:Theo c/đ nhân vật  -Cách 2:Mở truyện,thân truyện,kết truyện  Gv hướng dẫn hs đọc theo đúng tinh thần của t/p  Gv hướng dẫn hs tìm hiểu chi tiết.  Chân dung nhân vật được hiện lên ntn?Lấy d/c cụ thể?  Nhận xét của em về cách sống của n/v:trong sinh hoạt hằng ngày,trong quan hệ đồng nghiệp,trong tình cảm,trong suy nghĩ với mọi hiện tượng xung quanh?  Điểm tính cách nào ở n/v khiến em ghê sợ nhất và điểm nào trong cách sống của ông khiến em buồn cười nhất?  Hs thảo luận và trả lời,gv định hướng và cho ghi ý chính,riêng câu hỏi thứ 3 gv có thể hỏi trực tiếp hs mà không cần thảo luận  Nêu những kết luận của em về nhân vật?  Lối sống đó ảnh hưởng như thế nào đến con người và xã hội nước Nga thời bấy giờ?  Giá trị tư tưởng của tác phẩm “Người trong bao”?  Gv cần làm rõ cho hs thấy:  -Giá trị hiện thực:Chân dung của Bê-li-khốp là chân dung của một bộ phận không nhỏ trí thức Nga,lối sống đó ảnh hưởng dai dẳng và nặng nề trong XH Nga  -Giá trị nhân đạo:Con người phải tìm cách thoát ra khỏi lối sống đó để vươn tới những điều tốt đẹp,lành mạnh,có ý nghĩa hơn.  **HẾT TIẾT 98 CHUYỂN SANG TIẾT 99**  Nguyên nhân nào dẫn đến cái chết của Bê-li-cốp?  Theo em việc để cho Bê-li-khốp chết là hợp lí không?Vì sao?  Cái chết đó có ý nghĩa như thế nào đối với nghệ thuật xây dựng nhân vật và ý đồ tư tưởng của tác gỉa ?  Hs thảo luận và trả lời, Gv định hướng và chọn ra câu trả lời sát nhất  Thái độ của mọi người trước cái chết của Bê-li-cốp? nhưng không khí nhẹ nhàng, thoải mái đó có được lâu không vì sao?  Phân tích ý nghĩa biểu trưng của “Cái bao”?  GV hướng dẫn hs tìm ra giá trị tố cáo và sức mạnh phê phán của chi tiết này.  ***Ý nghĩa thời sự***:\* Đ/v XH Nga:Thái độ cảnh báo kêu gọi mọi người hãy thoát ra khỏi lối sống tầm thường ấy  \*Đ/v hiện nay:Lối sống này vẫn đang có mặt ở mọi nơi,cần ý thức mục đích sống của mình để thống nhất với các chuẩn mực văn hoá, đạo đức của cộng đồng.  Hs nêu chủ đề, Gv tổng kết 2 mặt nội dung và nghệ thuật  Hãy nêu đặc sắc nghệ thuật của văn bản ?  Rút ra ý nghĩa văn bản ?  Gv hướng dẫn hs tổng kết.  **Hoạt động 3: Hoạt động thực hành**  cho Hs làm bài tập 3 /sgk /tr 70. | **I.Tìm hiểu chung**  **1/Tác giả**  -Tên An-tôn Páp-lô-vích Sêkhốp (1860-1904)sinh ra và lớn lên ở trong một gia đình buôn bán nhỏ ở thị trấn Tan-ga-rốc,bên bờ biển A-dốp,nước Nga  - Ông vừa là nhà văn vừa tham gia nhiều hoạt động xã hội,văn hóa,giáo dục.  -Là nhà văn Nga kiệt xuất, được giải thưởng Puskin của viện hàn lâm Nga,là viện sĩ danh dự của viện hàn lâm khoa học Nga  **2. Sự nghiệp sáng tác**  (Sgk )  - Nội dung:Tác phẩm của ông lên án xã hội bất công thói cường bạo và c/s ăn hại của giai cấp cầm quyền đương thời,phê phán sự bất lực của giới trí thức và sự sa đoạ về tinh thần của một bộ phận không nhỏ trong họ đồng thời biểu hiện sự đồng cảm sâu sắc sự trân trọng đối với những lao động nghèo,tình yêu thắm thiết và niềm tin mạnh mẽ vào tương lai của nước Nga  - Nghệ thuật:Thâm trầm, kín đáo, sâu sắc. Thái độ thể hiện khi thì gửi gắm vào nhân vật,khi thì tỏ ra lạnh lùng,khách quan.  **3**.**Tác phẩm**  - Hoàn cảnh sáng tác:Sáng tác trong thời gian nhà văn dưỡng bệnh ở thành phố I-an-ta,trên bán đảo Crưm,biển Đen  -Đây là một trong 3 truyện ngắn có chung chủ đề phê phán lối sống tầm thường dung tục tiểu tư sản-lối sống của kiểu người trí thức Nga những năm cuối thế kỉ XIX  -Bố cục: 2 cách  **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Nội dung**  **a.Nhân vật Bê-li-cốp**  *\*)Chân dung Bê-li-cốp*  - Cách ăn mặc: đi giày cao su,cầm ô khi trời đẹp,mặc áo bành tô, đeo kính râm,lỗ tai nhét bông...  - Đặc điểm:Tất cả đều đề trong bao  ***⭢ kì quái,khác người,lập dị***  *\*)Tính cách Bê-li-cốp*  - Có khát vọng kì dị,mãnh liệt:Thu mình vào một cái vỏ,tạo ra cho mình một thứ bao để ngăn cách....  - Nhút nhát,ghê sợ hiện tại nhưng lại ca ngợi tôn sùng quá khứ:say mê và ca ngợi tiếng Hi lạp  - Máy móc,giáo điều,rập khuôn:phản ứng việc đi xe đạp của 2 chị em Va-ren-ca,thói quen trong quan hệ đồng nghiệp  - Cô độc,luôn lo lắng và sợ hãi  - Luôn luôn thoả mãn và hài lòng với lối sống cổ lỗ, hủ lậu, kì quái của mình.  ⭢ Hèn nhát, cô độc, máy móc, giáo điều, thu mình trong bao và cảm thấy an tâm sung sướng ,mãn nguyện  *🢡\*Lối sống ảnh hưởng dai dẳng,mạnh mẽ đến lối sống và tinh thần của mọi người*  *\*Bê-li-cốp là điển hình cho một kiểu người,một hiện tượng xã hội đã và đang tồn tại trong cuộc sống của một bộ phận tri thức Nga cuối thế kỉ XIX.Hắn không phải là một cá nhân quái đản mà là con đẻ của chế độ phong kiến chuyên chế đang phát triển mạnh trên con đường tư bản hóa ở nước Nga cuối t/k XIX*  *\*Một tính cách điển hình,một nhân vật độc đáo,một sản phẩm nghệ thuật của thiên tài* *Sê-khốp*    **b/Cái chết của Bê-li-cốp**  *\*. Nguyên nhân:*  - Do sốc trước thái độ và hành động của chị em Va-ren-ca  - Xét về logíc cuộc sống:cách sống ấy không thể tồn tại lâu dài được bởi con người không thể sống mà thiếu niềm vui,hạnh phúc...  - Xét về logíc nghệ thuật:cái chết là một chi tiết quan trọng để đẩy tính cách nhân vật lên cao bởi khi chết hắn vĩnh viễn được nằm trong cái bao mà hắn từng khao khát  *\*)Thái độ của mọi người* đối với Bê-li-cốp khi hắn còn sống và khi hắn đã chết: nhẹ nhàng, thoải mái.  *\*) Ý nghĩa:*  - Lối sống ấy đã đầu độc bầu không khí trong lành,lành mạnh của văn hóa, đạo đức và tiến bộ của XH Nga đương thời  - Đó là một hiện tượng XH phổ biến rộng rãi  **c/Ý nghĩa của biểu tượng “Cái bao”**  - Nghĩa đen: Vật dùng để đựng có hinhdf túi hoặc hình hộp, là vật dụng quen dùng của Bê-li-cốp.  - Nghĩa bóng: Lối sống và tính cách của nhân vật Bê-li-cốp  - Nghĩa biểu trưng: Lối sống thu mình,hèn nhác, ích kỉ cá nhân,hủ lậu... đã và đang tồn tại làm ảnh hưởng đến một bộ phận không nhỏ ở nước Nga⭢***giá trị phê phán***  - Ýnghĩa phổ quát:Cả XH Nga thời điểm đó cũng là cái bao khổng lồ trói buộc,ngăn chặn sự tự do của c/n⭢***sức mạnh tố cáo***  🢡Cái bao là biểu tượng giàu ý nghĩa,là sáng tạo n/t độc đáo của tác giả  \***/*Ý nghĩa thời sự***  -Ý nghĩa đương thời  -Ý nghĩa thời sự hiện nay,trên toàn TG  **2/Nghệ thuật**  -Cách kể, giọng chuyện chậm rải, u buồn, giễu cợt một cách sâu cay,chọn ngôi kể.  -Nghệ thuật xây dựng nhân vật điển hình mang tính biểu tượng cho một giai cấp xã hội.  -Nghệ thuật xây dựng biểu tượng  **3. Ý nghĩa văn bản**  Thể hiện cuộc đấu tranh giữa con người với cái “bao”chuyên chế và khát vọng sống là mình, loiaj bỏ lối sống “trong bao", thức tỉnh “con người không thể sống mãi như thế này được”.  Ghi nhớ Sgk I  **III. Luyện tập**  Nhan đề của tác phẩm là hay nhất khái quát và ấn tượng hơn cả. Nó không chỉ khắc họa hình ảnh một kiểu người đặc biệt quá dị mà nó còn có tác dụng khái quát bộ mặt xã hội Nga đương thời như một “cái bao” trói chặt, bao vây, kìm hãm sự tự do của con người. Vì thế không thể thay thế bất kì nhan đề nào khác. |

**4. Củng cố**: Hệ thống kiến thức vừa học, nhấn mạnh trọng tâm bài học.

**5. Dặn dò**: Tự ôn tập theo hướng dẫn. Chuẩn bị bài mới : ***Thao tác lập luận bình luận.***

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 100. THAO TÁC LẬP LUẬN BÌNH LUẬN**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được mục đích, yêu cầu và tầm quan trọng của thao tác lập luận bình luận.

- Nắm được những nguyên tắc và cách thức cơ bản của thao tác lập luận bình luận.

**2. Kĩ năng**

- Biết vận dụng thao tác lập luận bình luận vào bài viết văn và ứng xử trong cuộc sống

**3. Thái độ**

- Có thái độ học tập đúng đắn để hiểu và áp dụng trong học tập và trong thực tiễn cuộc sống.

**II. Phương tiện**

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

**III. Phương pháp**: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành, GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy.

**IV. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức**

Sĩ số: ............................................

**2. Kiểm tra bài cũ:** không

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động khởi động**

*Giải thích, chứng minh và bình luận là một thao tác của phân tích. Một bài văn nghị luận cần kết hợp nhiều thao tác khác nhau. Lập luận cũng là một trong những thao tác đó. Để hiểu hơn về vấn đề này ta tìm hiểu bài:* ***Thao tác lập luận bình luận.***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  HS đọc mục I SGK và trả lời câu hỏi.  GV chuẩn xác và chốt kiến thức.  So sánh: Bình luận, giải thích, chứng minh.  - Bình luận: Đề xuất và thuyết phục người đọc tin, tán đồng với ý kiến(đề xuất) của mình về một vấn đề nào đó.  - Giải thích: Dùng lí lẽ và dẫn chứng giúp người đọc hiểu về một vấn đề nào đó.  - Chứng minh: Dùng dẫn chứng và lí lẽ khiến người đọc tin một vấn đề nào đó.  - Bình luận có vai trò và tầm quan trọng như thế nào trong cuộc sống con người ?  🡪 Bình luận có vai trò và tầm quan trọng trong cuộc sống con người. Muốn các cuộc tranh luận có hiệu quả và bổ ích chúng ta cần thành thạo kĩ năng bình luận.  Gv hướng dẫn Hs tìm hiểu cách bình luận.  **Phân tích ngữ liệu (Sgk/73)**  **\*GV chia nhóm thảo luận:**  *Nhóm 1*: *Đoạn trích nêu vấn đề gì? Nhận xét cách nêu?*  *Nhóm 2: Tác giả đã dùng lí lẽ nào để giả quyết vấn đề? Nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên?*  *Nhóm 3: Tác giả đã làm cho người đọc tin vào điều mình nói bằng cách nào?Qua đó thể hiện thái độ gì đối với vấn đề được nêu.*  *Nhóm 4: Kết thúc vấn đề, tác giả đã đưa ra lời bàn nào? Giải pháp nào để giải quyết được vấn đề đã nêu ra?*  GV nhận xét, chốt lại vấn đề.  HS đọc mục II SGK và trả lời câu hỏi  *Có mấy bước trong cách bình luận. Đó là những bước nào?*  GV chốt kiến thức.  HS đọc ghi nhớ SGK  **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  GV hướng dẫn HS làm bài tập SGK.  Chữa bài tập và cho điểm.  Bài tập 1:  Giải thích dùng lí lẽ (chủ yếu) và dẫn chứng (hỗ trợ)  - Chứng minh dùng dẫn chứng(chủ yếu) dùng lí lẽ(hỗ trợ)  Bài tập2: gv yêu cầu hs đọc đề sgk và hướng dẫn hs trả lời. | **I. Mục đích, yêu cầu của thao tác lập luận bình luận**  **1. Khái niệm**  Bình luận là bàn bạc đánh giá về sự đúng sai, thật giả, lợi hại của các hiện tượng đời sống như ý kiến, chủ kiến, việc làm.  **2. Mục đích của bình luận**  - Là đánh giá ( *xác định phải trái, đúng sai, hay dở*) và bàn bạc (*trao đổi ý kiến*)    **3. Yêu cầu của bình luận**  - Trình bày rõ ràng, trung thực vấn đề được bình luận.  - Lập luận để khẳng được nhận xét, đánh giá của mình là đúng đắn.  - Bàn bạc, mở rộng vấn đề một cách sâu sắc và có sức thuyết phục.  **II. Cách bình luận**  **1. Phân tích ngữ liệu (Sgk/73)**  **\* Vấn đề bình luận**: nguyên nhân và hậu quả của tai nạn gian thông.  **\* Giải quyết vấn đề:**  *- Dùng lí lẽ:*  **+** “Thần chết đã … đường phố”  **+** “Những kẻ … giao thông”  **+** “Những kẻ đầu …. khoái cảm”.  **-** *Chỉ ra nguyên nhân:*  + Hạn chế khách quan.  + Hạn chế chủ quan: ý thức tham gia giao thông còn non kém.  ⇨ Tác giả đã đi vào giải thích vấn đề.  *- Dẫn chứng*:  + “Theo thống kê của UNICEF…. Xe máy”  + Họ là lực lượng lao động lớn của đất nước. Lực lượng ấy phải gánh lấy trách nhiệm công dân và gia đình.  ⇨ Dùng lí lẽ và dẫn chứng để cho người đọc thấy được nguyên nhân và hậu quả của tai nạn giao thông. Từ đó dẫn đến thái độ phê phán, không đồng tình với những sát thủ trên đường phố → Đánh giá vấn đề.  **\* Tác giả đã đưa ra lời bàn**:  - Vấn đề an toàn giao thông là hạnh phúc, là cơ hội gặt hái thành công để hội nhập, là thể hiện thái độ mến khách.  - Hành động cần có:  + Tự điều chỉnh mình.  + Tự cứu mình và cứu người.  + Cần một chương trình truyền thông hiệu quả để lưỡi hái tử thần không còn nghênh ngang trên đường phố.  ⇨ Bàn bạc, mở rộng vấn đề.  **2. Cách bình luận:** 3 bước  Một bài bình luận thường có các bước sau:  - Bước 1: Nêu vấn đề cần bình luận.  + Nêu rõ được thái độ và sự đánh giá của người bình luận trước vấn đề đưa ra.  + Trình bày rõ ràng, trung thực  - Bước 2: Đánh giá vấn đề cần bình luận  + Đứng hẳn về một phía mình cho là đúng để bác bỏ cái sai.  + Kết hợp phần đúng của mỗi phía và loại bỏ phần sai để tìm ra *tiếng nói chung* trong sự đánh giá.  + Đưa ra cách đánh giá của riêng mình.  - Bước 3: Bàn về vấn đề cần bình luận.  + Bàn về thái độ, hành động, cách giải quyết trước vấn đề đang được xem xét.  + Bàn về những điều rút ra khi liên hệ với thời đại, hoàn cảnh, lứa tuổi …  + Bàn về những vấn đề sâu xa hơn mà vấn đề được bình luận gợi ra.  **III. Ghi nhớ**  - SGK  **IV. Luyện tập**  Bài tập 1.  - Bình luận không phải là giải thích, chứng minh hay kết hợp giải thích với chứng minh. Vì:  + Mục đích 3 kiểu bài này khác nhau  + Bản chất của bình luận là tranh luận về vần đề mà tất cả người tham gia bình luận đều đã biết và đều có ý kiến riêng về vấn đề đó.  Bài tập2:  Đoạn văn trên có sử dụng thao tác bình luận vì:  - Có vấn đề bình luận: nguyên nhân hậu quả của tai nạn giao thông.  - Có mở rộng vấn đề bình luận: vấn đề an toàn giao thông không chỉ bó hẹp trong lĩnh vực giao thông mà là “món quà văn minh” đem ra “đãi khách” trong thời gian lưu, hội nhập toàn cầu. |

**4.Củng cố**

- Yêu cầu Hs đọc lại phần ghi nhớ sgk.

- Hiểu được mục đích, yêu cầu và tầm quan trọng của thao tác lập luận bình luận.

- Nắm được nguyên tắc và cách thức bình luận

**5. Dặn dò**

- Làm các bài tập còn lại.

- Soạn bài theo phân phối chương trình : ***Người cầm quyền khôi phục uy quyền*** (Huy-gô).

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 101-102:NGƯỜI CẦM QUYỀN KHÔI PHỤC UY QUYỀN**

(Trích *“Những người khốn khổ”*) **V.Huy-gô**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Chỉ ra nét đặt trưng bút pháp Huy Gô qua hư cấu nhân vật và diễn biến truyện

- Ý nghĩa tư tưởng tiến bộ, khơi dậy mối đồng cảm với những con người cùng khổ. - Khẳng định lý tưởng tình thương của con người.

- Phát huy tính chủ động, đầu ốc phê phán qua viếc khẳng định tình thương con người như một giải pháp xã hội đưởc thế giới đề xuất.

**2. Kĩ năng**

Đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

Phân tích tâm lí, tính cách và xung đột nhân vật.

**3. Thái độ**

- Giáo dục lòng trân trọng và yêu thương con người nhất là những người nghèo khổ, bất hạnh.

**II. Phương tiện**

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

**III. Phương pháp**: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành, đọc diễn cảm... GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy.

**IV. Tiến trình dạy học**

**1.Ổn định lớp**

Sĩ số: ..............................................

**2. Kiểm tra bài cũ**: Kt sách vở của hs

- Hãy trình bày ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh cái bao? Phân tích những đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm *Người trong bao*?

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động khởi động**

*Hơn một thế kỉ qua, hàng triệu người trên thế giới làm quen với bộ tiểu thuyết lãng mạn tuyệt vời “Những người khốn khổ” của nhà văn Pháp Victo Huy-gô. Cuộc đời khốn khổ và tâm hồn cao cả, thánh thiện của nhân vật chính, người tù khổ sai Giăng Văn-Giăng khiến chúng ta vô cùng ngưỡng mộ và cảm động. Đoạn trích kể lại chiến công đầu tiên của Giăng Văn- Giăng trong cuộc quyết đấu với cường quyền và cái ác.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 101** | |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  Gv hướng dẫn Hs tìm hiểu khái quát.  - Học sinh đọc qua tiểu dẫn sgk. GV hướng dẫn khái quát vấn đề.  Trình bày vài nét về tác giả Victo Huy-gô?  nêu vài nét về sự nghiệp sáng tác của Huy-gô?  GV cho học sinh đọc – HS tóm tắt trích đoạn.  Nêu vị trí đoạn trích? | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Victo Huy-gô (1802-1885) nhà văn thiên tài của nước Pháp, danh nhân văn hóa nhân loại, người bạn lớn của những người khốn khổ luôn hoạt động động vì sự tiến bộ của con người.  **2. Sự nghiệp**  - Nhà thơ, nhà tiểu thuyết, nhà soạn kịch lãng mạn nổi tiếng của nước Pháp của thế kỷ XIX  - Những tác phẩm tiểu biểu: Nhà thờ đức bà Pari, Những người khốn khổ, Tia sáng và bống tối…  - Tác phẩm thể hiện lòng thương yêu bao la đối với những người dân lao động nghèo khổ.  - Được công nhận danh nhân văn hóa thế giới 1985.  **3. Tác phẩm**  a. Tóm tắt: (SGK)  ***- Nội dung từ đầu đến đoạn trích:*** *Giăng Van-giăng - thợ xén cây- bị két án tù khổ sai chỉ vì lấp trộm bành mì cho 7 đứa cháu đói khát và những lần vượt ngục không thành. Sau 19 năm tù đầy Giăng Van-giăng được tha nhưng bị mọi người xua đuổi. Được giám mục Mi-ri-en cảm hoá, ông quyết tâm làm lại cuộc đời. Nhờ nghị lực, thông minh và may mắn, Giăng Văn-giăng trở thành thị trưởng Ma-đơ-len và chủ nhà máy sản xuất thuỷ tinh giàu có. Ông ra sức làm việc thiện. Để cứu một ngời nghèo bị bắt và kết án oan, Giăng van giăng quyết định tự tố cáo mình với nhà chức trách và chờ cảnh sát đến bắt mình.*  b. Đoạn trích:  - Vị trí đoạn trích nằm ở cuối phần thứ nhất: Phăng-ti, thị trưởng Ma-đơ-len(Giăng Van-giăng) rơi vào tay Gia-ve. Phăng-tin tắt thở trước khi biết sự thật về ông thị trưởng và con gái mình |
| Gv hướng dẫn Hs đọc hiểu chi tiết:  - Cho HS thảo luận và xác định nhân vật nào là “Người cầm quyền khôi phục uy quyền”. lý giải?  - Những người khốn khổ là ai?, hoàn cảnh hiện tại như thế nào?  - Dựa vào tóm tắt truyện và đoạn trích, hãy cho biết hoàn cảnh và số phận của Giăng-Văn-Giăng  GV cho HS trình bày diễn biến cuộc gặp gỡ giữa Giăng-Van-Giăng và Gia-Ve, từ đó nhận xét tính cách và phẩm chất của Giăng-Văn-Giăng được thể hiện qua những phương diện nào?  Ở phương diện con người của tình thương, Giăng Van-giăng đã có những hành động và việc làm gì?  Em có nhận xét như thế nào thế nào về những việc làm và hành động đó?  Ở phương diện con người kiên cường dũng cảm chống lại cường quyền áp bức, Giăng Van-giăng có những thay đổi như thế nào? Vì sao?  **HẾT TIẾT 101, CHUYỂN SANG TIẾT 102**  Em có nhận xét gì về diện mạo, ngôn ngữ, hành động và diễn biếtn thái độ của Gia – Ve.  ❓Cách miêu tả Gia-ve?( cái cười, cặp mắt, giọng nói..)  ❓Thái độ và hành động của Gia-ve khi phát hiện ra Giăng Van-giăng?  ❓Tìm những chi tiết thể hiện cách cư xử của Gia ve với Phăng tin?  Cách cư xử của hắn với Phăng tin, cho ta nhận xét gì về con người này?  Điểm qua đôi nét về số phận của P.Tin?  \* Phăng Tin:  *Số phận:* Nghèo khổ bệnh tật phải bán tóc, bán răng để nuôi con.  - Trứơc khi chết khao khát được gặp con trở nên thiết tha mãnh liệt.  - Khi nghe tin không gặp đựơc con, chị ngã vật xuống và tắt thở 🡪 Tình thương con đã khiến chị không còn đủ sức.  Nhận xét cái chết của P.Tin? Ý nghĩa của chi tiết “Gương mặt rạng rỡ, nụ cười trên môi, chết tức là đi vào bầu ánh sáng vĩ đại”.  **❓**Hãy nêu những đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích, đặc biệt là nghệ thuật lãng mạn?  Gv hướng dẫn Hs tổng kết | **II/ Đọc hiểu văn bản**  **1. Nội dung**  **1.1. Những người khốn khổ**  - Họ là nạn nhân của cường quyền và áp bức (một người đang bị bắt, một người bị ốm sắp chết mong được gặp con)  - Họ là những người khốn khổ, cùng cưu mang giúp đỡ nhau trong tình thương yêu đồng loại.  **1.2. Nhân vật Giăng Van Giăng**  a. Hoàn cảnh - số phận:  - Vì nghèo đối nên lấy cắp bánh mì nuôi cháu, bị phạt tù khổ sai 19 năm.  - Ra tù trở thành người tốt, được làm thị trưởng luôn giúp đỡ mọi người.  - Gia-Ve ganh ghét tố giác bị vào tù .  - Ra tù tiếp tục giúp` đỡ mọi người, cuối cùng chết trong cảnh cô đơn.  => Giăng-Van-Giăng là con người của tình thương, của sự nghèo khổ và kém may mắn.  b. Tính cách - phẩm chất:  \**Con người của tình thương:*  - Quyết định ra đầu thú để cứu nạn nhân bị Gia-Ve bắt oan.  - Đối với Phăng-Tin:  + Đều quan tâm nhất lúc này là bệnh tình và tìm được đứa con gái cho Phăng-Tin  + Nói với Gia-Ve giọng nhún nhường nnhẹ nhàng xin hoản lai 3 ngày để tìm con cho Phăng Tin.  🡪 Con người đầy tình thương và trách nhiệm.  + Khi Phăng-tin chết 🡪 Giăng-Van-Giang như chết lặng đi, một nỗi đau xót khôn tả, sửa sang lại tóc, vuốt mắt cho chị, đặt lên tay chị một nụ hôn, thì thằm với chị những lời cứu cánh.  => Những hành động và việc làm cao cả đầy tình nghĩa lòng nhân ái sống hết mình cho tình thương đồng thời thể hiện giá trị thẩm mỹ giàu chất nhân văn trong một con người nghèo khổ.  \*Con người kiên cường dũng cảm chống lại cường quyền áp bức:  - Lúc đầu: điềm tĩnh đoán nhận sự thật, từ tốn, nhún nhường, nhỏ nhẹ, cầu xin Gia-Ve hoãn lại 3 ngày.  - Về sau: Người cầm quyền khôi phục uy quyền.  + Giọng điệu: lạnh lùng đầy thách thức.  + Hành động: Cầm thanh sắt như bất chấp, căm thù, dũng cảm.  **1.3. Nhân vật Gia-ve**  - Là một thanh tra, cảnh sát  ***-*** *Diện mạo:*  + Cập mắt như cái móc sắt  + Bộ mặt góm giếc  + Cái cười ghê tỏm nhe tất cả hai hàm răng  => Hiện lên một con người ác thú.  ***-*** *Ngôn ngữ:* Thô lỗ tục tằn, vô văn hoá.  *- Hành động:*  + Đối với Giăng-Van-Giăng: giậm chân phát khùng và hét lớn.  + Đối với P.Tin: độc ác vô cảm trước nỗi đau của đồng loại.  - Chánh thanh tra cảnh sát, người cầm quyền khôi phục uy quyền, con ác thú giữ nhà cho chính quyền tư sản. Miêu tả Gia-ve, Huy-gô sử dụng lối so sánh ngầm:  + Giọng nói: không phải tiếng người nói, mà là *tiếng thú gầm.*  + Cặp mắt “*như cái móc sắt, với cái nhìn ấy hắn đã quen kéo giật vào hắn bao kẻ khốn khổ”*  + Cái cười “*Phô ra tất cả hai hàm răng, xung quanh cái mũi là vết nhăn nhúm man rợ, trông như mõm ác thú, Gia-ve mà nghiêm nét mặt lại thì là một con chó dữ, khi cười lại là một con cọp”*  - Gia-ve chỉ còn mỗi cử chỉ gần giống nhân loại ở chỗ: “*khi nào đắc ý, hắn tự thưởng cho mình một mồi thuốc lá”*.  -Nhà văn Huy-gô miêu tả hành động của hắn hệt như một con ác thú:  “Cứ đứng lì một chỗ” (nói như gầm, như thôi miên con mồi)  “Tiến vào giữa phòng” “ nắm lấy cổ áo” (tựa như con ác thú lúc đầu im lặng rình mò. sau đó lao tới ngoạm vào cổ con mồi)  + Không để ý và quan tâm đến Phăng-tin (ác thú rình mồi chỉ tập trung vào con mồi chính)  + Hắn quát tháo trong nhà bệnh.  + Hắn không giấu điều mà Giăng Van-giăng cần phải bí mật với Phăng-tin “mày xin tao ba ngày...để đi tìm đứa con cho con đĩ kia! á à! Tốt thật! tốt thật đấy!”  + Hắn vùi dập tia hi vọng cuối cùng Phăng-tin vào ông thị trưởng bằng cách tuyên bố “Chỉ có một tên kẻ cắp, một tên kẻ cướp, một tên tù khổ sai là Giăng Van-giăng, tao bắt được nó đây này! chỉ có thế thôi”  + Trước nỗi đau của người mẹ cận kề cái chết mà chưa được gặp con “con tôi! thế ra nó chưa đến đây” ai cũng phải mủi lòng mà Gia-ve tàn bạo ...  Tuyên bố “*Giờ lại đến lượt con này! Đồ khỉ, có câm họng không?”...*  → ***bằng so sánh, phóng đại, tác giả đã ẩn dụ Gia-ve như một ác thú.***  **1.4.Yếu tố nghệ thuật lãng mạn**  - Cái chết bi thảm đầy thương tâm nhưng không gợi sự bi luỵ.  - Gương mặt sáng rỡ, nụ cười trên môi 🡪 Khẳng định sức mạnh của tình thương yêu con người có thể đẩy lùi cường quyền và áp bức, nhen nhóm niềm tin ở tương lai.  - Cái chết thật bi thảm nhưng chị đi vào cõi chết thật đẹp đẽ.  **2. Nghệ thuật**  - Khắc họa tính cách nhân vật và đối lập nhân vật(Gia-ve >< Giăng Van-giăng).  - Xung đột giàu kịch tính.  **3. Ý nghĩa văn bản**  Uy quyền mà người cầm quyền khôi phục chỉ là cái tạm thời, “trên đời chỉ có một điều ấy thôi, đó là thương yêu nhau” mới là vĩnh viễn.  **III. Tổng kết**  Ghi nhớ (sgk) |

**4. Củng cố**

- Hệ thống bài học : Thông điệp về tình yêu thương. Bút pháp lãng mạn.

**5. Dặn dò**

Học bài cũ. Cảm nhận về một chi tiết ấn tượng trong truyện.

Soạn bài mới: ***Luyện tập thao tác lập luận bình luận.***

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: ..............................................***

**Tiết 103:LUYỆN TẬP THAO TÁC LẬP LUẬN BÌNH LUẬN**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

Giúp cho hs:

- Củng cố những kiến thức về thao tác lập luận bình luận viết được một vài đoạn văn bình luận (hoặc một văn bản bình luận ngắn) về một chủ đề gần gũi với cuộc sống và suy nghĩ của học sinh.

**2. Kĩ năng**

Biết vận dụng thao tác lập luận bình luận vào viết văn và ứng xử trong cuộc sống.

**3. Thái độ**

- Ý thức nhận xét, đánh giá, bàn bạc trước bất cứ một hiện tượng trong cuộc sống nhằm góp phần thúc đẩy sự phát triển của bản thân và xã hội..

**II. Phương tiện**

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk,

**III. Phương pháp**: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành, GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy.

**IV. Tiến trình dạy học**

**1.Ổn định lớp**

**Sĩ số: .......................................**

**2. Kiểm tra bài cũ**: Kt sách vở của hs

- Hãy nêu các bước trong cách bình luận và cho biết nội dung của từng bước là gì?

- Có nhiều cách bình luận khác nhau nhưng chủ yếu cần đạt được những tiêu chí bình luận nào?

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động khởi động**

*Ngày nay, nhiều vấn đề nóng hổi của xã hội luôn xuất hiện. Việc bình luận về những vấn đề đó đòi hỏi phải nắm vững kĩ năng mới thuyết phục được người đọc, người nghe. Luyện tập thao tác lập luận bình luận là để củng cố thêm sự hiểu biết về kĩ năng bình luận.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Hoạt động 2: Hoạt động thực hành**  Gv cho HS nhắc lại kiến thức cũ về Thao tác lập luận bình luận:  *? Thế nào là thao tác lập luận bình luận?*  *? Nêu các bước bình luận?*    Gv hướng dẫn Hs giải bài tập 1 sgk.  - Học sinh thảo luận theo nhóm 🡪 Xác định cách viết.  + Vì sao bài văn tham gia diễn đàn là bài bình luận?  +Anh chị nên chọn toàn bộ hay chỉ 1 khía cạnh của đề tài ?   * Học sinh làm dàn ý theo nhóm.   GV đưa ra một dàn ý để học sinh tham khảo, luyện viết đoạn văn bình luận.  \* MB: nêu vấn đề cần bình luận  \* TB:  ***- Biểu hiện trong lời ăn, tiếng nói của học sinh văn minh, thanh lịch:***  + Nói năng, lịch sự, lễ phé, có đầu có đuôi.  + Biết nói lời cảm ơn khi nhận được sự giúp đỡ.  + Biết nói lời xin lỗi khi làm việc sai trái  + Không nói tục, chửi thề...  -> Đó là những biểu hiện thể hiện nếp sống có văn hóa, lịch sự trong giao tiếp; tạo niềm vui và hạnh phúc trong cuộc sống.  ***- Những thói hư, tật xấu trong lời ăn, tiếng nói của học sinh hiện nay:***  + Nói tục, chửi thề  + Nói không đầu, không đuôi, không lễ phép.  + Không biết nói lời xin lỗi, cảm ơn  +Nói nhưng không tôn trọng người nghe...  -> Phê phán, lên án những lời nói thiếu văn hóa, thiếu văn minh, lịch sự.  ***- Bàn về hướng rèn luyện thói nói từ “cảm ơn” và “xin lỗi” trong giao tiếp.***  + Ăn nói lịch sự, có văn hóa, biết tôn trọng người nghe, biết lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau -> văn minh, thanh lịch  \* KB: kết thúc vấn đề, liên hệ bản thân, ý thức trách nhiệm.  - Học sinh trình bày các bước lập luận, bình luận.  Học sinh thảo luận theo nhóm và trình bày, đại diện nhóm trình bày, giáo viên nhận xét.  Tương tự như trên Hs có thể chọn khía cạnh chống “nói tục”  Gv hướng dẫn Hs làm bài tập 2 theo quy trình:  Xác định cách viết  Lập dàn ý  Xây dựng tiến trình lập luận  Viết đoạn văn bình luận. | **I. Ôn tập lí thuyết**  - K/n thao tác lập luận bình luận:  Là thao tác lập luận của văn nghị luận đưa ra ý kiến, đánh giá của mình về một tình hình, một vấn đề nào đó.  - Các bước bình luận:  + Bước 1: Nêu vấn đề cần bình luận (nêu rõ được thái độ, đánh giá của người viết. Trình bày rõ ràng, trung thực)  + Bước 2: Đánh giá vấn đề cần bình luận  (theo 3 hướng: đứng hẳn về một phía mình tin đúng; hoặc kết hợp phần đúng và phần sai của mỗi phía để đi tới một sự đánh giá hợp lý; hoặc đưa ra đánh giá riêng).  + Bước 3: Bàn về vấn đề cần bình luận (theo 3 khía cạnh: bàn về thái độ, cách giải quyết; hoặc bàn về những điều rút ra khi liên hệ với bản thân, xã hội, thời đại...; hoặc bàn về ý nghĩa sâu xa của vấn đề).  **II. Luyện tập**  **Bài tập 1**:   1. **Đề tài**: Anh chị viết 1 bài văn bình luận để tham gia diễn đàn do Đoàn Thanh niên tổ chức với đề tài: *“Lời ăn tiếng nói* *của 1 học sinh văn minh, thanh lịch”.* 2. Xác định cách viết:   - Đề tài được bình luận đang là vấn đề đang được quan tâm hiện nay trong nhà trường.  - Nên chọn 1 khía cạnh của đề tài: Biết nói lời *“Cảm ơn”.*   1. Dàn ý:   - Trong giao tiếp giữa con người với nhau, 1 qui tắc đòi hỏi chúng ta phải thực hiện là nói lời *“làm ơn”* và sau đó *“cảm ơn”.*  - Đối với *“Lời ăn tiếng nói của một học sinh văn minh, thanh lịch”* nói lời *“Cảm ơn”* còn chúng tỏ sự hiểu biết và có nếp sống văn hoá trong giao tiếp hằng ngày.  - Cần tập làm quen với lời *“Cảm ơn”* và biết *“Cảm ơn”* vì cuộc sống luôn đòi hỏi chúng ta phải có thái độ văn minh, lịch sự trong ứng xử.  c. Xây dựng tiến trình lập luận:  - Nêu hiện tượng (vấn đề) cần bình luận.  - Đánh giá hiện tượng (vấn đề) cần bình luận.  - Bàn về hiện tượng (vấn đề) cần bình luận.  **2**. Viết đoạn văn bình luận.  a. Trình bày luận điểm 1:  - Đối với học sinh, lứa tuổi đang còn ngồi trên ghế nhà trường thì nói lời *“Cảm ơn”* là thể hiện sự văn minh, lịch thiệp của người học trò. Cuộc sống có biết bao nhiêu điểm cần lời *“Cảm ơn”*. Tập làm quen với *“Cảm ơn”* và sau đó là *“Cảm ơn”* là để hình thành nếp sống có văn hoá.  - Trong giao tiếp , khi nói lời *“Cảm ơn”* là tự đáy lòng đã dâng lên niềm vui sướng và hạnh phúc của tình cảm chân thực nhất. Cảm giác ấy sẽ càng được nhân lên gấp bội khi hang ngày chúng ta trao cho nhau những lời nói chân thành, lịch thiệp: *“Cảm ơn”*.  Bài tập 2:  Bàn về hiện tượng vệ sinh an toàn thực phẩm. |

**4. Củng cố***:* Hệ thống hóa bài học bằng cách nhắc lại những kiến thức cơ bản về thao tác lập luận bình luận.

**5. Dặn dò**: Soạn: ***Về luân lí xã hội ở nước ta.***

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 104-105:VỀ LUÂN LÍ XÃ HỘI Ở NƯỚC TA**

***(*Trích *Đạo đức và luân lí Đông Tây)***

***Phan Châu Trinh***

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức:** Giúp HS :

- Cảm nhận được tinh thần yêu nước, tư tưởng tiến bộ của Phan Châu Trinh khi kêu gọi xây dựng nền luân lí xã hội ở nước ta

- Hiểu được nghệ thuật viết văn chính luận

**2. Kĩ năng**

Đọc hiểu văn bản chính luận.

Rèn kĩ năng viết bài văn nghị luận.

**3. Thái độ**

- Ý thức sống và làm việc theo luân lí.

- Phải có tinh thần đoàn kết, đấu tranh.

**II. Phương tiện**

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở soạn.

**III. Phương pháp**: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thưc hành, đọc diễn cảm... GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy.

**IV. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

Sĩ số: …………………………..

**2. Kiểm tra bài cũ**: Kt sách vở của hs

- Phân tích quan điểm đạo đức-lí tưởng, sức mạnh tình thương cứu người, cứu đời của Huygo trong đoạn trích *Người cầm quyền khôi phục uy quyền* ?( ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân)

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động khởi động**

*Các em đã được học hai tác phẩm chính luận là “Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em” và tác phẩm “Bình Ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi nên đã biết văn chính luận viết nhằm mục đích gì? Có tác dụng ra sao đối với tư tưởng người đọc? Ở Việt Nam đầu thế kỷ XX, các nhà hoạt động chính trị như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc, ... đều ít nhiều dùng văn chính luận để tuyên truyền, phổ biến, thể hiện chủ trương, đường lối cách mạng của mình. Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu một đoạn trích tiêu biểu của một tác phẩm chính luận để cảm nhận tinh thần yêu nước, tư tưởng tiến bộ của Phan Châu Trinh và hiểu sâu hơn về nghệ thuật viết văn chính luận.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** |
| **TIẾT 104** | |
| **Hoạt động 2:** **Hoạt động hình thành kiến thức mới**  Hướng dẫn HS tìm hiểu phần tiều dẫn  **Thao tác 1:** Yêu cầu HS đọc phần giới thiệu về tác giả. Sau đó định hướng để HS chú ý những điểm chính về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác văn học của Phan Châu Trinh (HS có thể ghi nhớ kiến thức phần này bằng cách gạch chân các ý chính trong SGK)  - Nêu những nét chính về cuộc đời của PCT?  - Con đường quan lộ cũng như con đường làm CM của tác giả có gì đáng lưu ý?  - Về tư tưởng, theo em PCT có điểm nào tiến bộ? Điểm nào là hạn chế trong tình hình lúc bấy giờ?  - Liệt kê một số tác phẩm chính của PCT?  → Phần này GV cho HS gạch trong SGK để nắm kiến thức  - Quan niệm về văn chương của PCT?  → Những áng văn chính luận của ông đậm chất hùng biện, lập luận chặt chẽ, đanh thép; những bài thơ của ông dạt dào cảm xúc về đất nước, đồng bào... Tất cả đều thấm nhuần tư tưởng yêu nước và tinh thần dân chủ.  **Thao tác 2** :Hiểu biết của em về tác phẩm “Đạo đức và nguyên lý Đông Tây”  → GV giới thiệu thêm về tác phẩm: PCT diễn thuyết bài này vào đêm 19/11/1925 tại nhà Hội thanh niên ở Sài Gòn. Bài diễn thuyết đề cao tác dụng của đạo đức, luân lý, khẳng định nguyên nhân mất nước là do dân ta để mất đạo đức, luân lý truyền thống. Muốn nước ta thoát khỏi thảm cảnh hiện thời thì phải cải tổ nền luân lí cũ nát, gây dựng nền luân lí mới trên nền tảng đạo đức tốt đẹp của dân tộc. Ông khẳng định các nước phương Tây tiến bộ, giàu mạnh là do có nền đạo đức, luân lí của Khổng -Mạnh, cho nên “muốn nước ta có nền đạo đức luân lí vững vàng thì có gì hay bằng ta hết sức đem cái chủ nghĩa dân chủ Châu Âu về. Chủ nghĩa dân chủ chính là một vị thuốc rất thần hiệu để chữa bệnh chuyên chế của nước ta vậy. Đem văn minh Châu Âu về tức là đem đạo Khổng-Mạnh về”. Tư tưởng đó của bài diễn thuyết được thể hiện tập trung trong đoạn trích chúng ta sẽ tìm hiểu.  **Thao tác 3: Đoạn trích**  Gọi HS đọc văn bản tr.85  Yêu cầu HS đọc to, rõ ràng, từ tốn, cần nhấn giọng ở những đoạn nói về hiện thực của xã hội VN đương thời.  - Xác định vị trí và xuất xứ của đoạn trích?  - Trong văn bản, chú ý từ khó hiểu  - Văn bản chia làm mấy phần? Nêu đại ý của từng phần.  Ba phần đó liên hệ với nhau theo mạch nào: diễn giải, quy nạp, tổng hợp  → liên hệ với nhau theo mạch diễn giải: hiện trạng chung, biểu hiện cụ thể, giải phá  - Nêu đại ý của đoạn trích?  **GV hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản**  Thao tác 1: Nhận xét cách vào đề của tác giả ở phần I? Cách vào đề có tác dụng gì?  **HẾT TIẾT 104, CHUYỂN SANG TIẾT 105**  Thao tác 2: trong phần 2, ở 2 đoạn đầu tác giả so sánh “bên Âu Châu”, “bên Pháp” với “bên mình” về những bvấn đề gì? Tìm những chi tiết cụ thể?  - Từ xưa cha ông ta đã có ý thức đoàn kết chưa? Dẫn chứng?  - Câu chuyện bó đũa  - Một cây làm chẳng nên non ...  - “góp gió làm bão, giụm cây làm rừng”...  - Nguyên nhân nào làm cho người dân ta mất dần ý thức đoàn thể? Dẫn chứng?  - Tác giả vạch trần sự thối nát của bọn quan lại như thế nào?  - Nhận xét về cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh của tác giả khi viết về bọn quan lại?  Ngoài việc chỉ ra nguyên nhân, đoạn trích còn nhằm thể hiện thái độ gì của tác giả đối với bọn vua quan thống trị?  Qua phần 2, em có nhận xét gì về tấm lòng của tác giả đối với dân tộc, với đất nước?  Nhận xét về tầm nhìn của tác giả?  → Tư tưởng của tác giả mang tầm thời đại và còn nguyên giá trị cho đến hiện nay khi mà đất nước ta đang tiến dần vào việc hội nhập với nền kinh tế thế giới, khi mà vấn đề nóng bỏng của thế giới hiện nay là hội nhập toàn cầu...  **Thao tác 3:** Tác giả đã đưa ra những giải pháp nào để xây dựng đất nước?  **Thao tác 4:** Nghệ thuật nổi bật của văn bản chính luận này là gì? Tác dụng của những yếu tối biểu cảm?  Em hãy nêu ý nghĩa văn bản?  **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  Hướng dẫn HS phần luyện tập  Câu 2/88: Có thể cảm nhận được gì về tấm lòng của PCT cũng như tầm nhìn của ông qua đoạn trích này?  **Câu 3/88:**  Chủ trương gây dựng nền luân lí xã hội ở Việt Nam của PCT đến nay còn có ý nghĩa thời sự không?  Em cảm nhận được gì về tấm lòng của Phan Châu Trinh cũng như tầm nhìn của ông qua đoạn trích? | **I. Giới thiệu chung**  **1/ Tác giả**  **a) Cuộc đời:**  - Phan Châu trinh (1872-1926), tự Tử Cán, hiệu Tây Hồ, biệt hiệu hi Mã, quê ở làng Tây Lộc, huyện Tiên Phước, phủ Tam Kì (thôn Tây Hồ, xã tam lộc, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam)  - Ông làm quan trong một thời gian ngắn rồi từ quan đi làm cách mạng.  - Chủ trương cứu nước bằng cách lợi dụng thực dân Pháp để cải cách, đổi mới mọi mặt, làm cho dân giàu, nước mạnh, trên cơ sở đó tạo nền độc lập quốc gia.  → Tuy có phần ảo tưởng nhưng Phan Châu Trinh đã nhìn ra rằng muốn giải phóng đất nước phải đổi mới mọi mặt, đặc biệt là về tư tưởng. Nhiệt huyết cứu nước của ông rất đáng khâm phục.  - 1908 ông bị bắt đi Côn Đảo  - Được tự do, ông xin sang Pháp tìm cách thúc đẩy cải cách chính trị ở Đông Dương nhưng không thành.  - 1925 ông về Sài Gòn, diễn thuyết được vài lần, sau đó ốm nặng rồi mất.  → đám tang Phan Châu Trinh trở thành một phong trào vận động ái quốc rộng khắp cả nước.  **b) Sự nghiệp sáng tác văn học:**  - Tác phẩm chính:  + Đầu Pháp chính phủ thư (1906)  + Tây Hồ thi tập (1904-1914)  + Xăng-tê thi tập (1814-1915)  + Giai nhân kỳ ngộ diễn ca (1915)  + Đạo đức và luân lí Đông Tây (1925)  - Quan niệm văn chương: dùng văn chương làm cách mạng. Thơ văn ống thấm nhuần tư tưởng yêu nước và tinh thần dân chủ.  **2/ Tác phẩm *“Đạo đức và luân lí Đông tây”***  - Tác phẩm gồm 5 phần, được Phan Châu Trinh diễn thuyết vào đêm 19/11/1925 tại nhà Hội thanh niên ở Sài Gòn (nay là thành phố Hồ Chí Minh)  **3. Đoạn trích:**  **a/ Vị trí:** trích phần III của bài “Đạo đức luân lí Đông Tây”  **b/ Giải thích từ:**  - luân lí: là những quy tắc về quan hệ đạo đức giữa người và người trong xã hội  - đạo đức  - luân lí xã hội  - công đức  - đoàn thể của quốc dân  - xã hội chủ nghĩa  **c/ Bố cục:** văn bản chia làm 3 phần  - Phần 1: khẳng định nước ta chưa có khái niệm về luân lí xã hội  - Phần 2: chỉ ra nguyên nhân làm cho nước ta chưa có luân lí xã hội  - Phần 3: đưa ra biện pháp giải quyết: muốn có luân lí phải làm gì?  **d/ Chủ đề:**  Cần phải truyền bá chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam để gây dựng đoàn thể vì sự tiến bộ, hướng tới mục đích giành độc lập, tự do.  **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Nội dung**  **a. Phần 1*:*** Khẳng định nước ta chưa có khái niệm về luân lí xã hội.  - Dùng cách nói phủ định để khẳng định: “xã hội luân lí nước ta tuyệt nhiên không ai biết đến”  - Tránh tình trạng hiểu đơn giản, thậm chí xuyên tạc của một số ít người, tác giả gạt khỏi nội dung bài nói những chuyện vô bổ: “một tiếng bạn bè không thể thay cho luân lí xã hội được, cho nên không cần cắt nghĩa làm gì”  → Vào đề thẳng thắn gây ấn tượng mạnh mẽ cho người nghe. Cách vào đề cho thấy tư duy sắc sảo, nhạy bén của nhà cách mạng PCT.  **b. Phần 2:**  + So sánh “bên Âu Châu”, “bên Pháp” với “bên mình” về ý thức nghĩa vụ giữa người với người”   |  |  | | --- | --- | | **Bên Âu Châu, bên Pháp** | **Bên mình** | | - Đề cao dân chủ, coi trọng sự bình đẳng của con người, không chỉ quan tâm đến từng gia đình, quốc gia mà còn đế cả thế giới.  - Dẫn chứng: “mỗi khi có người quyền thế... mới nghe”  - Nguyên nhân: có đoàn thể, có công đức, biết giữ lợi chung. | - Không biết nghĩa vụ mỗi người trong nước đối với nhau, không quan tâm đến người khác.  - Dẫn chứng: “Người nước ta không hiểu... gì cả”, “người mình thì phải ai tai nấy... không can thiệp gì đến mình”  - Nguyên nhân: thiếu ý thức đoàn thể |   + Nguyên nhân của việc dân không biết đoàn thể, không trọng công ích:  - Hồi cổ sơ ông cha ta đã có ý thức đoàn thể, cũng biết đến công đức.  - Lũ vua quan phản động, thối nát, “ham quyền tước, ham bả vinh hoa”, “muốn giữ túi tham của mình được đầy mãi” nên đã tìm cách “phá tan tành đoàn thể của quốc dân”.  - Tác giả hướng mũi nhọn đả kích vào bản chất phản động, thối nát của bọc vua quan:  + Không quan tâm đến cuộc sống của dân.  + Muốn dân tối tăm, khốn khổ để chúng dễ dàng thống trị, vơ vét  + “rút tỉa của dân” để trở nên giàu sang, phú quí.  + Dân không có đoàn thể nên chúng mặc sức lộng hành mà không có ai lên tiếng, tố cáo, đánh đổ.  + Quan lại chỉ toàn là bọn người xấu chạy chức, chạy quyền.  - Tác giả dùng những từ ngữ, hình ảnh gợi tả, lối so sánh ví von sắc bén thể hiện thái độ căm ghét cao độ đối với chế độ vua quan chuyên chế.  + “bọn học trò”, “bọn thượng lưu”, “kẻ mang đai đội mũ”, “kẻ áo rộng khăn đen”, “bọn quan lại”  “ngất ngưởng ngồi tin”, “lúc nhúc lạy dưới”..  → Thể hiện tấm lòng của một người có tình yêu đất nước thiết tha, xót xa trước tình cảnh khốn khổ của người dân, luôn quan tâm đến vận mệnh của dân tộc, căm ghét bọn quan lại xấu xa thối nát. Dưới mắt tác giả, chế độ vua quan chuyên chế thật vô cùng tồi tệ, cần phải xoá bỏ triệt để.  **c. Phần 3*:*** Tác giả đưa ra giải pháp: cần gây dựng tinh thần đoàn thể vì sự tiến bộ, truyền bá chủ nghĩa xã hội là con đường đúng đắn, tất yếu để đất nước Việt Nam có được tự do, độc lập  **2.** **Nghệ thuật:** yếu tố nghị luận kết hợp với yếu tố miêu tả  - Yếu tố nghị luận: cách lập luận chặt chẽ, logic; nêu chứng cứ cụ thể, xác thực; giọng văn mạnh mẽ, hùng hồn; dùng từ, đặt câu chính xác biệu hiện lý trí tỉnh táo, tư duy sắc sảo, đạt hiệu quả cao về nhận thức tư tưởng.  - Yếu tố biếu cảm: sử dụng câu cảm thán, câu mở rộng thành phần để nhấn mạnh ý, những cụm từ chan chứa tình cảm đồng bào, tình dân tộc sâu nặng, thắm thiết, lời văn nhẹ nhàng, từ tốn.  → Tác giả phát biểu chính kiến của mình không chỉ bằng lí trí tỉnh táo mà còn bằng trái tim dạt dào cảm xúc, thấm thía nỗi đau xót trước thực trạng của đất nước.  **3. Ý nghĩa văn bản:**  Tinh thần yêu nước, tư tưởng tiến bộ và ý chí quật cường của Phan Châu Trinh: dũng cảm vạch trần thực trạng đen tối của xã hội đương thời, đề cao tư tưởng đoàn thể vì sự tiến bộ, hướng về một ngày mai tươi sáng của đất nước.  **III. Tổng kết:** ghi nhớ / sgk  **IV. Luyện tập**  **Câu 2.**  Thấm sâu trong từng từ ngữ của đoạn trích là tấm lòng của một người có tình yêu nước thiết tha, quan tâm đến vận mệnh của dân tộc, xót xa thương cảm trước tình cảnh khốn khổ của nhân dân, hết sức căm ghét bọn quan lại xấu xa, thối nát. Đoạn trích cũng cho thẩy tầm nhìn xa rộng, sắc sảo của PCT. Ông thấy được mối quan hệ mật thiết giữa truyền bá xã hội chủ nghĩa, gây dựng tinh thần đoàn thể với sự nghiệp giành tự do, độc lập.  PCT nhận thấy dân trí nước ta quá thấp, ý thức đoàn thể của người dân rất kém nên ông kêu gọi gây dựng đoàn thể tức tạo ý thức trách nhiệm với xã hội, quốc gia dân tộc Nhưng muốn có đoàn thể thì phải có tư tưởng mới, tư tưởng xã hội chủ nghĩa, vì thế phải “truyền bá xã hội chủ nghĩa trong Việt Nam này”.  Chủ trương gây dựng nền luân lí xã hội ở Việt Nam của PCT đến nay vẫn còn có ý nghĩa thời sự. Nó nhắc nhở về tầm quan trọng của việc gây dựng tinh thần đoàn thể vì sự tiến bộ, nhằm tạo nên ý thức trách nhiệm với cộng đồng, với tương lai đất nước của mọi con người sống trong xã hội. Nó cũng cảnh báo nguy cơ tiêu vong của quan hệ xã hội tốt đẹp nếu vẫn còn những kẻ ích kỉ, “ham quyền tước, ham bả vinh hoa” tìm cách vơ vét cho đầy túi âm thầm không muốn bị ai lên án.  - Đau đáu vì dân, vì nước, xót thương, căm giận và thức tỉnh  - Tầm nhìn xa trông rộng, tiến bộ: kết hợp truyền bá tư tưởng XH gây dựng tinh thần đoàn thể với sự nghiệp đáu tranh giành tự do, độc lập cho đất nước, dân tộc. |

**4.Củng cố**

- Đoạn trích toát lên dũng khí của một người yêu nước: vạch trần thực trạng đen tối của xã hội, đề cao tư tưởng đoàn thể vì sự tiến bộ, hướng về một ngày mai tươi sáng của đất nước.

- Phong cách chính luận độc đáo: lúc từ tốn, lúc mềm mỏng, lúc kiên quyết đanh thép; lúc mạnh mẽ, lúc nhẹ nhàng mà đầy sức thuyết phục.

**5. Dặn dò**

- Học bài cũ.

- Soạn bài : Đọc thêm: ***Tiếng mẹ đẻ - nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức*** *(*Nguyễn An Ninh*)*.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 106. Đọc thêm.**

**TIẾNG MẸ ĐẺ -NGUỒN GIẢI PHÓNG CÁC DÂN TỘC BỊ ÁP BỨC**

***Nguyễn An Ninh***

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**: Giúp học sinh cảm nhận được quan điểm của Nguyễn An Ninh về tiếng nói dân tộc là đúng đắn trên nhiều phương diện

**2. Kĩ năng**: Trau dồi kĩ năng đọc- hiểu, phân tích một văn bản nghị luận.

**3. Thái độ**: Có ý thức trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**II. Phương tiện**

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

**III. Phương pháp**: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành, đọc diễn cảm... GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy.

**IV. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

Sĩ số: …………………………

**2. Kiểm tra bài cũ**: Kt sách vở của hs

Câu hỏi 1: Em hãy nêu khái quát tư tưởng của tác giả Phan Châu Trinh trong đoạn trích Về luân lí xã hội ở nước ta?

Câu hỏi 2: Hãy cho biết vì sao đoạn trích Về luân lý xã hội ở nước ta lại có ý nghĩa thời sự trong thời đại ngày nay?

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động khởi động**

*Tiếng Việt luôn luôn là niềm tự hào của người Việt. Trải qua bao bể dâu, tiếng Việt ngày càng phong phú và giầu có. Đề cao vai trò của tiếng Việt, nhà văn, nhà báo, nhà yêu nước tiến bộ Nguyễn An Ninh đẫ viết một áng văn chính luận đặc sắc: “Tiếng mẹ đẻ, nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức”. Đây là một tư tưởng mới mẻ và tiến bộ của tác giả trong hoàn cảnh hiện thời.*

*Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu rõ hơn tác giả Nguyễn An Ninh và áng văn chính luận đặc sắc đó.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  ?: Dựa vào phần Tiểu dẫn, SGK, tóm tắt những nét chính trong cuộc đời, sự nghiệp của Nguyễn An Ninh?  ?: Tác phẩm được Nguyễn An Ninh sáng tác trong hoàn cảnh nào?  - GV gọi học sinh đọc. Y/c giọng đọc rõ ràng, mạch lạc, khi mỉa mai, châm biếm, khi đau đớn, xót xa…  ?: Bài báo có thể được chia làm mấy phần? Nội dung chính của từng phần?  **Câu 1:** Nguyễn An Ninh đã phê phán những hành vi nào của thói học đòi Tây hóa?  **Câu 2:** Theo tác giả, tiếng nói có tầm quan trọng như thế nào đối với vận mệnh của dân tộc?  **Câu 3:** căn cứ vào đâu tác giả nhận định tiếng nước mình không nghèo nàn?  **Câu 4:** Tác giả quan niệm như thế nào về mối quan hệ giữa ngôn ngữ nước ngoài và ngôn ngữ nước mình?  **Câu 5:** Trong hoàn cảnh nước nhà đang bị thực dân thống trị thì câu nói sau đây của tác giả có hoàn toàn đúng không? “Nếu người An Nam hãnh diện…vấn đề thời gian?” | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Nguyễn An Ninh (1899-1943)  - Là nhà văn, nhà báo, nhà yêu nước tiến bộ nổi tiếng đầu thế kỉ XX.  - Ông sinh ra trong gia đình giàu truyền thống yêu nước thương nòi, lớn lên trên đất Gia Định là trung tâm văn hóa của nước ta thời kì Pháp thuộc.  - Ông có học vấn rộng, tìm hiểu văn hóa của nhiều nước Châu Âu.  - Cuộc đời ông gắn liền với hoạt động diện thuyết, viết báo chống Đế quốc - Phong kiến, là phần tử nguye hiểm trong mắt thục dân Pháp và bị truy nã.  - 1939, ông bị bắt, kết án, giam ở Côn Đảo.  -1943, ông mất do sự hành hạ của Thực dân Pháp.  **2. Tác phẩm**  \* Hoàn cảnh sáng tác  - Viết năm 1925, đăng trên báo “Tiếng chuông rè”, bút danh Nguyễn Tịnh.  - Trong những năm đầu thế kỉ XX, phần lớn tầng lớp trí thức Việt Nam xuất thân từ nhà trường Tây học. Họ ít nhiều chịu tư tưởng nô dich, sùng bái phương Tây. Một sô kẻ thiếu tình cảm với dân tộc đã mang một tư tưởng rất đáng phê phán: coi trọng tây phương và coi thường dân tộc mình. Trong hoàn cảnh ấy, nhà báo Nguyễn An Ninh đã viết bài báo này để đánh thức những kẻ có hiểu biết nông cạn về văn hóa, chỉ ra cho họ thấy sai lầm của mình. Từ đó giúp họ ý thức rõ hơn về trách nhiệm với dân tộc, cụ thể là trách nhiệm với việc bảo vệ, giữ gìn, phát triển ngôn ngữ dân tộc. Bở tiếng mẹ đẻ là linh hồn, tinh hoa của dân tộc mình.  \* Đọc  \* Bố cục: 3 phần  - Phần 1: phê phán những người do thiếu hiểu biết, thích khoe khoang nên đã vô tình từ bỏ “văn hóa cha ông và tiếng mẹ đẻ”.  - Phần 2: thuyết minh cho tư tưởng nòng cốt của bài viết: “tiếng mẹ đẻ, nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức”.  - Phần 3: quan niệm của tác giả về mối quan hệ giữa tiếng mẹ đẻ và tiếng nước ngoài.  **II. Hướng dẫn đọc thêm**  **Câu 1:** Những hành vi học đòi Tây hóa đáng phê phán:  - Thích nói tiếng Pháp (dù là bập bẹ mấy tiếng) hơn là nói tiếng Việt cho mạch lạc.  - Cóp nhặt những cái tầm thường của phong hóa Châu Âu để lòe đồng bào rằng: mình được đào tạo theo kiểu Tây phương.  - Mù văn hóa Châu Âu.  - Kiến trúc và trang trí nhà cửa lai căng, lại ngỡ là học theo văn minh Pháp.  - Từ bỏ tiếng mẹ đẻ, cho là tiếng Việt nghèo nàn.  => Thái đọ của tác giả: châm biếm, phê phán gay gắt, lo lắng, xót xa (qua câu cuối phần 1)  **Câu 2:** Tiếng nói có tầm quan trọng đặc biệt đối với vận mệnh dân tộc:  + Tiếng nói là người bảo vệ quý báu nhất nền độc lập của các dân tộc.  + Tiếng nói là yếu tố quan trọng nhất giúp giải phóng các dân tộc bị thống trị.  - Liên hệ: “Buổi học cuối cùng” của An-phông-xơ Đô-đê (Ngữ văn 6, tập 2) “Tiếng Pháp- là ngôn ngữ hay nhất thế giới, trong sáng nhât, vững vàng nhất: phải giứ lấy nó trong chúng ta và đừng bao gời quên lãng nó, bởi vì khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chừng nào họ vẫn giữu được tiếng nói của mình thì chẳng khác gì nắm được chìa khóa chốn lao tù….”  Không biết khi viết bài báo này, Nguyễn An Ninh có chịu ảnh hưởng ít nhiều tư tưởng của An-phông-xơ Đô-đê không? hay hai tư tưởng lớn đã gặp nhau?  **Câu 3:** Căn cứ:  + Ngôn từ thông dụng (sinh hoạt, khẩu ngữ…) của tiếng Việt rất phong phú.  + Ngôn ngữ giàu có của Nguyễn Du.  + Người Việt có thể dịch những tác phẩm lớn của Trung Quốc sang tiếng Việt.  - Tác giả không lí luận nhiều, chỉ đưa ra liên tiếp 3 câu hỏi tu từ:  + “Ngôn ngữ của Nguyễn Du giàu hay nghèo?”  + “Vì sao người An Nam… tác phẩm tương tự?”  + “Phải quy lỗi… bất tài của con người?”  => Dễ dàng nhân thấy quan niệm của Nguyễn An Ninh về việc sủ dụng ngôn ngữ. Ngôn ngữ giàu hay nghèo là do khả năng và trình độ của người sử dụng. Ngôn ngữ nghèo với những người thiếu hiểu biết về ngôn ngữ và không hiểu rõ về điều mình muốn trính bày. Đây là tư tưởng lớn và có ý nghĩa quan trọng không chỉ đối với vấn đề chính trị mà ông đang trình bày mà còn khiến người đọc phải trăn trở, suy nghĩ.  Cách lập luận của tác giả không chỉ thuyết phục mà còn khiến người đọc phải trăn trở, suy nghĩ.  **Câu 4:** Mối quan hệ:  Tiếng nước ngoài là cần thiết với mỗi người. tuy nhiên, sự cần thiết biết một ngôn ngữ Châu Âu hoàn toàn không kéo theo chuyện từ bỏ tiếng mẹ đẻ.  - Tiếng nước ngoài mà mình học được phải làm giàu cho ngôn ngữ nước mình.  => Quan điểm đúng đắn: Tiếng Việt cần phải được bảo vệ và giữ gìn.  Về điều này chúng ta nên tự hào và học tập cha ông chúng ta, những người đã làm cho ngôn ngữ của chúng ta giàu có như ngày nay. Trải qua hàng ngàn năm Bắc thuộc, suốt thời phong kiến cha ông ta sử dụng tiếng Hán trong nhà trường, trong công việc hành chính… Vậy mà tiếng Việt không bị Hán hóa, ngược lại, quá trình Việt hóa tiếng Hán lại đạt được những thành tựu đáng tự hào mà ngày nay cúng ta đang được hưởng thụ.  **Câu 5:** Quan điểm này hoàn toàn đúng đắn và thuyết phục  Một dân tộc tự do không chỉ tự do về mặt chủ quyền, địa lí, về quyền sống mà một dân tộc thực sự tự do, độc lập là một dân tộc có nền văn minh riêng với bản sắc văn hóa riêng của mình. Bởi nô dịch về văn hóa sẽ dẫn đến nô dịch bởi mọi phương diện. Văn hóa, mà trong đó ngôn ngữ là yếu tố quan trọng đã bị lai căng, mất đi bản sắc hoặc bị hủy diệt thì dân tộc đó đã đánh mất mình và trở thành kẻ phụ thuộc, kẻ sống nhờ ở đợ. Chính vì vậy mà những kẻ xâm lược rất quan tâm tới chính sách nô dịch văn hóa.  Quan niệm của Nguyễn An Ninh: nếu chúng ta hãn diện và làm giàu vốn văn hóa, làm cho văn hóa phát triển vững mạnh thì viêc đôc lâp là chờ thời gian. |

**4. Củng cố**

**-** Nguyễn An Ninh đề cao vai trò của tiếng Việt, xem đó như một thứ vũ khí hữu hiệu và quan trọng góp phần giải phóng các dân tộc bị áp bức. Đây là tư tưởng mới mẻ và tiến bộ của ông.

**5. Dặn dò**

**-** Học bài cũ.

- Soạn bài **: *Ba cống hiến vĩ đại của Các Mác* (**Ăng – ghen**).**

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 107: Đọc thêm:**

**BA CỐNG HIẾN VĨ ĐẠI CỦA CÁC-MÁC**

*Ph. Ăng-ghen*

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức:**  Giúp học sinh hiểu được nghệ thuật lập luận của Ăng-ghen qua biện pháp so sánh tầng bậc cùng những đóng góp vĩ đại của Mác cho nhân loại.

**2. Kĩ năng:** Phân tích được tình cảm tiếc thương vô hạn của Ăng-ghen đối với Mác qua bài điếu văn.

**3. Thái độ:** Biết ơn và trân trọng những thành quả cách mạng mà các bậc tiền bối đã tạo ra.

**II. Phương tiện**

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

**III. Phương pháp**: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành, đọc diễn cảm... GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy.

**IV. Tiến trình dạy học**

**1.Ổn định lớp**

**Sĩ số: …………………….**

**2. Kiểm tra bài cũ**: Kt sách vở của hs

- Em hãy nêu giá trị và vai trò của tiếng nói trong sự nghiệp giải phóng dân tộc? Bài viết *Tiếng mẹ đẻ - nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức* có ý nghĩa thời sự như thế nào**?**

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động khởi động.**

*Trong lịch sử CM thế giới đã xuất hiện hai nhà tư tưởng vị đại đó là C.Mác và Ăng-ghen. Cống hiến của các bậc vĩ nhân ấy đối với lịch sử nhân loại là vô cùng to lớn và quan trọng. Trong tiết học này, chúng ta sẽ biết được ba cống hiến vĩ đại của C.Mác do Ăng-ghen viết để đọc trước mộ C.Mác. Bài điếu văn thể hiện sự tiết thương vô hạn trước tổn thất không thể bù đắp được của CM thế giới.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  GV hướng dẫn hs đọc hiểu tiểu dẫn.  **-** Nêu những thông tin chính về tác giả Ăng – ghen?  **-** Nêu những thông tin chính về Các Mác?  *Quan niệm về hạnh phúc của Mác :*  *- Hạnh phúc là đấu tranh*  *- Người nào đem lại hạnh phúc cho nhiều người nhất thì người đó là kẻ hạnh phúc nhất.*  *- Người đi đường không biết mệt mỏi*.  - Giới thiệu vài nét về văn bản?  GV hướng dẫn hs đọc hiểu văn bản.  ***( Ren kĩ năng phân tích, làm việc nhóm)***  GV hướng dẫn HS đọc văn bản, tìm hiểu bố cục, thể loại   * Hs đọc. * Cảm nhận chung về bố cục và thể loại của văn bản?   - Nhận xét phần mở đầu?  - Tâm trạng của tác giả trước lời đánh giá đó ?  Trao đổi thảo luận nhóm. Đại diện nhóm trình bày. GV chuẩn xác kiến thức  **Nhóm 1**  - Cống hiến vĩ đại thứ nhất của Các – Mác là gì? Tác giả đã sử dụng nghệ thuật gì để làm nổi bật cống hiến đó? Nhận xét tác dụng của cống hiến đó với xã hội   |  |  | | --- | --- | | *Trong KHTN (sinh học) Cống hiến vĩ đại của Đác uyn: Tìm ra quy luật tiến hoá và phát triển của thế giới hữu cơ (muôn loài)* | *Trong KHXH (Sử và triết) Cống hiến vĩ đại của Các Mác: Tìm ra quy luật phát triển của loài người.* |   **Nhóm 2**  - Cống hiến thứ hai của Mác là gì? Tác dụng của cống hiến hai?  **Nhóm 3.**  - Cống hiến vĩ đại thứ ba của Mác là gì ? Nhận xét con người Mác qua cống hiến này ?  **Nhóm 4**.  Vì sao Mác có nhiều kẻ đối địch nhưng chưa chắc có kẻ thù riêng ? Những ai khóc thương ông nhiều nhất ? Vì sao ?  - Khái quát về mô hình lập luận của văn bản?  - Nêu nét đặc sắc về nghệ thuật lập luận?  - Ăng-ghen đã sử dụng biện pháp so sánh tăng tiến để làm nổi bật tầm vóc vĩ đại của C.Mác. Biện pháp ấy được thể hiện như thế nào trong bài điếu văn? | **I. Tiểu dẫn**  **1. Ăng ghen (1820-1895)**  - Nhà hoạt động cách mạng nổi tiếng của phong trào thế giới và Quốc tế cộng sản.  - Người viết tiếp và hoàn chỉnh tác phẩm nổi tiếng nhất của Mác : Bộ *Tư bản*, và cùng Mác soạn *Tuyên ngôn Đảng cộng sản.*  **2. Các Mác (1818-1885)**  - Nhà triết học và lí luận chính trị vĩ đại người Đức  - Có đóng góp rất lớn cho cuộc đấu tranh chống ách thống trị tư sản.  - *Là người thầy, lãnh tụ vĩ đại nhất của giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới* (Lê Duẩn)  -> Tình bạn của Các Mác và Ăng - ghen là tình bạn vĩ đại và cảm động nhất của hai nhà thiên tài, hai nhà cách mạng.  **3. Văn bản : *Ba cống hiến vĩ đại của Các Mác.***  - Nhan đề: Do nhà biên soạn sách đặt  - Là bài điếu văn - chính luận do Ăng ghen đọc trước mộ Các Mác tại nghĩa trang Hai – ghết (*Luân Đôn - Anh )*  -> Đánh giá cống hiến vĩ đại của Mác, biểu lộ lòng tiếc thương của những người cộng sản trước tổn thất to lớn này.  **II. Đọc - hiểu văn bản**.  **1. Đọc – hiểu khái quát**  - Đọc.  Yêu cầu: Giọng trầm hùng, nhưng trang nghiêm dứt khoát và tự hào.  - Giải thích từ khó - SGK  - Thể loại và bố cục  + Thể loại: Văn tế  + Bố cục: 3 phần  Phần 1: Sự trống vắng và mất mát của giai cấp vô sản và nhân dân thế giới khi Mác qua đời.  Phần 2: Đánh giá ba cống hiến vĩ đại của Các Mác.  Phần 3: Giải thích vì sao Mác bị nhiều người thù ghét và vu khống nhưng lại không có kẻ thù cá nhân. Đánh giá sự bất tử của Mác.  **2. Đọc – hiểu chi tiết**  **a. Phần mở đầu**  - Ngắn gọn, giản dị, cùng lúc có những tác dụng:  + Thông báo cụ thể, rõ ràng thời điểm ra đi mãi mãi của Mác  + Sự ra đi của Mác rất đời thường, giản dị như một sự việc trong cuộc sống hàng ngày.  + Mối quan hệ giữa cái bình thường và vĩ đại, bình thường bỗng hoá thiêng liêng  - Đánh giá khái quát về Mác: Nhà tư tưởng vĩ đại nhất trong số những nhà tư tưởng hiện đại.  -> Bộc lộ niềm thương tiếc sâu sắc vì sự tổn thất, trống vắng mang tầm thế giới, nhân loại trước sự ra đi của Mác.  **b. Ba cống hiến vĩ đại của Mác**  **\* Cống hiến vĩ đại thứ nhất.**  - **Tìm ra qui luật phát triển của lịch sử xã hội loài người.** ( *mang tầm vĩ mô)*  - Nội dung cụ thể của quy luật :  *+ Đó là lịch sử hình thành và phát triển của kinh tế xã hội*  *+ Đó là mối quan hệ giữa cơ sở hạ tầng và thượmg tầng kiến trúc…*  *+ Mỗi giai đoạn phát triển kinh tế nhất định của một dân tộc hay một thời đại tạo ra cơ sở để phát triển thượng tầng kiến trúc tương ứng.*  -> Phát hiện mới mẻ, quan trọng đến mức vĩ đại. Nó làm đảo lộn và phá sản tất cả các cách giải thích về lịch sử xã hội trước đó và đương thời. Nó trở thành hạt nhân của chủ nghĩa duy vật lịch sử  -> Cách trình bày và đánh giá giản dị, dễ hiểu thông qua cách bình luận và so sánh tương đồng.  **\* Cống hiến vĩ đại thứ hai**  **Tìm ra giá trị thặng dư (m) và qui luật của giá trị thặng dư.**  - Tác dụng của cống hiến: mang tầm vi mô, rất mới mẻ và tinh vi. Đó là qui luật vận động riêng của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đương thời và của xã hội tư sản do phương thức ấy đẻ ra.  -> Vĩ đại hơn cống hiến 1, với cống hiến này, lập tức một ánh sáng xuất hiện  -> Chỉ cần một trong hai cống hiến Mác đã đủ trở thành nhà tư tưởng vĩ đại.  \* **Cống hiến thứ ba.**  **Mác đã kết hợp giữa lí luận với thực tiến, biến các lí thuyết cách mạng khoa học thành hành động.**  -> Mác không chỉ là một nhà bác học, nhà tư tưởng vĩ đại mà còn là nhà cách mạng. Ông vừa là người thầy, người đồng chí, người bạn kính trọng tin tưởng và thân yêu của giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới.  **c/ Đoạn kết.**  - Đánh giá tổng hợp về con người của Mác trong các mối quan hệ…  - Mác có nhiều kẻ thù vì chúng bị vạch trần chân tướng, chúng căm ghét, run sợ vì đó là sự thật mà chúng không thể chối cãi hay bác bỏ.  - Mác không có kẻ thù riêng vì mục tiêu phê phán, đấu tranh của Mác là xã hội tư sản và học thuyết phản động, duy tâm phản khoa học của chúng, chứ không phải một cá nhân cụ thể nào.  -> Hàng triệu người : Giai cấp công nhân, nhân dân lao động toàn thế giới thương tiếc ông, chính là bằng chứng hùng hồn nhất chứng tỏ sức mạnh và sự bất tử của học thuyết Mác.  **III. Tổng kết**  - Mô hình chung lập luận toàn bài: Thông báo về cái chết - đánh giá sự nghiệp người quá cố – bày tỏ sự thương tiếc.  - Lập luận vừa trùng điệp vừa tăng tiến, và so sánh -> khẳng định Mác là nhà tư tưởng vĩ đại nhất trong số những nhà tư tưởng vĩ đại hiện đại.  Biện pháp so sánh tăng tiến được Ăng-ghen sử dụng ở phần hai để làm nổi bật cống hiến của C.Mác và tầm sao của một tư tưởng vĩ đại đối với thời đại  ***So sánh:***  Giống như: - Đác-uyn đã tìm ra quy luật phát triển của thế giới hữu cơ.  - Mác đã tìm ra quy luật phát triển của lịch sử loài người.  - Nét đặc biệt của bài văn tế: đề cao+ca ngợi +thương tiếc, không bi ai, khuôn sáo. |

**4.Củng cố**

- Ba cống hiến vĩ đại của Các Mác?

- Đặc sắc nghệ thuật lập luận của tác phẩm?

**5. Dặn dò**

**-** Học bài cũ.

- Soạn bài ***“Phong cách ngôn ngữ chính luận” .***

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 108. PHONG CÁCH NGÔN NGỮ CHÍNH LUẬN**

**I. Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức:** Hiểu được khái niệm, các loại văn bản và đặc điểm của phong cách ngôn ngữ chính luận.

**2. Kĩ năng:**  Rèn kỹ năng phân tích và viết bài văn nghị luận.

**3. Thái độ**: Giáo dục hs nâng cao ý thức học tập và rèn luyện văn học

**II. Phương tiện**

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

**III. Phương pháp**: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành, GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy.

**IV. Tiến trình dạy học**

**1.Ổn định lớp**

Sĩ số: …………………………………

**2. Kiểm tra bài cũ**: Nghệ thuật lập luận của Ăng-ghen trong bài ***Ba cống hiến vĩ đại của Các Mác*** ?

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động khởi động**

*Trong chương trình Ngữ văn THPT, ngoài việc các em tiếp cận các văn bản nghệ thuật, văn bản nhật dụng, văn bản sử kí, văn bản nghị luận,.. Bên cạnh là loại văn bản chính luận. Việc nắm vững kiến thức về ngôn ngữ chính luận, phong cách ngôn ngữ chính luận sẽ giúp nhiều cho các em trong quá trình đọc hiểu, tạo lập văn bản loại này. Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu phong cách ngôn ngữ này.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Tìm hiểu về** **văn bản chính luận và ngôn ngữ chính luận**  - Đọc 3 ví dụ SGK và xác định thể loại, mục đích, thái độ và quan điểm của người viết ?  VB1  **GV:** Gọi HS đọc VB1 và cho biết thể loại, mục đich, thái độ, quan điểm của VB1?  HS: Đọc và trả lời  GV: Nhận xét  **VB1:**  - Những tuyên ngôn, tuyên bố của một đảng phái chính trị hoặc của một vị nguyên thủ quốc gia nhằm trình bày quan điểm chính trị của một đảng phái hay quốc gia nhân dịp một sự kiện trọng đại đều thuộc văn bản chính luận.  - Phần mở đầu của Tuyên ngôn độc lập cũng là luận cứ của văn bản. Câu văn dịch ra tiếng nước ngoài nhưng rất mạch lạc, kết cấu cụm từ: trong những quyền ấy; suy rộng ra; có nghĩa là,... Câu kết chuyển ý mạnh mẽ dứt khoát khẳng định: Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.  **GV**: Phân nhóm  **Nhóm 1-2 VB2**  **HS:** Làm theo hướng dẫn GV  **GV:** Em hãy cho biết thể loại, mục đich, thái độ, quan điểm của VB2?  **HS:** Tiến hành thảo luận và trình bày  **GV:** Nhận xét  Tác phẩm tổng kết một giai đoạn thắng lợi đã làm nên những sự kiện lịch sử lớn; sách lược của những người Cộng sản Việt Nam; những ưu điểm và nhược điểm của Cách mạng tháng Tám; tính chất, ý nghĩa lịch sử của cách mạng và triển vọng, tình hình cũng như những nhiệm vụ cần thiết của nhân dân Việt Nam.  **Nhóm 3-4 VB3**  **GV:** Em hãy cho biết thể loại, mục đich, thái độ, quan điểm của VB2?  **HS:** Tiến hành thảo luận và trình bày  **GV:** Nhận xét  - Rút ra nhận xét chung về văn chính luận và ngôn ngữ chính luận?  ? Xác định phạm vi, mục đích, đặc điểm của ngôn ngữ chính luận ?  Gọi HS đọc ghi nhớ SGK.  **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  ? Phân biệt ngôn ngữ chính luận với ngôn ngữ dùng trong các văn bản khác ?  **GV**: Hướng dẫn làm bài tập 2: Dựa vào từ ngữ, liên kết trong câu văn, quan điểm.  **HS** làm bài tập | **I. Văn bản chính luận và ngôn ngữ chính luận**  **1. Tìm hiểu văn bản chính luận**  **a. Phân tích ngữ liệu**  **VB1**: (Trích *“Tuyên ngôn Độc lập”-Hồ Chí Minh):* Tuyên ngôn.  - **Mục đích:** Khẳng định quyền tự do, bình đẳng của con người, tranh thủ sự đồng tình của các nước tiến bộ và nhân dân thế giới.  **- Thái độ, quan điểm:**Bày tỏ quan điểm quyền được sống, được sung sướng, tự do trước toàn thể đồng bào và sự bất công vô lí của kẻ xâm lược nước ta.  **- Từ ngữ chính trị*:*** Bình đẳng, dân quyền, nhân quyền, tự do, quyền lợi,…  **VB2***:* (Trích *“Cao trào chống Nhật, cứu nước”- Trường Chinh):* Bình luận thời sự.  ***-* Mục đích**:Chỉ rõ kẻ thù lúc này là phát xít Nhật và khẳng định dứt khoát: bọn thực dân Pháp không còn là đồng minh chống Nhật của chúng ta nữa.  **- Thái độ, quan điểm**: Khẳng định dứt khoát  **- Từ ngữ chính trị**: Phát xít, thực dân, kháng chiến, biên giới, hạ súng.  **VB3:** *(*Trích *“Việt Nam đi tới”- Báo Quân đội nhân dân ):* Xã luận  **- Mục đích:** Phân tích những thành tựu mới về các lĩnh vực của đất nước, vị thế của đất nước trên trường quốc tế và những triển vọng tốt đẹp của cách mạng trong thời gian sắp tới.  **- Thái độ, quan điểm:** Khẳng định sự đổi mới đất nước là con đường đúng đắn và niềm tự hào, tin tưởng vào tương lai đất nước.  **- Từ ngữ chính trị:**Công bằng, dân chủ, văn minh.  **b. Khái niệm văn bản chính luận:**  Văn bản chính luận là những VB trực tiếp bày tỏ lập trường, chính kiến, thái độ đối với những vấn đề chính trị, xã hội, văn hóa, pháp luật…theo quan điểm chính trị nhất định.  - Thể loại : Văn bản chính luận  - Mục đích viết: Thuyết phục người đọc bằng lí lẽ và lập luận dựa trên quan điểm chính trị nhất định.  - Thái độ người viết : Người viết có thể bày tỏ thái độ khác nhau tuỳ theo nội dung, nhưng nhìn chung bao giờ cũng thể hiện thái độ dứt khoát trong cách lập luận để giữ vững quan điểm của mình.  - Quan điểm người viết:  Dùng những lí lẽ và bằng chứng xác đáng để không ai có thể bác bỏ được -> có sức thuyết phục lớn đối với người đọc.  **2. Nhận xét chung về văn bản chính luận và ngôn ngữ chính luận.**  - Phạm vi sử dụng: Ngôn ngữ chính luận được dùng trong các văn bản chính luận và các loại tài liệu chính trị khác..Tồn tại ở cả dạng viết và dạng nói.  - Mục đích- đặc điểm: Ngôn ngữ chính luận chỉ xoay quanh việc trình bày ý kiến hoặc bình luận, đánh giá một sự kiện, một vấn đề chính trị, một chính sách, chủ trương về văn hoá xã hội theo một quan điểm chính trị nhất định.  - Phân biệt ngôn ngữ chính luận với ngôn ngữ dùng trong các văn bản khác:  + Ngôn ngữ trong các văn bản khác là để bình luận về một vấn đề nào đó được quan tâm trong đời sống xã hội, trong văn học…dựa trên hình thức nghị luận( *nghị luận xã hội, nghị luận văn học )*  + Ngôn ngữ chính luận: dùng trình bày một quan điểm chính trị đối với một vấn đề nào đó thuộc lĩnh vực chính trị.  **II. Tổng kết:** Ghi nhớ - SGK  **III. Luyện tập**  Phân biệt khái nịêm:   |  |  | | --- | --- | | Nghị luận | Chính luận | | - Là thao tác tư duy, là phương tiện biểu đạt- một kiểu bài làm văn trong nhà trường.  - Thao tác được sử dụng ở tất cả mọi lĩnh vực khi trình bày, diễn đạt. | - Là phong cách chức năng ngôn ngữ, hình thành và tồn tại như một phong cách độc lập, do cách thức sử dụng ngôn ngữ đã hình thành những đặc trưng tiêu biểu.  - Thao tác chỉ thu hẹp trong phạm vi trình bày quan điểm về vấn đề chính trị |   **2. Bài 2:**  Chú ý các mặt biểu hiện của phong cách chính luận trong đoạn văn:  - Dùng nhiều từ ngữ chính trị: yêu nước, truyền thống, Tổ quốc, xâm lăng, tinh thấn, bán nước, cướp nước,…  - Câu văn mạch lạc, chặt chẽ , tuy có thể dùng câu dài ( câu thứ 3 ở ví dụ trong SGK).  - Đoạn văn thể hiện rõ quan điểm chính trị về lòng yêu nước, đánh giá cao về lòng yêu nước của nhân dân ta.  - Đoạn văn có sức hấp dẫn và truyền cảm: nhờ lập luận chặt chẽ, nhờ những hình ảnh so sánh cụ thể, sát hợp. |

**4. Củng cố**: Nêu đặc điểm của phong cách ngôn ngữ chính luận ?

**5. Dặn dò:** Hs học bài và soạn bài mới: ***Một thời đại trong thi ca.***

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết:** **109 -110. MỘT THỜI ĐẠI TRONG THI CA**

***(*Trích *Thi Nhân Việt Nam)***

***Hoài Thanh***

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**: Thông qua bài học, giúp HS:

- Hiểu được quan niệm của Hoài Thanh về “tinh thần thơ mới” trong ý nghĩa văn chương và xã hội

- Thấy rõ nghệ thuật nghị luận văn chương khoa học, chặt chẽ, thấu đáo và cách diễn đạt tài hoa, tinh tế, giàu cảm xúc của tác giả

**2. Kĩ năng**:

- Phân tích được những nét đặc sắc trong phong cách nghị luận văn chương của Hoài Thanh

**3. Thái độ**:

- Nâng cao năng lực thẩm mĩ, giúp HS biết cảm thụ cái đẹp của ngôn ngữ văn chương.

**II. Phương tiện**

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

**III. Phương pháp**: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành, đọc diễn cảm... GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy

**IV. Tiến trình dạy học**

**1.Ổn định lớp**

**Sĩ số: ………………………….**

**2. Kiểm tra bài cũ**: Kt sách vở của hs

***Câu hỏi 1:*** trình bày 3 cống hiến vĩ đại của Mác?Vì sao nói cống hiến sau lại hơn cống hiến trước?

***Câu hỏi 2:*** Vì sao Mác là nhà tư tưởng lớn nhất trong những nhà tư tưởng hiện đại?

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động khởi động**

*“Cuộc đời của Hoài Thanh từ thuở thiếu thời cho đến lúc trái tim ngừng đập là một chuỗi dài của những cuộc tìm kiếm đầy thích thú mê say cái hay và vẻ đẹp của văn chương. Như một nhà địa chất cần mẫn và yêu nghề, Hoài Thanh đã phát hiện được không ít vàng ngọc của thơ ẩn trong lớp bụi thời gian hoặc trong các mạch chìm nổi của cuộc đời, nhất là trong hiện tại” (Từ Sơn). Và cũng đúng như lời thơ bất hủ của Nguyễn Du: “Sống là thể phách, thác là tinh anh”, với Hoài Thanh, cái tinh anh mà ông để lại cho đời chính là những tác phẩm phê bình văn học tài hoa và tinh tế, mà đỉnh cao là cuốn “Thi nhân Việt Nam”. Đoạn trích “Một thời đại trong thi ca” là đoạn trích tiêu biểu cho tài năng thẩm bình văn học của con người tài hoa này.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Tiết 109** | |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  ? Hiểu biết của em về cuộc đời Hoài Thanh?  - GV giảng thêm về ảnh hưởng của quê hương, gia đình đến ngòi bút Hoài Thanh.  ?: Hoài Thanh viết văn từ những năm nào? các tác phẩm?  - GV giảng: Để viết đựoc Thi nhân Việt Nam, Hoài Thanh đã đọc tác phẩm của hơn 1000 nhà thơ trong hoàn cảnh bị quản thúc ở Thanh Hoá. Ông đã tuyển chon hơn 40 nhà thơ tiêu biểu. Điiêù đó cho thấy tâm huyết của Hoài Thanh với thi ca dân tộc. Ông đã sống trong phong trào thơ mới, là con người của thơ mới nên đã đưa ra nhiều nhận xét xác đáng: “Xuân Diệu nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới”; “Huy Cận đi lượm lặt chút buồn rơi rác của nhân gian để sáng tạo nên những vần thơ ảo não”  ? Vị trí củabài tiểu luận trong cuốn Thi nhân Việt Nam?  ? Nhận xét về bài tiểu luận của Hoài Thanh?  ? Vị trí của đoạn trích trong bài tiểu luận?  - GV gọi HS đọc. Chú ý đọc với giọng rõ ràng mạch lạc, khúc chiết nhưng tha thiết, sâu lắng.  ?: Đoạn trích có thể được chia làm mấy phần? Nội dung từng phần?  ? Nhận xét về bố cục của bài?  ?: Vấn đề của đoạn trích là gì? Hệ thống luận điểm triển khai vấn đề nghị luận?  ?: Cái khó nhất trong việc xác định tinh thần Thơ mới là gì?  ?: Nhận diện tinh thần Thơ mới Hoài Thanh đưa ra quan điểm gì?  ?: Em có nhận xét gì về quan điểm của nhà văn? | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  \* Cuộc đời  - Hoài Thanh (1909-1982), tên khai sinh là Nguyễn Đức Nguyên.  - Quê: Nghi Lộc- Nghệ An.  - Xuất thân trong gia đình nhà nho nghèo yêu nước.  - Hoạt động chủ yếu trong ngành Văn hoá văn nghệ, từng giữ nhiều chức vụ quan trọng.  \* Sự nghiệp sáng tác  - Hoài Thanh viết văn từ những năn 30 của thế kỉ XX.  - Tác phẩm nổi tiếng nhất: Thi nhân Việt Nam.  - Là nhà phê bình văn học xuất sắc nhất của văn học Việt Nam hiện đại.  - Được trao giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật năm 2000.  **2. Tiểu luận: “Một thời đại trong thi ca”**  - Vị trí: Nằm ở đầu Thi nhân Việt Nam, sau hai trang “Cung chiêu anh hồn Tản Đà- Nguyễn Khắc Hiếu- người đã dạo những bản đàn mở đầu cho một cuộc hoà nhạc tân kì đang sắp sửa”, trước phần hợp tuyển các nhà thơ mới.  - Nhận xét:  + Bài tiểu luận hết sức công phu, phong phú, đã tổng kết tinh tế, uyên bác về phong trào thơ mới từ hoàn cảnh ra đời, quá trình phát triển, các tác giả tác phẩm tiêu biểu… đặt trong mối quan hệ với thơ cũ, với thời đại, xã hội và tâm lí lớp thanh niên đương thời.  + Bài tiểu luận là áng văn nghị luận dạt dào chất thơ của một tâm hồn nghệ sĩ suốt đời lấy hồn tôi để hiểu hồn người với khát vọng thành thực và trong sáng vô ngần.  **3. Đoạn trích: “Một thời đại trong thi ca”**  - Vị trí: Nằm ở cuối bài tiểu luận, giải quyết vần đề cốt tuỷ nhất: Tinh thần thơ mới.  - Đọc:  -Bố cục: 3 phần  + P1: “…nhìn vào đại thể”: Nêu vấn đề đi tìm tinh thần thơ mới.  +P2: “Cứ đại thể… thanh niên”: Phân tích, chứng minh, lí giải tinh thần thơ mới.  + P3: Còn lại: Con đường giải quyết bi kịch của các nhà thơ mới.  - Nhận xét: Bố cục mạch lạc, chặt chẽ, đồng thời phóng khoáng, thanh thoát.  **II. Đọc- hiểu văn bản**  - Vấn đề đoạn trích: Tinh thần thơ mới. Đây là nội dung bản chất, cốt lõi, chi phối toàn bộ thơ mới.  - Tác giả triển khai vấn đề bằng ba luận điểm:  + Quan điểm của tác giả trong việc xác định tinh thần thơ mới.  + Tinh thần thơ mới là ở cả chữ tôi.  + Cách giải quyết bi kịch cái tôi thơ mới.  **1. Quan điểm của tác giả trong việc xác định tinh thần Thơ mới.**  - Khó khăn: Thơ mới và thơ cũ không có sự phân biệt rạch ròi dễ nhận ra. Trong Thơ mới, Thơ cũ đều có những bài hay, bài dở, bài hay ít, bài dở nhiều. Đó là khó khăn phức tạp nhất.  - Quan điểm của Hoài Thanh:  + Không căn cứ vào cục bộ và bài dở (Vì cái dở chẳng tiêu biểu cho cài gì hết).  + Phải căn cứ vào đại thể (khái quát bản chất phổ biến nổi bật) và bài hay.  - Lí do: “Cái cũ và cái mới vẫn nối tiếp nhau thay đổi, thay thế nhau: Hôm nay phôi thai từ hôm qua, và trong cái mới vẫn còn rơi rớt ít nhiều cái cũ.”  - Nhận xét: Tác giả sử dụng phương pháp so sánh, đối chiếu. Nhưng không so sánh tỉ mỉ, vụn vặt, cá thể mà so sánh thời đại cùng thời đại và so sánh trên đại thể.  Đây là quan điểm đúng đắn, khoa học mà tác giả đặt ra ngay từ đầu để định hướng ngòi bút và định hướng sự tiếp nhận của người đọc. |

**HẾT TIẾT 109, CHUYỂN SANG TIẾT 110**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| ?: Tìm hệ thống luận cứ làm nổi bật luận điểm: Tinh thần thơ mới là ở cả chữ Tôi?  ?: Em có nhận xét gì về cía Ta trong thơ cũ và cái Tôi trong thơ mới?  ?: Nhận xét về cái tôi trong văn học trung đại?  - GV giảng thêm:  + Hồ Xuân Hương từng xưng tên mình trong thơ: “Mời trầu”, tự đối thoại với chính mình qua “Tự tình II”.  + Nguyễn Công Trứ khẳng định cái Tôi chống đối trật tự xã hội qua: “Bài ca ngất ngưởng”…  ?: Cái Tôi với ý nghĩa cá nhân tuyệt đối xuất hiện từ bao giờ?  - GV giảng: Cái Tôi tuyệt đối là sản phẩm của sự giao lưu gặp gỡ với văn hoá phương Tây, khiến ta không thể vui cái vui ngày trước, buồn cái buồn ngày trước, yêu- ghét- giận hờn nhất nhất như ngày trước…  ?: Nhận xét cách diễn đạt của Hoài Thanh?  ?: Đoạn văn khái quát vấn đề gì và khái quát như thế nào?  ?: Những nét đặc sắc đó được biểu hiện cụ thể như thế nào?  Dẫn chứng:  -“ Ta là kẻ bộ hành phiêu lãng  Đường trần gian xuôi ngược để vui chơi” (Thế Lữ)  - Còn đâu ánh trăng vàng  Mơ trên làn tóc rối  …Đêm ấy xuân vừa sang  Em vừa hai mươi tuổi.  (Lưu Trọng Lư)  - Ta há miệng cho hồn thơ trào vọt  Cười no nê sặc sụa cả mùi trăng.  (Hàn Mặc Tử)  - Trời hỡi hôm nay ta chán hết  Những sắc màu hư ảnh của trần gian.  (Chế Lan Viên)  - Mau với chứ vội vàng lên với chứ  Em em ơi tình non sắp già rồi…  - Tôi là con nai bị chiều giăng lưới  Chẳng biết đi đâu đứng sầu bóng tối.  (Xuân Diệu)  - Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp. / Con thuyền xuôi mái nước song song… (Huy Cận)  ?: Xác định nguyên nhân chính gây bi kịch trong hồn người thanh niên?  ?: Nhận xét nhận định của Hoài Thanh về bi kịch trong thơ mới?  ?: Em hãy nhận xét con đường giải quyết bi kịch của các nhà thơ mới? Em có đồng tình với con đường đó không? Vì sao?  ?: Những nét đặc sắc về mặt nghệ thuật của đoạn trích?  ❓Đặc sắc về nội dung của đoạn trích ? | **2. Tinh thần Thơ mới là ở cả chữ Tôi**  Hai luận cứ:  + Cái Ta trong thơ cũ và cái Tôi trong thơ mới.  + Bi kịch của cái Tôi trong thơ mới.  a. Cái Ta trong thơ cũ và cái Tôi trong thơ mới.  - Cái Ta- thơ cũ:  + Ý thức đoàn thể.  + Tác giả không dám dùng chữ Tôi, không tự xưng, ẩn mình sau chữ Ta- chữ chỉ chung cho nhiều người.  - Cái Tôi- thơ mới:  + Ý thức cá nhân.  + Xuất hiện trong thơ văn không biết từ lúc nào: bỡ ngỡ, lạc loài (vì quá mới mẻ, thể hiện quan niệm chưa từng thấy ở xứ này: quan niệm cá nhân).  + Trong văn học trung đại: Cái Tôi mờ nhạt, tương đối, chìm đắm trong cái chung như giọt nước chìm trong biển cả.  Cũng có những trường hợp ngoại lệ, các nhà thơ đã vượt lên trên thời đại khẳng định cía Tôi cá nhân: Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Tú Xương…  + Cái tôi với ý nghĩa cá nhân tuyệt đối xuất hiện giữa thi đàn Việt Nam vào những năm 20 của thế kỉ XX (Tản Đà) thật bé nhỏ, tội nghiệp, bơ vơ, rên rỉ, thảm hại… mất hết cốt cách hiên ngang ngày trước.  - Nhận xét: Cách diễn đạt ngắn gọn, súc tích thể hiện sự tự tin trong khám phá và kết luận khoa học. Biện pháp so sánh đối chiếu đã làm nổi bật cái ta trong thơ cũ và cái Tôi trong thơ mới, giúp người đọc có cái nhìn sâu sắc toàn diện hơn.  b. Bi kịch của cái Tôi trong Thơ mới.  \* Đoạn văn: “Đời chúng ta nằm trong vòng chữ Tôi…cùng Huy Cận”.  - Đoạn văn khái quát chính xác, sâu sắc những biểu hiện chung, riêng, gần nhau và khác nhau của tinh thần thơ mới với phong cách- tư tưởng của các nhà thơ tiêu biểu  - Đặc sắc của đoạn văn: ngắn gọn, khái quát, cụ thể, không những chỉ ra ngưyên nhân mà còn thấy cả tiến trình và báo trước kết quả của tinh thần thơ mới.  - Lời văn sôi nổi với các từ “ta” (chúng ta, nhà nghiên cứu, người đọc…) như đang đồng hành, sáng tạo, đồng cảm cùng những nhà thơ mới tài hoa nhất.  - Cụ thể:  + Cái chung: chữ Tôi. Nguyên nhân thực trạng: Mất bề rộng => Con đường vượt thoát: Tìm bề sâu => Kết quả: Bế tắc, càng đi sâu càng thấy lạnh.  + Cái riêng: Mỗi nhà thơ một khác nhau trên con đường vượt thoát, kết quả cũng mang màu sắc khác nhau:  Thế Lữ lên tiên nhưng động tiên đã khép.  Lưu Trọng Lư: phiêu lưu trong trường tình nhưng tình yêu không bền.  Hàn Mặc Tử- Chế Lan Viên: điên cuồng rồi tỉnh.  Xuân Diệu: say đắm nhưng vẫn bơ vơ.  Huy Cận: ngẩn ngơ buồn và sầu.  => Bi kich cái Tôi trong thơ mới: đáng thương, tội nghiệp, bơ vơ, lạc lõng trước cuộc đời. Nỗi buồn lan toả khắp trời đất, gieo khổ đau trong hồn người thanh niên.  - Nguyên nhân bi kịch:  + Do hoàn cảnh xã hội đương thời không cho người thanh niên nhiều khát vọng quyền sống đúng nghĩa.  + Do bản thân cái Tôi khi tách ra khỏi cái Ta đã mất đi điểm tựa vững chắc, trở nên bơ vơ, lạc lõng, thiếu tự tin…  - Nhận xét: Nhận định xá đáng, tinh tế, câu văn mềm mại uyển chuyển, giọng văn đồng cảm, chia sẻ. tác giả còn khắc hoạ bi kịch bằng hình ảnh so sánh mềm mại tinh tế. Việc chỉ ra bi kịch của cái Tôi thơ mới thể hiện đóng góp xã hội quan trọng của Hoài Thanh.  **3. Cách giải quyết bi kịch**  - Con đường:  +Gửi cả vào tình yêu tiếng Việt- tiếng mẹ đẻ thân thương.  +Tìm về dĩ vãng.  - Vì: Tiếng Việt là tấm lụa hứng vong hồn bao thế hệ người Việt trong qua khứ và hiện tại. Lớp thanh niên dùng tiếng Việt để bày tỏ tình yêu quê hương đất nước. Tiếng Việt bất diệtcũng như dân tộc Việt nam mãi mãi trường tồn.  - Nhận xét: Đó là con đường riêng của thơ mới, cũng có những tác dụng nhất định nhưng còn hạn chế trong hoàn cảnh đất nước còn nô lệ, phản ánh ý thức, tâm lí chủ quan của các nhà thơ mới. Tuy nhiên nó cũng rất đáng được lịch sử ghi nhận và trân trọng.  Hoài Thanh đã thể hiện tình cảm trân trọng thiết tha ấy qua hệ thống hình ảnh giàu cmả xúc: “gửi ca, yêu vô cùng, chia sẻ buồn vui, dồn tình yêu, hứng vong hồn…”  **III. Tổng kết**  **1. Đặc sắc nghệ thuật**  - Sự kết hợp hài hoà giữa tính khoa học và tính nghệ thuật:  + Tính khoa học: Hệ thống luận điểm chuẩn xác, mới mẻ, sắp xếp mạch lạc. Dẫn chứng chọn lọc, lập luận chặt chẽ, thuyết phục. Sử dụng biện pháp so sánh đối chiếu ở cấp độ phù hợp, mang lại hiệu quả.  + Tính nghệ thuật: lời văn thấm đẫm cảm xúc, giọng điệu thay đổi linh hoạt, cảm xúc người viết nồng nhiệt, gây truyền cảm, đồng cảm cao.  =>Một cách viết văn nghị luận văn chương dễ hiểu mà rất tài hoa, tinh tế, hấp dẫn.  **2. Nội dung**  Khẳng định sự thắng lợi của Thơ mới, ủng hộ mặt tích cực, lí giải bi kịch cái Tôi, cách giải quyết bi kịch  - Cách nhìn nhận đúng đắn, khoa học vấn đề thơ mới, cái nhìn tiến bộ xuất phát từ chính tâm hồn người viết. |

**4. Củng cố**

- Nguyên tắc đi tìm tinh thần thơ mới và

- “Cái tôi” mang ý nghĩa tuyệt đối-tinh thần thơ mới

- Tìm hiểu sự vận động của thơ mới xung quang cái tôi và bi kịch của nó

- Liên hệ một số bài thơ tiêu biểu liên quan đến nội dung đoạn trích

**5. Dặn dò**

*-* Học bài cũ.

*-* Soạn bài : ***Phong cách ngôn ngữ chính luận*** (tiếp).

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

***Ngày soạn: ...............................................***

***Ngày giảng: .............................................***

**Tiết 111. PHONG CÁCH NGÔN NGỮ CHÍNH LUẬN (Tiếp)**

**I. Mức độ cần đạt**

**1. Kiến thức**

- Kiến thức chủ yếu một số loại văn bản thường gặp.

- Khái niệm ngôn ngữ chính luận, mối quan hệ và sự khác biệt giữa chính luận và nghị luận.

- Đặc điểm về phương tiện ngôn ngữ và đặc trưng của phong cách ngôn ngữ chính luận.

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết và phân tích đặc điểm về phương tiện ngôn ngữ chính luận.

- Nhận biết và phân tích những biểu hiện của đặc trưng cơ bản ngữ chính luận.

- Viết văn nghị luận chính trị xã hội.

**3. Thái độ**

- Giáo dục hs nâng cao ý thức học tập và rèn luyện văn học.

**II. Phương tiện**

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

**III. Phương pháp**: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành, GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy

**IV. Tiến trình dạy học**

**1.Ổn định lớp**

**Sĩ số: ………………………….**

**2. Kiểm tra bài cũ**

- Trình bày khái niệm văn bản chính luận và ngôn ngữ chính luận. Lấy ví dụ minh họa.

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động khởi động**

*Việc nắm vững kiến thức về ngôn ngữ chính luận, phong cách ngôn ngữ chính luận sẽ giúp nhiều cho các em trong quá trình đọc hiểu, tạo lập văn bản loại này. Hôm nay, chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu về các phương tiện diễn đạt và đặc trưng của phong cách ngôn ngữ chính luận.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  - HS đọc mục II SGK và trả lời câu hỏi  TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP  “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.”  Lời bất hủ ấy ở trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.  Bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói:  “ Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi.”  Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.  […]  *Hồ Chí Minh*  - Nhận xét về từ ngữ, ngữ pháp và các biện pháp tu từ trong phong cách ngôn ngữ chính luận ?  GV tiếp tục cho HS tìm hiểu ngữ liệu.  CAO TRÀO CHỐNG NHẬT, CỨU NƯỚC  Ngày 9-3-1945, ở Đông Dương, phát xít Nhật quật thực dân Pháp xuống chân đài chính trị. Không đầy hai mươi bốn tiếng đồng hồ, trong các thành phố lớn, thực dân Pháp đều hạ súng xin hàng. Nhiều đội quân của Pháp nhằm biên giới cắm đầu chạy. Riêng ở Cao Bằng và Bắc Cạn, một vài đội quân của Pháp định thống nhất hành động với Quân Giải Phóng Việt Nam chống Nhật. Ở Bắc Cạn, họ đã cùng ta tổ chức “Ủy ban Pháp- Việt chống Nhật”. Nhưng không bao lâu họ cũng bỏ ta chạy sang Trung Quốc. Có thể nói là quân Pháp ở Đông Dương đã không kháng chiến và công cuộc kháng chiến ở Đông Dương là công cuộc duy nhất của nhân dân ta. […]  (*Trường Chinh, Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam, tập I, NXB Sự thật, 1976)*  ? Chỉ ra các biện pháp tu từ được sử dụng trong từng ngữ liệu ?  - Phong cách ngôn ngữ chính luận có mấy đặc trưng cơ bản ? Đó là những đặc trưng nào ?  *\* Ba đặc trưng của phong cách ngôn ngữ chính luận thể hiện tính chất trung gian giữa ngôn ngữ báo chí và ngôn ngữ khoa học. Nó ảnh hưởng trực tiếp đến các phong cách ngôn ngữ khác và góp phần vào sự phát triển của Tiếng Việt.*  **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  - GV gọi HS trình bày bài tập đã làm ở nhà.  - Các em còn lại nghe, nhận xét và bổ sung.  **Bài tập 1**: chỉ ra biện pháp tu từ trong đoạn văn chính luận sau:  Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước.  *(*Hồ Chí Minh*, Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến)*  **Bài tập 2:**  Phân tích đặc điểm về các phương tiện diễn đạt trong đoạn văn thuộc phong cách ngôn ngữ chính luận sau:  Nay muốn một ngày kia nước Việt Nam được tự do, độc lập thì trước hết dân Việt Nam phải có đoàn thể đã. Mà muốn có đoàn thể thì có chi hay hơn là truyền bá xã hội chủ nghĩa trong dân Việt Nam này.  (Phan Châu Trinh, *Về luân lí xã hội ở nước ta*) | **II. Các phương tiện diễn đạt và đặc trưng của phong cách ngôn ngữ chính luận.**  **1. Các phương tiện diễn đạt**  a.Về từ ngữ  *- Nhận xét:*  *Ở ngữ liệu trên tác giả sử dụng nhiều từ ngữ chính trị: như Độc lập, đồng bào, bình đẳng, tự do, quyền lợi.*   * Văn bản chính luận sử dụng ngôn ngữ thông thường nhưng có khá nhiều từ ngữ chính trị: *Độc lập, đồng bào, bình đẳng, tự do, quyền lợi, phát xít, thực dân, kháng chiến, thống nhất, công bằng, dân chủ, đa số, thiểu số, …* * Nhiều từ ngữ chính trị có nguồn gốc từ văn bản chính luận, nhưng được dùng rộng khắp trong sinh hoạt chính trị nên chúng đã thấm vào lớp từ thông dụng, đến mức người dân dùng quen thuộc, không còn quan niệm đó là từ ngữ lí luận nữa.   Ví dụ: *đa số, thiểu số, dân chủ, phát xít, bình đẳng, tự do…*  - Vốn từ ngữ thông thường.  - Khá nhiều từ ngữ chính trị  b.Về ngữ pháp:  Tìm hiểu ngữ liệu:  *Nhận xét:*   * *Câu văn trong ngữ liệu trên được sắp xếp rất logic, kết cấu chặt chẽ.*   *+ Tính chặt chẽ trong trật tự câu:*   1. *Thời gian: 9-3-1945* 2. *Địa điểm: ở Đông Dương* 3. *Sự kiện: phát xít Nhật quật thực dân Pháp xuống chân đài chính trị*   *+ Tính chặt chẽ trong đoạn văn:*   1. *Theo thứ tự thời gian khi liệt kê sự kiện* 2. *Theo trật tự quy nạp* 3. *Theo trật tự logic.*   *Về ngữ pháp*   * *Câu văn trong văn bản chính luận thường là câu có kết cấu chuẩn mực, gần với những phán đoán logic trong một hệ thống lập luận, câu trước liên kết với câu sau, câu sau nối tiếp câu trước trong một mạch suy luận* * *Các văn bản chính luận thường dùng những câu phức hợp có những từ ngữ liên kết như: do vậy, bởi thế, cho nên, vì lẽ đó, …;tuy… nhưng; dù…nhưng để phục vụ cho lập luận được chặt chẽ.* * *Ví dụ: […] đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.*   - Câu văn có kết cấu chuẩn mực…  - Thường sử dụng những câu có quan hệ từ: *do vậy, bởi thế, tuy… nhưng, cho nên…*  c. Về biện pháp tu từ:  Tìm hiểu ngữ liệu 1:  Khắp non sông Việt Nam đang bừng dậy một sinh khí mới. Sinh khí ấy đang biểu hiện trên khuôn mặt từng người dân, trong từng thôn bản, ngõ phố, trên trừng cánh đồng, công trường, trong từng viện nghiên cứu, trên các chốt tiền tiêu đầu sóng ngọn gió,…  (*Việt Nam đi tới,* theo báo Quân Đội nhân dân; số tết 2004*)*   * Ngôn ngữ chính luận không phải lúc nào cũng mang tính công thức, ước lệ, khô khan. Ngược lại, nó có thể rất sinh động do sử dụng khá nhiều các biện pháp tu từ. * Tuy vậy việc dùng các biện pháp tu từ chủ giúp cho lí lẽ, lập luận thêm hấp dẫn, vì đích của văn bản chính luận là thuyết phục người đọc, người nghe bằng lí lẽ và lập luận.   Lưu ý: Ở dạng nói (khẩu ngữ), ngôn ngữ chính luận chú trọng đến cách phát âm, người nói phải diễn đạt sao cho khúc chiết, rõ ràng, mạch lạc. Trong trường hợp cần thiết thì ngữ điệu đóng một vai trò quan trọng để thu hút người nghe  Sử dụng khá nhiều biện pháp tu từ, giúp cho việc lập luận thêm hấp dẫn, truyền cảm nhằm tăng sức thuyết phục.  **2. Các đặc trưng cơ bản**  **a. Tính công khai về quan điểm chính trị:**  Người nói (viết) thể hiện đường lối, quan điểm, thái độ, chính trị của mình một cách công khai, dứt khoát, không che giấu, úp mở.  **b. Tính chặt chẽ trong diễn đạt và suy luận:**  Phong cách chính luận thể hiện tính chặt chẽ của hệ thống lập luận. Đó là yếu tố làm nên hiệu quả tác động đến lí trí và tình cảm người đọc (nghe).  **c. Tính truyền cảm, thuyết phục:**  Ngôn ngữ chính luận là công cụ để trình bày, thuyết phục, tạo nên tính hấp dẫn lôi cuốn người đọc (nghe) bằng giọng văn hùng hồn, tha thiết; ngữ điệu truyền cảm.  **Ghi nhớ:**  Phong cách ngôn ngữ chính luân có 3 đặc trưng cơ bản: tính công khai về quan điểm chính trị; tính chặt chẽ trong diễn đạt và suy luận; tính truyền cảm, thuyết phục. Các đặc trưng đó được thể hiện ở những phương tiện diễn đạt nhằm mục đích trình bày ý kiến hoặc bình luận, đánh giá vấn đề theo một quan điểm chính trị nhất định.  **III. Luyện tập**  **Bài tập 1.**  Sử dụng các phép tu từ:  - Điệp ngữ kết hợp với điệp cú: Ai có… dùng  - Biện pháp liệt kê: súng, gươm, cuốc, thuổng, gậy, gộc.  - Ngắt đoạn câu kết hợp với các phép tu từ trên để tạo giọng văn dứt khoát, mạnh mẽ.  **Bài tập 2**  - Về từ ngữ: dùng nhiều thuật ngữ chính trị: đoàn thể, tự do, độc lập, truyền bá xã hội chủ nghĩa.  - Về câu văn: dùng nhiều câu ghép mạch lạc, có quan hệ từ chỉ mục đích, chỉ điều kiện và hệ quả: … muốn… thì… hơn nữa hai câu văn liên kết với nhau. |

**4. Củng cố**

- Các phương tiện diễn đạt và đặc trưng của phong cách ngôn ngữ chính luận.

**5. Dặn dò**

- Học bài cũ.

- Soạn : ***Một số thể loại văn học : Kịch, nghị luận.***

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

***Ngày soạn: ................................................***

***Ngày giảng: ..............................................***

**Tiết 112 – 113. MỘT SỐ THỂ LOẠI VĂN HỌC : KỊCH, NGHỊ LUẬN**

**I. Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức**: Học sinh cần

- Hiểu được khái quát đặc điểm của 1 số thể loại văn học: Kịch, nghị luận.

**2. Kỹ năng:**

- Vận dụng những hiểu biết về kịch, nghị luận vào việc đọc hiểu văn bản.

**3. Thái độ:**

- Bồi dưỡng cho học sinh niềm say mê những tác phẩm kịch, nghị luận.

**II. Phương pháp tiến hành**

- Vấn đáp, gợi tìm, trao đổi, thảo luận, ....

**III. Phương tiện thực hiện**

- GV : SGK, SGV, giáo án, tài liệu tham khảo,....

- HS : SGK, vở soạn, vở ghi.

**IV. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

Sĩ số: ……………………………..

**2. Kiểm tra bài cũ**

- Trình bày các phương tiện diễn đạt và đặc trưng của phong cách ngôn ngữ chính luận. Lấy ví dụ minh họa.

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động khởi động**

*Ngay từ thuở bình minh của nền văn học Hi-La cổ đại, kịch đã xuất hiện và khẳng định vị trí của một thể loại văn học thượng đẳng. Ở những giai đoạn tiếp theo trong lịch sử châu Âu, kịch có một sức phát triển vượt trội và rực rỡ, xuất hiện nhiều kịch gia lỗi lạc, xứng tầm nhân loại. Đó là: Corneill, Racine, Molièr, B.Shaw, Ionesco, Beckett, Hugo,..Ở Việt Nam, người ta biết đến kịch như một thể loại văn học vào đầu thế kỉ XX, phương Tây đã rọi luồng ánh sáng cho kịch nước nhà phát triển. Vũ Đình Long, Vi Huyền Đắc, Nguyễn Huy Tưởng, Lưu Quang Vũ...chính là những cây bút đã viết nên lịch sử của thể loại kịch ở Việt Nam.*

*Một thể loại khác là văn nghị luận cũng có vai trò quan trọng trong lịch sử văn học. Hãy cùng tìm hiểu về hai thể loại văn học này.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **TIẾT 112** | |
| **Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  GV: - Cho Hs đóng vai trong tác phẩm truyện cười “Nhưng nó phải bằng hai mày”.  + Nhân vật Cải.  + Nhân vật Ngô.  + Nhân vật ông quan.  -> HS nhận xét thành phần tham gia vở kịch  GV: Em đã được học những tác phẩm kịch nào trong chương trình ngữ văn THPT? Kịch là gì ?  HS trả lời GV chốt lại  Y/c chú ý mục I.1/ sgk điền vào phiếu học tập hoàn thiện những nội dung sau:  ? Kịch là gì?  ? Những đặc trưng của kịch?  ? Phân loại kịch?  Gọi 1-2 học sinh đọc phần PHT của mình  Gọi hs khác nhận xét, bổ sung.  GV nhận xét->kết luận  GV làm rõ những đặc trưng trên bằng 1 số ví dụ.  Y/c hs chú ý vào văn bản kịch"V ĩnh biệt Cửu Trùng Đài"  Y/c hs thảo luận nhóm với những gợi ý sau:  ? Cho biết những nét chính về tác giả, tác phẩm, vị trí đoạn trích  ? Nhận xét về ngôn ngữ thoại của VNT và Đan Thiềm trong đoạn trích? Qua đây nhận xét về tính cách của 2 nhân vật này?  ? Xác định xung đột kịch của vở kịch VNT  (chú ý phần tóm tắt tác phẩm)  ? Nêu chủ đề của tác phẩm kịch VNT?  Y/c hs trình bày phần thảo luận vào bảng phụ.  Gọi 1 hs đại diện nhóm lên bảng trình bày ý tưởng của nhóm.  Gọi hs nhóm khác nhận xét, bổ sung  ? Vậy, theo em khi đọc kịch bản văn học cần phải đảm bảo những yêu cầu nào?  GV nhận xét->kết luận  **HẾT TIẾT 112, CHUYỂN SANG TIẾT 113.**  Yc hs chú ý vào mục II.1, điền PHT hoàn thành những đặc trưng cơ bản của văn nghị luận và những thể loại chính của văn nghị luận.  Gọi 1-2 hs đọc PHT của mình.  Gọi hs khác nhận xét, bổ sung  GV nhận xét->kết luận  GV giới thuyết cụ thể các đặc trưng của văn chính luận bằng 1 số ví dụ.  Y/c hs chú ý vào văn bản Tuyên ngôn độc lập của HCM và thảo luận nhóm với những gợi ý sau:  ? Nêu hoàn cảnh ra đời của tác phẩm TNĐL?  Tác phẩm có vị trí như thế nào trong thời điểm sáng tác?  ? Chỉ ra những luận điểm chính trong tác phẩm TNĐL?  ? Tâm tư , t/c của tác giả đối với vấn đề được nói tới như thế nào?  ? Nêu nhận xét về cách lập luận, cách sử dụng ngôn ngữ, cách nêu dẫn chứng trong tác phẩm?  ? Nêu khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm  ? Vậy, theo em khi đọc tác phẩm văn nghị luận cần đảm bảo những yêu cầu nào?  Gọi hs đọc ghi nhớ  **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  **Bài tập 1**  Phân tích xung đột kịch trong đoạn trích *“ Tình yêu và thù hận”* ( trích Rô-mê-ô và Giu-li-et).  **Bài tập 2.**  Y/c hs chú ý bài tập 2/ sgk và thảo luận nhóm theo những gợi ý sau:  ?Cấu trúc lập luận trong tác phẩm như thế nào?  ? Cách lập luận như thế nào?  Gọi hs đại diện nhóm trình bày nội dung thảo luận của nhóm  Gọi hs nhóm khác nhận xét | **I. Kịch**  **1. Khái lược về kịch**  \* Kịch là 1 loại hình nghệ thuật tổng hợp có sự tham gia của nhiều người: *đạo diễn, diễn viên, hoạ sĩ, nhạc công, vũ đạo, ca sĩ, kĩ thuật âm thanh, ánh sáng, ghi hình…*(trong đó 3 đối tượng quan trọng nhất là kịch bản, đạo diễn và diễn viên).  \*Đặc trưng của kịch:  - Chọn những xung đột kịch trong đời sống làm đối tượng miêu tả. Xung đột kịch được cụ thể hoá bằng hành động kịch. Hành động kịch được thực hiện bởi các nhân vật kịch.  - Trong kịch, các nhân vật được xây dựng bằng chính ngôn ngữ của họ. Ngôn ngữ kịch có 3 loại: độc thoại, đối thoại, bàng thoại. Ngôn ngữ kịch mang tính hành động và tính khẩu ngữ cao.  - Đối tượng phản ánh của kịch là những mâu thuẫn xung đột trong đời sống xã hội và con người – xung đột kịch.  - Xung đột kịch có vai trò quan nhất, tạo tính kịch, hấp dẫn, lôi cuốn.  - Hành động kịch do nhân vật kịch thể hiện góp phần thể hiện xung đột kịch.  - Nhân vật kịch: (chính, phụ; phản diện, chính diện…) bằng lời thoại và hành động thể hiện tính cách, xung đột kịch, qua đó thể hiện chủ đề vở kịch.  - Cốt truyện kịch: phát triển theo xung đột kịch, qua các giai đoạn: *mở đầu – thắt nút – phát triển - điểm đỉnh – giải quyết*  - Thời gian, không gian kịch: có thể một địa điểm, nhiều địa điểm; một ngày, nhiều ngày, hàng năm, nhiều năm, nhiều thế hệ…  - Ngôn ngữ kịch: Thể hiện trong lời thoại, mang tính hành động và khẩu ngữ: đối thoại và độc thoại, làm nổi bật tính cách nhân vật.  - Bố cục kịch: Một vở kịch được chia thành nhiều màn (hồi) khác nhau. Mỗi màn(hồi) lại được chia thành nhiều lớp (cảnh ) khác nhau.  \* Phân loại kịch: Có 3 loại kịch: bi kịch, hài kịch, chính kịch(bi hài kịch)  + Căn cứ vào tính truyền thống hay hiện đại: Kịch dân gian (*chèo, tuồng, cải lương*…), kịch cổ điển (trước XX), kịch hiện đại (từ XX)  +Căn cứ vào tính chất : bi kịch, hài kịch, chính kịch (*xung đột trong cuộc sống),* kịch lịch sử  + Căn cứ vào ngôn ngữ diễn đạt: Kịch nói, kịch hát múa, kịch thơ, kịch rối, kịch câm…  **2.Yêu cầu về đọc kịch bản văn học**  a. Ngữ liệu: sgk (đoạn trích Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài)  b. Nhận xét NL:  - Tác giả, tác phẩm, vị trí đoạn trích:sgk  - Ngôn ngữ thoại của VNT và Đan Thiềm: sử dụng nhiều câu hỏi, từ ngữ dễ hiểu, giọng điệu đan xen  - Tính cách: Đan Thiềm: đam mê cái tài; VNT: mang tính cách của 1 người nghệ sĩ tài ba, hiện thân cho niềm khát khao và đam mê sáng tạo cái đẹp.  -Xung đột kịch: Xung đột giữa lợi ích của bạo chúa với quyền sống của người dân; xung đột giữa niềm khát khao hiến dâng tất cả cho nghệ thuật của người nghệ sĩ đắm chìm trong mơ mộng với lợi ích trực tiếp và thiết thực của đời sống nhân dân.  - Chủ đề: Ko có cái đẹp tách rời cái chân , thiện. Tác phẩm nghệ thuật ko chỉ mang cái đẹp thuần tuý, mà còn phải có mục đích phục vụ nhân dân.....  c. Kết luận:  **\* Yêu cầu về đọc kịch bản văn học:**  - Đọc kĩ lời giới thiệu, tiểu dẫn để có hiểu biết chung về tác giả, tác phẩm...  - Chú ý vào lời thoại của nhân vật  - Phân tích hành động kịch( xác định xung đột kịch, phân tích xung đột kịch.)  - Nêu chủ đề, tư tưởng, ý nghĩa xã hội của tác phẩm.  **II. Nghị luận**  **1. Khái lược về văn nghị luận**  \*Nghị luận là 1 thể loại văn học đặc biệt, dùng lí lẽ, phán đoán, chứng cứ để bàn về 1 vấn đề nào đó (xã hội, chính trị, văn học …) nhằm tranh luận, thuyết phục, bác bỏ, khẳng định, phủ nhận…giúp người đọc hiểu rõ vấn đề nêu ra.  \* Đặc trưng của văn nghị luận:  - Bàn về đúng, sai, phải, trái, khẳng định điều này, bác bỏ điều kia để người khác nhận ra chân lý, đồng tình với quan điểm của mình.  - Văn nghị luận thường có tính sâu sắc về tư tưởng, t/c, tính mạch lạc, chặt chẽ của suy nghĩ và trình bày, tính thuyết phục của lập luận.  - Ngôn ngữ trong văn nghị luận giàu hình ảnh và sắc thái biểu cảm. Đồng thời cũng đảm bảo tính chính xác tuyệt đối .  \* Phân loại văn nghị luận: Văn chính luận và phê bình văn học.  - Văn nghị luận thời trung đại: chiếu, cáo, hịch, điều trần,...  - Văn nghị luận thời hiện đại: tuyên ngôn, lời kêu gọi, phê bình , xã luận, bài bình luận,...  **2. Yêu cầu về đọc văn nghị luận**  a. Ngữ liệu:Văn bản Tuyên ngôn độc lập của Hồ Chí Minh.  b. Nhận xét NL  - Hoàn cảnh ra đời: SGK  - Vị trí: có vị trí đặc biêt quan trọng ....  - Những luận điểm chính:  + Xác lập tiền đề, tạo cơ sở pháp lý cho bản tuyên ngôn.  +Tố cáo tội ác của thực dân Pháp  + Nêu cao quá trình đấu tranh giành độc lập của dân tộc VN  -Tâm tư, t/c của người viết: Kiên quyết, dứt khoát khẳng định những sự thật về cuộc chiến tranh ở VN...  - Cách lập luận chặt chẽ, súc tích, ngôn ngữ giàu giá trị biểu cảm và tạo hình, giọng điệu hùng hồn, đanh thép, dẫn chứng chính xác, thuyết phục.  - Giá trị tác phẩm: (Nội dung + nghẹ thuật)  c. Kết luận:  **\* Yêu cầu về đọc văn nghị luận:**  - Tìm hiểu xuất xứ .  - Phát hiện và tóm lược các luận điểm tư tưởng  - Cảm nhận các sắc thái cảm xúc, tình cảm.  - Phân tích biện pháp lập luận, cách nêu dẫn chứng, cách sử dụng ngôn ngữ  - Khái quát giái trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm .  **III. Ghi nhớ**: sgk/ 111  **IV. Luyện tập**  **Bài tập 1.**  - Trong toàn vở kịch : đó là xung đột giữa hai dòng họ Mông-ta-ghiu và Ca-piu-lét dẫn đến hàng loạt hành động trả thù và cái chết của Rô-mê-ô và Giu-li-et.  - Trong đoạn trích “tình yêu và thù hận” : xung đột giữa tình yêu của 2 người và sự cản trở bởi thù hận  của hai dòng họ.Họ sẵn sàng từ bỏ tên họ, dòng họ mình để bảo vệ tình yêu trong sáng, mê say, mãnh liệt.  **Bài tập 2.**  - Cấu trúc lập luận: gồm 7 đoạn, phần mở đầu gồm 2 đoạn(1 và 2), phần nội dung chính gồm 4 đoạn (3,4,5,6), phần kết luận gồm đoạn 7 và câu cuối cùng.  - Cách lập luận: so sánh tăng tiến: Nội dung đoạn sau có giá trị cao hơn đoạn trước. Ăng ghen đã tổng kết ba cống hiến vĩ đại của Mác cho loài người: tìm ra quy luật phát triển của xã hội là hạ tầng cơ sở quyết định thượng tầng kiến trúc(đoạn 3); phát hiện ra giá trị thặng dư, quy luật vận động của phương thức sản suất tư bản chủ nghĩa(đoạn 4); khẳng định phải biến lí thuyết thành hành động cách mạng(đoạn 5, 6). Các vế câu ở mỗi đầu đoạn được coi là dấu hiệu của lập luạn tăng tiến: "nhưng ko phải chỉ có thế thôi"; "Nhưng đấy hoàn toàn không phải là điều chủ yếu ở Mác".... |

**4. Củng cố**: Đặc trưng của kịch và văn nghị luận, những yêu cầu về đọc kịch và đọc văn nghị luận.

**5. Dặn dò**

- Học bài cũ.

- Soạn bài : ***Luyện tập vận dụng kết hợp các thao tác lập luận.***

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ................................................***

***Ngày giảng: ..............................................***

**Tiết 114 . LUYỆN TẬP VẬN DỤNG KẾT HỢP**

**CÁC THAO TÁC LẬP LUẬN**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức:**

- Khái niệm, yêu cầu, cách thức triển khai các thao tác lập luận đã học: giải thích, chứng minh, phân tích, so sánh, bác bỏ, bình luận.

- Sự cần thiết và cách thức kết hợp các thao tác lập luận: giải thích, chứng minh, phân tích, so sánh, bác bỏ, bình luận trong việc tạo lập văn bản nghị luận.

**2. Kỹ năng:**

- Nhận diện các thao tác lập luận được sử dụng trong các đoạn văn, bài văn nghị luận.

- Vận dụng kết hợp một số thao tác lập luận đã học để viết bài văn nghị luận.

**3. Thái độ:** Có ý thức sử dụng kết hợp các thao tác lập luận để đạt hiệu quả trong làm văn cũng như giao tiếp.

**II. Phương tiện**:

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

**III. Phương pháp**: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành, GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy.

**IV. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định lớp**

**Sĩ số: ……………………………..**

**2. Kiểm tra bài cũ**

- Trình bày đặc điểm của kịch và yêu cầu về đọc kịch bản văn học. Lấy ví dụ minh họa.

- Trình bày đặc điểm của văn nghị luận và yêu cầu về đọc văn nghị luận. Lấy ví dụ minh họa.

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động khởi động**

*Các em đã học các thao tác lập luận : giải thích, chứng minh, phân tích, so sánh, bác bỏ, bình luận. Hãy cùng củng cố những kiến thức và kĩ năng cơ bản về các thao tác lập luận đã học để viết được một văn bản nghị luận ngắn về một hiện tượng (vấn đề) quen thuộc trong đời sống hoặc trong văn học.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Hoạt động 2. Hoạt động thực hành**  (?) Hãy kể tên các thao tác lập luận đã học?  (?) Hãy phân biệt các thao tác lập luận trên?  (?) Tại sao trong văn bản nghị luận cần có sự kết hợp của các thao tác nói trên?  **GV hướng dẫn HS luyện tập**  **-** HS đọc đoạn trích bài tập 1/ Tr112.  (?) Đoạn trích viết về vấn đề gì? Quan điểm tác giả đối với vấn đề đó ra sao?  (?) Tác giả sử dụng thao tác lập luận nào là chủ yếu, ngoài ra còn có thao tác nào?  (?) Việc áp dụng nhiều thao tác trong một bài văn có phải là tốt không?  - HS đọc nêu yêu cầu và hướng giải quyết bài tập 2.  (?) Vấn đề cần nghị luận là gì?  (?) Nên áp dụng những thao tác nào?  - Bình luận  - Giải thích  - Phản bác  - Chứng minh  - GV chia lớp thành các nhóm nhỏ:  + Nhóm 1: Lập dàn ý  + Nhóm 2: Xác định áp dụng thao tác lập luận nào?  +Nhóm 3: Trình bày 1 luận điểm  - Các tổ trình bày xong, lớp góp ý, - - GV nhận xét.  - GV cho cả lớp viết đoạn văn trình bày trước lớp.  - HS đọc bài, GV nhận xét và cho điểm. | **I. Ôn tập kiến thức:** 6 thao tác lập luận:  - Chứng minh là dùng dẫn chứng và lí lẽ để người đọc (người nghe) tin một vấn đề nào đó trong đời sống hoặc trong văn học.  - Giải thích là dùng lí lẽ và dẫn chứng để giúp người đọc (người nghe) hiểu một vấn đề nào đó trong đời sống hoặc trong văn học.  - Phân tích là chia nhỏ đối tượng thành các yếu tố, bộ phận để xem xét rồi khái quát, phát hiện bản chất của đối tượng. Chia tách vấn đề để tìm hiểu giúp ta biết cặn kẽ, thấu đáo.  - So sánh nhằm đối chiếu hai hay nhiều sự vật hoặc các mặt trong cùng một sự vật, hiện tượng… để chỉ ra những nét giống nhau hoặc khác nhau giữa chúng.Từ đó, thấy được đặc điểm và giá trị của mỗi sự vật, hiện tượng được so sánh.  - Bác bỏ là dùng lí lẽ và dẫn chứng để gạt bỏ những quan điểm, ý kiến sai lệch hoặc thiếu chính xác,... Từ đó, nêu ý kiến của mình để thuyết phục người nghe, (người đọc).  - Bình luận là đề xuất và thuyết phục người đọc (người nghe) tán đồng với nhận xét, sự đánh giá, bàn bạc của mình về một hiện tượng, vấn đề.  **II. Luyện tập**  **Bài tập 1, Đọc đoạn trích trả lời câu hỏi**  a. Đoạn trích viết về ảnh hưởng của một số nhà thơ mới lãng mạn như: Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên với các nhà thơ Pháp (Bô-đơ-le, Đơ Nô-ai, Gi-đơ, Véc-len), nhà văn Mĩ (Ét-ga Pô).  + Quan điểm của tác giả là ảnh hưởng trong giao lưu là ngẫu nhiên. Song thơ Pháp không làm ảnh hưởng tới thơ Việt, không làm mất bản sắc thơ Việt. Các nhà thơ Việt vẫn có phong cách riêng.  b. Thao tác so sánh và phân tích.  - Cuối đoạn tác giả sử dụng thao tác bác bỏ và bình luận.  -> Việc áp dụng nhiều thao tác chưa hẳn là tốt. Áp dụng kết hợp nhiều thao tác phải phù hợp mới có hiệu quả.  - Xuất phát từ vấn đề đặt ra mà chọn các thao tác. Dựa vào cách lập luận, giải quyết vấn đề đó có trọn vẹn không. Cách dùng từ, diễn đạt có hấp dẫn không.  **Bài tập 2. Hướng dẫn xây dựng đề cương, vận dụng các thao tác lập luận**  - Bước 1: Chọn vấn đề cần nghị luận: Thanh niên ta ngày nay cần có ý chí vươn lên trong học tập và công tác.  - Bước 2: Lập dàn ý  **\* Dàn ý**  - Đặt vấn đề: Giới thiệu được vấn đề cần nghị luận.  - Giải quyết vấn đề:  + Khẳng định rèn luyện ý chí vươn lên trong học tập và công tác là yêu cầu đúng đắn phù hợp với quy luật phát triển của con người ở thời đại mới.  + Tại sao phải rèn luyện ý chí vươn lên trong học tập và công tác cho thanh niên ngày nay?  ./ Thanh niên ngày nay là lớp người sinh ra trong thời bình chưa biết đến chiến tranh gian khổ.  ./ Một vài năm gần đây vấn đề giáo dục lý tưởng cho thanh niên bị coi nhẹ.  ./ Bị một số tiêu cực của xã hội tác động, vì vậy cần phải đặt ra vấn đề giáo dục cho thanh niên.  + Phê phán và bác bỏ những việc làm sai trái của một số thanh niên hiện nay.  + Làm thế nào để rèn luyện tốt ý chí vươn lên trong học tập và công tác.  - Kết thúc vấn đề:  + Ý nghĩa của vấn đề đặt ra  + Bản thân  - Bước 3: Viết 1 đoạn văn trình bày trước lớp.  **Luyện viết đoạn văn vận dụng kết hợp các thao tác lập luận:**  1. Đề bài: *Hãy bàn về bệnh quay cóp của HS trong thi kiểm tra.*  2. Luyện viết văn bản theo chủ đề:  \* Gợi ý về nội dung:  - Có thể triển khai đoạn theo bố cục sau:  + Thực trạng của bệnh quay cóp trong HS ngày nay.  + Tác hại của bệnh quay cóp.  + Lời khuyên .  - Có thể chọn 1 trong các ý trên để dựng đoạn.  \* Về kĩ năng: Vận dụng kết hợp ít nhất 2 thao tác lập luận  3. Trình bày văn bản và chỉ ra các thao tác lập luận đã sử dụng. |

**4. Củng cố**

GV chốt lại những điểm cốt yếu nhất về việc vận dụng kết hợp các thao tác lập luận, nguyên tắc lựa chọn các thao tác lập luận và vận dụng tổng hợp các thao tác đó trong một bài văn nghị luận.

**5. Dặn dò**

- Hoàn thành phần luyện tập.

- Soạn bài: *Ôn tập Văn học.*

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ................................................***

***Ngày giảng: ..............................................***

**Tiết 115-116**. **ÔN TẬP PHẦN VĂN HỌC**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức***:*

*-* Khái niệm về văn học hiện đại.

- Những tác phẩm, tác giả đã học phân theo thể loại.

- Bản chất đặc thù: tính hiện đại của tác phẩm.

**2. Kỹ năng***:*

- Nhận diện, phân tích tác phẩm văn học hiện đại

- Rèn kĩ năng cảm thụ, phân tích văn học theo từng cấp độ.

**3. Thái độ, tư tưởng***:*

- Tư duy tổng hợp.

**II. Phương tiện thực hiện**

- GV : SGK, SGV Ngữ văn 11,Thiết kế bài học.

- HS : SGK, vở soạn, vở ghi.

**III. Phương pháp**

- Phương pháp đọc hiểu, kết hợp so sánh, phân tích hệ thống câu hỏi ôn tập qua hình thức trao đổi, thảo luận

- Tích hợp phân môn Tiếng Việt, Đọc văn, Làm văn.

**IV. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức**

**Sĩ số: ………………………**

**2. Kiểm tra bài cũ**: Kiểm tra vở soạn của HS.

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động khởi động**

*Bài ôn tập văn học hôm nay sẽ giúp các em nắm vững và hệ thống hóa được những tri thức cơ bản về văn học Việt Nam hiện đại và văn học nước ngoài đã học trong chương trình Ngữ văn 11, học kì 2 trên hai phương diện lịch sử và thể loại; biết vận dụng linh hoạt, sáng tạo những tri thức đó.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **TIẾT 115** | |
| **Hoạt động 2. Hoạt động thực hành**  Nội dung:  GV Đưa ra nội dung ôn tập  Phương pháp ôn tập  - GV: Đưa ra câu hỏi ôn tập cho học sinh nêu yêu cầu  Gv hướng dẫn học sinh làm bài, gọi học sinh lên làm bài.  - HS: Suy nghĩ và trả lời.  - GV: chốt kiến thức | **I. Nội dung**  Ôn tập phần văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến cách mạng tháng 8/1945  1. Thơ:  2. Văn nghị luận:  **II. Phương pháp**  **1. Câu 1**  + Thơ mới nảy sinh trong hoàn cảnh xã hội thực dân nửa phong kiến  + Tác giả thơ mới: tri thức Tây học (thơ trung đại: Nho sĩ và quan lại)  + Thơ mới thể hiện cái tôi cá nhân một cách tuyệt đối (thơ trung đại tính phi ngã)  + Thơ mới ảnh hưởng thi pháp văn học Phương Tây (thơ trung đại ảnh hưởng thi pháp văn học trung đại Trung Hoa) |
| **Phân biệt sự khác nhau giữa thơ mới và thơ trung đại Việt Nam**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Các bình diện** | **Thơ trung đại Việt Nam** | **Thơ mới Việt Nam** | | **Nội dung cảm hứng** | Thời đại chữ *ta* nặng tính cộng đồng, xã hội, xem nhẹ tính cá nhân | Thời đại chữ *tôi*, coi trọng cá nhân, tách biệt với cộng đồng, xã hội | | **Cách cảm nhận thiên nhiên, con người, cuộc sống** | Cảm nhận bằng con mắt già cỗi, công thức, ước lệ, khuôn sáo | Cảm nhận bằng cặp mắt trẻ trung, xanh non, yêu đời | | **Cảm hứng chủ đạo** | Cảm hứng phò vua giúp nước, tỏ lòng, lúc sục sôi, lúc buồn rầu, bất đắc chí. | Nỗi buồn, tuyệt vọng của cái tôi - cá nhân trước hiện thực đau thương vì mất độc lập chủ quyền của nước nhà | | **Hình thức nghệ thuật** | - Chữ Hán, chữ Nôm  - Thể thơ truyền thống: Đường luật, cổ phong, lục bát, song thất lục bát.  - Niêm luật chặt chẽ, diễn đạt ước lệ, nhiều điển tích điển cố.  - Tính qui phạm nghiêm ngặt | - Chữ quốc ngữ.  - Thể thơ kết hợp truyền thống và hiện đại  - Luật lệ đơn giản, diễn đạt phóng khoáng, tự do, gần gũi với ngôn ngữ hàng ngày.  - Phá bỏ tính qui phạm. | | |
| - Công việc của GV: Đưa ra bài tập 2 Những nét chính về hai bài thơ: cho học sinh suy nghĩ và nêu ra cách làm bài.  - Công việc của HS: suy nghĩ trao đổi làm bài.  Gv gọi 2 học sinh lên bảng làm bài, còn lại làm vào vở.  Gv nhấn mạnh kiến thức , hs chép vào vở. | **Câu 2:**  Những nét chính về hai bài thơ:  + Thời điểm ra đời: Lưu biệt khi xuất dương (1905), Hầu trời (1921). Đây là thời kì mở đầu cho quá trình hiện đại hoá văn học Việt Nam  + Cả hai bài thơ: đều thể hiện phần nào cái tôi, ý thức cá nhân. Vẻ đẹp lãng mạn hào hùng ở Phan Bội Châu, cái tôi tài hoa, ngông ở Tản Đà  + Cả hai bài thơ đều nằm ở điểm giao thời, của hai thời đại thi ca , từ thi ca trung đại chuyển sang thi ca hiện đại.  BẢNG THỐNG KÊ VỀ HAI TÁC PHẨM  Hướng dẫn học sinh lập bảng so sánh hai tác phẩm   |  |  | | --- | --- | | ***Lưu biệt khi***  ***xuất dương*** | ***Hầu Trời*** | | - Nội dung: Lí tưởng của trang nam nhi chủ động xoay trời chuyển đất. Không phụ thuộc vào hoàn cảnh cuộc sống | - Cái tôi hào hoa, phóng túng, khẳng định tài năng văn chương  Khao khát muốn được thể hiện mình giữa cuộc đời. | | - Nghệ thuật: Xây dựng hình tượng kì vĩ, hào hùng (Thơ tuyên truyền cổ động cách mạng) | - Giọng điệu tự nhiên, có nhiều sáng tạo (hư cấu chuyện hầu trời...Cái *tôi* ngông) | |
| - Công việc của GV: Đưa ra bài tập 3 cho học sinh suy nghĩ và nêu ra cách làm bài.  - Công việc của HS: suy nghĩ trao đổi làm bài. | **Câu 3.**  \* **Nhận xét** : con đường từ Phan Bội Châu qua Tản Đà đến Xuân Diệu đã hoàn tất một quá trình hiện đại hoá thơ ca VN nửa đầu thế kỉ XX từ phạm trù trung đại qua quá độ sang hiện đại . |
| |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Giai đoạn , biểu hiện** | **Đầu XX- 1920** | **1920-1930** | **1930-1945** | | \* Thi pháp trung đại , ngôn ngữ TĐ ; Tư tưởng đổi mới chí làm trai . | “Xuất dương lưu biệt” (1905); chữ Hán thể thất ngôn bát cú Đường luật |  |  | | \* Thi pháp trung đại có những yếu tố đổi mới ; ngôn ngữ hiện đại , cái “tôi” ngông của nhà nho tài tử ,chán đời , ….. |  | “Hầu trời” (1921) chữ quốc ngữ ; thể thất ngôn trường thiên , có yếu tố tự sự |  | | \*Thi pháp hiện đại ; ngôn ngữ hiện đại , cái “tôi” ham sống , khát khao giao cảm với đời , quan niệm mới mẻ về thiên nhiên và lẽ sống , cái “tôi” cá nhân buồn , bơ vơ về cuộc đời ngắn ngủi … |  |  | “Vội vàng” (1938) chữ quốc ngữ, thơ tự do , hỗn hợp giữa các thể : năm chữ , tám chữ , bảy chữ …. | | |
| - Công việc của GV: Đưa ra bài tập 4 cho học sinh suy nghĩ và nêu ra cách làm bài.  - Công việc của HS: suy nghĩ trao đổi làm bài.  Gv gọi 2 học sinh lên bảng làm bài, còn lại làm vào vở.  Gv nhấn mạnh kiến thức, hs chép vào vở. | **Câu 4:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | ***Tác phẩm*** | **Nội dung** | **Nghệ thuật** | | *Vội vàng*  *(Xuân Diệu)* | Sự giao cảm hết mình với thiên nhiên, con người, cuộc đời.  Quan niệm mới mẻ về nhân sinh, nỗi buồn về sự trôi chảy của thời gian, để từ đó có cách sống vội vàng. | Giọng điệu say mê. sôi nổi, có nhiều sáng tạo về ngôn ngữ và hình ảnh. | | *Tràng giang (Huy Cận)* | Cái tôi cô đơn trước thiên nhiên, tình yêu quê hương... | Màu sắc cổ điển. Giọng điệu gần gũi, thân thuộc | | *Đây thôn*  *Vĩ Dạ*  *(Hàn Mặc Tử)* | Tình cảm thiết tha với đời, với người. Nỗi buồn bâng khuâng, với bao uẩn khúc trong lòng... | Giàu hình ảnh thể hiện nội tâm, ngôn ngữ tinh tế, giàu sức gợi liên tưởng. | | *Tương tư (Nguyễn Bính)* | Tâm trạng của chàng trai lúc tương tư, hồn quê hoà lẫn cảnh quê, khát vọng hạnh phúc lứa đôi giản dị... | Ngôn ngữ thơ giản dị, ngọt ngào tha thiết, phảng phất ca dao dân gian...làm sống dậy hồn xưa đất nước. Nét chân quê. | | *Chiều xuân (Anh Thơ)* | Cảnh chiều xuân ở đồng bằng Bắc Bộ. Không khí, nhịp sống êm ả, tĩnh lặng. | Thủ pháp nghệ thuật gợi tả.(lấy cái động để tả cái tĩnh lặng của cảnh quê) | |
| **TIẾT 116** | |
| - Công việc của GV: ra bài tập, hướng dẫn học sinh làm bài.  - Công việc của HS: suy nghĩ trao đổi làm bài. | **Câu 5:**  ***a) Chiều tối , Lai Tân* của Hồ Chí Minh.**  **\*Nội dung tư tưởng**  - Tâm hồn chiến sĩ- nghệ sĩ cách mạng : trong hoàn cảnh khó khăn , ngặt nghèo , vẵn ung dung, lạc quan, tỉnh táo, sắc sảo , cảm thông hướng về nhân dân lao động  - Phê phán sâu sắc sự thối nát , giả dối của XH và nhà cầm quyền Trung Hoa đương thời .  \***Đặc sắc nghệ thuật**  - Vừa cổ điển , vừa hiện đại ( thể thơ , nhan đề , thi tứ , tính cô đọng , hàm súc , gợi mở …).  - Hình tượng thơ vận động theo chiều hướng phát triển .  - Giọng thơ linh hoạt , khi trữ tình ấm áp , khi châm biếm kín đáo , nhẹ nhàng.  ***b) Từ ấy , Nhớ đồng* của Tố Hữu**  **\* Nội dung tư tưởng**  - Cảm xúc hạnh phúc choáng ngợp khi được lí tưởng cộng sản của Đảng như mặt trời chân lí chói qua tim và xác định chỗ đứng , vị trí trong cuộc đấu tranh ,trong quan hệ với quần chúng đồng bào  - Tâm trạng buồn nhớ anh em đồng chí trong những ngày nhà thơ trẻ bị bắt tù đầy .  \***Đặc sắc nghệ thuật**  - Thể thơ thất ngôn trường thiên , có nhiều câu điệp khúc .  - Cảm xúc thơ mới mẻ ,trẻ trung ,nồng nàn, trong sáng  - Hình ảnh thơ rực rỡ , chói lọi, lãng mạn hồn nhiên chân thật gần gũi .  ***Sự khác biệt giữa thơ Hồ Chí Minh và thơ Tố Hữu.***  *Gợi ý:*   |  |  | | --- | --- | | ***Thơ Hồ Chí Minh*** | ***Thơ Tố Hữu*** | | Chữ hán, thể thơ Đường luật, giọng thơ bình tĩnh ung dung, làm chủ hoàn cảnh của nhà cách mạng, một bậc đại nhân, đại trí đại dũng  - Thơ thiên về cổ điển mực thước | Chữ quốc ngữ, thể thơ thất ngôn có sáng taọ, giọng thơ trẻ trung, mới mẻ nồng nàn, say đắm nỗi bồn chồn của người thanh niên cộng sản lần đầu vào nhà ngục. | |
| - Công việc của GV: ra bài tập, hướng dẫn học sinh làm bài.  - Công việc của HS: suy nghĩ trao đổi làm bài.  Gv gọi 2 học sinh lên bảng làm bài, còn lại làm vào vở.  Gv nhấn mạnh kiến thức, hs chép vào vở. | **Câu 6.**  Cái đẹp, cái hay, sức hấp dẫn của bài thơ “Tôi yêu em” – Puskin.  Gợi ý :  Thấm đượm nỗi buồn của mối tình đơn phương, vô vọng nhưng trong sáng của một tâm hồn chân thành, nhân hậu mãnh liệt, vị tha cao thượng.  - Ngôn từ giản dị, tinh tế. Điệp ngữ “tôi yêu em”.  - Lời nguyện cầu mang nhiều ý nghĩa  **Câu 8.**  **Hình tượng nhân vật Giăng Van – giăng : *thiên sứ của tình thương***  - Ngôn ngữ: nhẹ nhàng, điềm tĩnh, thì thầm, hạ giọng 🡒 Tế nhị, làm yên lòng Phăng tin  - Thái độ và hành động quyết liệt đối với Gia ve khi Phăng tin qua đời  - Thái độ sẵn sàng chấp nhận tiếp tục cuộc sống tù đày để lương tâm thanh thản.  **=>**  Với tính cách nhân hậu, dịu dàng, tế nhị, trân trọng đối với người khốn khổ và mạnh mẽ, bất khuất trước bạo quyền, hình tượng Giăng Van Giăng đại diện cho thiên sứ của tình thương, cho cái thiện, cái cao cả, sự cứu rỗi… bất diệt.  => Trong hoàn cảnh bất công, tuyệt vọng, con người chân chính vẫn có thể bằng ánh sáng của tình yêu thương đẩy lùi bóng tối của cường quyền bạo lực... đặt niềm tin vào tương lai.  ***bài*** |
| **BẢNG THỐNG KÊ CÁC TÁC PHẨM VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **TÁC PHẨM** | **NỘI DUNG** | **NGHỆ THUẬT** | | ***Tôi yêu em (Pu-skin)*** | Tình yêu chân thành, mãnh liệt  vị tha, cao thượng | Ngôn ngữ giản dị, thể hiện tinh tế cảm xúc và lí trí của “tôi” | | ***Người trong bao (Sê-khốp)*** | Phê phán lối sống ích kỉ, bạc nhược, bảo thủ của một bộ phận tri thức Nga cuối thế kỉ XIX, đặt vấn đề: phải thay đổi, lối sống, xã hội.... | Nhân vật điển hình  Chi tiết nghệ thuật độc đáo: cái vỏ bao. giọng điệu chậm, mỉa mai, đượm buồn. | | ***Người cầm quyền khôi phục uy quyền (Huy-gô)*** | Trong hoàn cảnh bất công, tuyệt vọng, con người chân chính vẫn có thể bằng ánh sáng của tình yêu thương đẩy lùi bóng tối của cường quyền bạo lực... đặt niềm tin vào tương lai. | Sự đối lập giữa hai nhân vật:  Gia-ve < > Giăng Van-giăng  Hình ảnh lãng mạn: nụ cười của Phăng-tin  Nghệ thuật xây dựng nhân vật  (cử chỉ, ngôn ngữ, hành động) | | |

**4. Củng cố**

HS tự tóm tắt những nét chính về nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm.

GV chốt lại kiến thức của bài.

**5. Dặn dò**

- Hoàn thiện đề cương ôn tập.

- Soạn bài theo phân phối chương trình : ***Tóm tắt văn bản nghị luận.***

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ................................................***

***Ngày giảng: ..............................................***

**Tiết 117. Làm văn. TÓM TẮT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức***:*

- Mục đích tóm tắt văn bản nghị luận;

- Các yêu cầu tóm tắt văn bản nghị luận;

- Cách tóm tắt văn bản nghị luận.

**2. Kỹ năng***:*

- Tóm tắt một văn bản nghị luận (dài 1000 chữ)

- Trình bày miệng bài tóm tắt trước tập thể.

**3. Thái độ, tư tưởng***:*

- Biết vận dụng những hiểu biết nói trên vào tóm tắt văn bản nghị luận .

**II. Phương tiện thực hiện**

- GV : SGK, SGV Ngữ văn 11, Thiết kế bài học

- HS : SGK, vở soạn, vở ghi.

**III. Phương pháp**

- Phương pháp đàm thoại, trao đổi thảo luận nhóm. Học sinh đọc bài, suy nghĩ, trao đổi và trả lời các câu hỏi.

- Tích hợp phân môn Tiếng Việt, Đọc văn, Làm văn.

**IV. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức**

**Sĩ số: ……………………………**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Không

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động khởi động**

*Giờ này chúng ta cùng tìm hiểu tóm tắt văn bản nghị luận : Hiểu được mục đích, yêu cầu, cách thức tóm tắt văn bản nghị luận; Có kĩ năng tóm tắt văn bản nghị luận.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới**  Tìm hiểu cụ thể :  - GV: cho học sinh nêu mục đích yêu cầu việc tóm tắt văn bản nghị luận  - HS: Suy nghĩ trao đổi và trả lời.  - Công việc của GV: cho học sinh đọc kiến thức trong sgk và nêu cách tóm tắt văn bản nghị luận  - Công việc của HS: suy nghĩ trao đổi trả lời.  ? Trình bày các thao tác tóm tắt văn bản nghị luận ?  GV gọi HS đọc ghi nhớ (SGK). | **I. Mục đích yêu cầu việc tóm tắt văn bản nghị luận**  **1. Khái niệm**  - Là trình bày lại nội dung của văn bản đó một cách nhắn gọn theo mục đích đã định  **2. Mục đích**  - sử dụng làm tài liệu để biện minh cho các quan điểm , ý kiến, mà không làm tăng quá mức dung lượng văn bản  - thu thập ghi chép tư liệu cho bản thân  - luyện tập năng lực đọc- hiểu, năng lực tóm lược văn bản  **3. Yêu cầu**  - Phản ánh trung thành tư tưởng và các luận điểm của văn bản gốc  - Ngắn gọn, súc tích  - Diễn đạt trong sáng, chặt chẽ , mạnh lạc  **II. Cách tóm tắt văn bản nghị luận**  **1. Tìm hiểu ngữ liệu**  \* Văn bản “ Về luân lí xã hội ở nước ta”  1.1 Vấn đề cần nghị luận được thể hiện qua câu  “ Xã hội luân lí thật trong nước ta tuyệt nhiên không ai biết đến”  1.2. Mục đích : Đề cao tư tưởng tiến bộ, vạch trần thực trạng đen tối của xã hội, hướng về một ngày mai tươi sáng của đất nước  - mục đích này được thể hiện ở : mở bài, kết bài và các ý khái quát ở các đoạn trích  1.3. Các luận điểm  - Khác với Âu châu, dân VIệt Nam không có luân lí xã hội  - Nguyên nhân : do sự suy đồi từ vua đến quan, từ quan đến viên chức nhỏ đến học trò  - Muốn Việt Nam tự do, độc lập, dân Việt Nam phải có đoàn thể, cần truyền bá tư tưởng tiến bộ  1.4. Các luận cứ:  - Luận điểm 1 gồm: Luận cứ đối lập giữa Việt Nam và Âu châu  - Luận điểm 2 gồm:  +Lũ vua quan thối nát phản động tìm cách phá đoàn thể, thực hiện chính sách ngu dân  +Bọn người xấu đua nhau tìm mọi cách làm quan +Dân không có ý thức đoàn thể  **2. Các thao tác tóm tắt văn bản nghị luận**  2.1. Đọc, tìm hiểu nội dung, kết cấu của văn bản gốc .  - Xác định vấn đề cần nghị luận: văn bản bàn về vấn đề gì?  ( Căn cứ vào vị trí mạnh của văn bản:  + Nhan đề  + Câu chủ đề ở phần mở bài )  - Xác định hệ thống luận điểm  + Căn cứ vào phần mở bài  + Xác định chủ đề ( ý khái quát của văn bản) của các đoạn văn  - Xác định các luận cứ ( lưu ý câu chủ đề của đoạn , phân tích cấu tạo đoạn )  - Tìm nội dung khái quát phần kết  2.2. Viết văn bản tóm tắt  - Viết nhan đề của văn bản  - Lần lượt viết phần mở bài,thân bài, kết bài  + Sử dụng nhiều thành phần  + Sử dụng nhiều phương tiện liên kết  2.3. Kiểm tra và hoàn chỉnh văn bản tóm tắt  - Đọc lại văn bản tóm tắt, đối chiếu với văn bản gốc- Bổ sung sửa chữa (nếu cần)  **Ghi nhớ (SGK)** |
| **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  - Công việc của GV: ra bài tập, hướng dẫn học sinh làm bài.  - Công việc của HS: suy nghĩ trao đổi làm bài. | **III. Luyện tập**  **Bài tập 1:** ( SGK / 118 )  *Gợi ý:* a. Sự đa dạng mà thống nhất của In - đô - nê- xi - a  b. Xuân Diệu - nhà nghiên cứu, phê bình văn học  **Bài tập 2** ( SGK /119)  a. Vấn đề cần nghị luận: Sự lãng phí nước sạch  Mục đích: Không nên lãng phí nước, hãy tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước  b. Các luận điểm  - Nước là tài sản thường bị huỷ hoại và lãng phí nhiều nhất  - Dân số tăng dẫn đến thiếu nước sạch  - ví dụ về tình trạng thiếu nước ở một số quốc gia  c. Tóm tắt  Nước là nguồn tài nguyên vô giá nhưng lại đang bị lãng phí nhiều nhất. Dân số tăng nhanh, công nghiệp phát triển làm cho nguồn nước bị ô nhiễm và nhân loại đang bị đối mặt với nguy cư thiếu nước sạch. Hãy có ý thức boả vệ và giữ gìn nguồn nước. |

**4. Củng cố**: Hệ thống kiến thức vừa học, nhấn mạnh trọng tâm bài học : Cách tóm tắt văn bản nghị luận.

**5. Dặn dò**: Tự ôn tập theo hướng dẫn. Chuẩn bị bài mới : ***Ôn tập tiếng Việt.***

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ................................................***

***Ngày giảng: ..............................................***

**Tiết 118. ÔN TẬP TIẾNG VIỆT**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức:** - Củng cố, hệ thống hoá những kiến thức về tiếng Việt đã học từ đầu năm.

**2. Kỹ năng:** - Rèn kĩ năng thực hành tiếng Việt và khả năng sử dụng tiếng Việt thành thạo.

**3. Thái độ tư tưởng***:* - Tình yêu tiếng Việt.

**II. Phương tiện thực hiện**

- GV : SGK, SGV Ngữ văn 11, Thiết kế bài học

- HS : SGK, vở soạn, vở ghi.

**III. Phương pháp**

- GV hướng dẫn HS ôn tập qua hệ thống câu hỏi SGK

- Phương pháp đàm thoại, trao đổi thảo luận nhóm.

- Tích hợp phân môn Tiếng Việt, Đọc văn, Làm văn.

**IV. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức**

Sĩ số: ………………………

**2. Kiểm tra bài cũ:** Không

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động khởi động**

*Bài ôn tập tiếng Việt hôm nay sẽ giúp các em củng cố, hệ thống hóa những kiến thức đã học từ đầu năm học, đồng thời có kĩ năng thực hành tiếng Việt ở những vấn đề được đề cập đến trong chương trình Ngữ văn 11.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Hoạt động 2: Hoạt động thực hành**  - GV: đưa ra bài tập cho học sinh làm bài  - HS: Suy nghĩ trao đổi và trả lời.  - GV: chốt kiến thức  - GV: đưa ra bài tập, cho học sinh nêu yêu cầu và làm bài  - HS: Suy nghĩ trao đổi và trả lời.  - GV: chốt kiến thức  - GV: đưa ra bài tập 3,4, cho học sinh nêu yêu cầu và làm bài  - HS: Suy nghĩ trao đổi và trả lời.  - GV: chốt kiến thức  - GV: đưa ra bài tập 5, cho học sinh nêu yêu cầu và làm bài  - HS: Suy nghĩ trao đổi và trả lời.  - GV: chốt kiến thức  - GV: đưa ra bài tập 6,7, cho học sinh nêu yêu cầu và làm bài  - HS: Suy nghĩ trao đổi và trả lời.  - GV: Hướng dẫn học sinh kẻ bảng | **I. Ôn tập**  **Câu 1**.- Ngôn ngữ là tài sản chung của xã hội vì:  +Trong thành phần ngôn ngữ có yếu tố chung cho  tất cả cá nhân trong cộng đồng.  Đó là: các âm, các thanh.  Các âm tiết kết hợp với các thanh theo quy tắc nhất định  Các từ và ngữ cố định  +Tính chung còn thể hiện ở quy tắc, phương thức chung sử dụng các đơn vị ngôn ngữ  Quy tắc cấu tạo câu  Phương thức chuyển nghĩa của từ  Các quy tắc và phương thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, phong cách.  - Lời nói là sản phẩm của các nhân vì:  +Giọng nói cá nhân  Tuy dùng các âm, các thanh chung, nhưng mỗi người lại thể hiện chất giọng khác nhau  +Vốn từ ngữ cá nhân  Cá nhân ưa và quen dùng từ ngữ nhất định  Từ ngữ các nhân phụ thuộc vào tâm lí, lứa tuổi.  Cá nhân có sự chuyển đổi sáng tạo từ ngữ.  Tạo từ mới  Vận dụng sáng tạo các quy tắc,phương thức chung.  **Câu 2**. Bài thơ gồm 56 tiếng, đều là ngôn ngữ chung  Sự vận dụng sáng tạo của Tú Xương:  + “Lặn lội thân cò” lấy từ ngôn ngữ chung, nhưng đã đảo trật tự từ  + “Eo sèo mặt nước” (tương tự)  + “Năm nắng mười mưa” (vận dụng thành ngữ)  Tất cả: thể hiện sự chịu thương, chịu khó, tần tảo đảm đang của bà Tú.  **Câu 3.** Ngữ cảnh là bối cảnh ngôn ngữ làm cơ sở cho việc vận dụng từ ngữ và tạo lập lời nói, làm căn cứ để lĩnh hội được nội dung, ý nghĩa của lời nói.  **Câu 4**. Bối cảnh rộng: hoàn cảnh đất nước bị xâm lược. Bối cảnh hẹp: Nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc tự vũ trang tập kích giặc ở đồn Cần Giuộc.  Trong cuộc chiến đấu không cân sức ấy: 21 nghĩa sĩ đã hi sinh bài văn tế đã ra đời trong bối cảnh chung và cụ thể đó.  “Súng giặc đất rền  Lòng dân trời tỏ”  Triều đình nhà Nguyễn đầu hàng giặc, bỏ rơi dân chúng, chỉ có những người nông dân yêu nước, dũng cảm đứng lên đánh giặc. Ngữ cảnh chi phối cách sử dụng từ ngữ của hai câu tứ tự mở đầu bài văn tế: lòng dân - súng giặc  **Câu 5**. *\* Nghĩa sự việc:*  -Là nghĩa tương ứng với sự việc được đề cập đến trong câu  Biểu hiện: +Câu biểu hiện hành động  +Câu biểu hiện trạng thái, tính chất.  +Câu biểu hiện quá trình  +Câu biểu hiện tư thế  +Câu biểu hiện sự tồn tại  +Câu biểu hiện quan hệ  *\* Nghĩa tình thái:*  Là thái độ, sự đánh giá của người nói với sự việc Biểu hiện:  +Khẳng định tính chân thực  +Phỏng đoán sự việc  +Đánh giá về mức độ hay số lượng  +Đánh giá sự việc có thực, hay không có thực  +Đánh giá sự việc đã xảy ra hay chưa xảy ra  +Khẳng định khả năng sự việc  +Là tình cảm của người nói đối với người nghe +Tình cảm thân mật, gần gũi  +Thái độ kính cẩn  +Thái độ bực tức, hách dịch.  **Câu 6**. *Dễ họ không phải đi gọi đâu.*  Nghĩa sự việc: câu biểu hiện hành động (Không phải đi gọi họ).  Nghĩa tình thái: phỏng đoán sự việc (*dễ… đâu*)  **Câu 7**   |  |  | | --- | --- | | ***Đặc điểm loại hình của tiếng Việt*** | ***Ví dụ minh hoạ*** | | 1. Tiếng là đơn vị cơ sở của ngữ pháp | 1. “Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông” | | 2. Từ không biến đổi hình thái | 2. “Con ngựa đá con ngựa đá” | | 3. Ý nghĩa ngữ pháp là ở chỗ sắp đặt từ và cách dùng hư từ | 3. Tôi ăn cơm . Ăn cơm cùng tôi  Tôi đang ăn cơm | |
| - Công việc của GV: ra bài tập, hướng dẫn học sinh làm bài.  - Công việc của HS: suy nghĩ trao đổi làm bài. | **Câu 8.**   |  |  | | --- | --- | | ***Phong cách***  ***ngôn ngữ báo chí*** | ***Phong cách***  ***ngôn ngữ chính luận*** | | 1.Các phương tiện diễn đạt:  +Từ vựng (phong phú) cho từng loại  +Ngữ pháp: câu đa dạng, ngắn gọn  +Biện pháp tu từ: không hạn chế  2. Đặc trưng cơ bản:  +Tính thông tin, thời sự  +Tính ngắn gọn  +Tính sinh động | +Từ ngữ chung, lớp từ chính trị  +Ngữ pháp: câu chuẩn mực  +Biện pháp tu từ: sử dụng nhiều  +Tính công khai về quan điểm chính trị  +Tính chặt chẽ trong diễn đạt suy luận  +Tính truyền cảm, thuyết phục | |

**4. Củng cố**: Hệ thống kiến thức vừa học, nhấn mạnh trọng tâm bài học.

- Phân biệt ngôn ngữ chung và lời nói cá nhân.

- Nghĩa sự việc và nghĩa tình thái

- Đặc điểm loại hình tiếng Việt

- Đặc trưng cơ bản của phong ngôn ngữ báo chí và phong cách ngôn ngữ chính luận.

**5. Dặn dò**:

- Hoàn thành đề cương ôn tập phục vụ cho việc kiểm tra học kỳ II được tốt.

- Soạn bài : ***Luyện tập tóm tắt văn bản nghị luận.***

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ................................................***

***Ngày giảng: ..............................................***

**Tiết 119. LUYỆN TẬP TÓM TẮT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**

**I. Mục tiêu bài học**

**1/ Kiến thức**

Hiểu được mục đích, yêu cầu của việc tóm tắt văn bản nghị luận.

**2/ Kĩ năng**

Biết cách tóm tắt văn bản nghị luận.

**3/ Thái độ**

Có ý thức thực hành tóm tắt văn bản nghị luận.

**II. Phương tiện**

**1/ Giáo viên**

- SGK, SGV, chuẩn kiến thức kĩ năng, giáo án,...

**2/ Học sinh**

Học bài cũ, SGK, SBT...

**III. Phương pháp**

- Phương pháp: tích hợp, diễn giảng, thảo luận, đặt câu hỏi...

**IV. Tiến trình dạy học**

**1/ Ổn định lớp**

Sĩ số: ……………………….

**2/ Kiểm tra bài cũ**

Kiểm tra phần chuẩn bị bài của học sinh.

**3/ Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động khởi động**

*“Học phải đi đôi với hành”, lời người xưa nói quả không sai. Tiết trước ta đã được học những kĩ năng tóm tắt văn bản nghị luận. Để khắc sâu hơn những kiến thức đã học ta sẽ đi vào tiết học: “Luyện tập tóm tắt văn bản nghị luận”.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Hoạt động 3. Hoạt động thực hành**  GV yêu cầu HS nhắc lại :  - Khái niệm tóm tắt văn bản nghị luận.  - Mục đích tóm tắt văn bản nghị luận.  - Yêu cầu tóm tắt văn bản nghị luận.  - Cách tóm tắt văn bản nghị luận. | **I. Củng cố lí thuyết**  **1. Khái niệm tóm tắt văn bản nghị luận**  - Là trình bày lại nội dung của văn bản đó một cách nhắn gọn theo mục đích đã định  **2. Mục đích**  - sử dụng làm tài liệu để biện minh cho các quan điểm , ý kiến, mà không làm tăng quá mức dung lượng văn bản  - thu thập ghi chép tư liệu cho bản thân  - luyện tập năng lực đọc- hiểu, năng lực tóm lược văn bản  **3. Yêu cầu**  - Phản ánh trung thành tư tưởng và các luận điểm của văn bản gốc  - Ngắn gọn, súc tích  - Diễn đạt trong sáng, chặt chẽ , mạnh lạc  **4. Cách tóm tắt văn bản nghị luận**  4.1. Đọc, tìm hiểu nội dung, kết cấu của văn bản gốc .  - Xác định vấn đề cần nghị luận: văn bản bàn về vấn đề gì?  ( Căn cứ vào vị trí mạnh của văn bản:  + Nhan đề  + Câu chủ đề ở phần mở bài )  - Xác định hệ thống luận điểm  + Căn cứ vào phần mở bài  + Xác định chủ đề ( ý khái quát của văn bản) của các đoạn văn  - Xác định các luận cứ ( lưu ý câu chủ đề của đoạn , phân tích cấu tạo đoạn )  - Tìm nội dung khái quát phần kết  4.2. Viết văn bản tóm tắt  - Viết nhan đề của văn bản  - Lần lượt viết phần mở bài,thân bài, kết bài  + Sử dụng nhiều thành phần  + Sử dụng nhiều phương tiện liên kết  4.3. Kiểm tra và hoàn chỉnh văn bản tóm tắt  - Đọc lại văn bản tóm tắt, đối chiếu với văn bản gốc- Bổ sung sửa chữa (nếu cần) |
| GV hướng dẫn HS làm bài tập.  - Hs đọc văn bản: “*Mấy nét về thơ mới trong cách nhìn lại hôm nay*”.  - Hs chú ý Sgk phần tóm tắt của một bạn.  - Nhận xét dự định tóm tắt của bạn học sinh nọ như trình tự Sgk dẫn? Nên bỏ ý nào và bổ sung ý nào?  - Hs làm việc theo nhóm.  - Đại diện nhóm trình bày.  - Gv nhận xét.  - Hs tự viết đáp án vào vở bài tập.  - Hs đọc bài tập 2.  - Hs đọc lại văn bản “Một thời đại trong thi ca” của Hoài Thanh.  - Yêu cầu Hs xem lại phần bài giảng đã học để thực hiện các yêu cầu nêu ra trong bài tập.  - Hs suy nghĩ trả lời.  - Gv nhận xét, chốt :  Tác giả triển khai ý bài viết:  + Nêu vấn đề bàn luận: tinh thần thơ mới  + Cái khó giữa ranh giới thơ mơi và thơ cũ  + Đưa ra nguyên tắc: Không căn cứ vào bài dở, mà đối sánh bài hay với bài hay và trên đại thể  + Tinh thần thơ mới là ở chữ “tôi” | **\* Bài tập 1**   Nhận xét dự định tóm tắt: Những nội dung dự định tóm tắt nêu lên là đúng nhưng còn thiếu và chưa chính xác ở một số điểm sau đây:  - Thiếu:  Thơ mới không nói đến đấu tranh cách mạng, đó là nhược điểm lớn, nhược điểm của thơ mới là thiếu khí phách cách mạng.  - Chưa chính xác:   Nội dung câu văn của dự định tóm tắt: “cái buồn của thơ mới không ủy mị mà chứa yếu tố tích cực”. Không đúng với tinh thần của bản gốc: “Nhưng cái buồn của thơ mới đâu có phải đều là ủy mị”, “đâu có phải đều là ủy mị” có nghĩa là: Không phải tất cả cái buồn trong thơ mới đều là ủy mị như vậy là vẫn có cái buồn ủy mị. Văn bản gốc chỉ đưa ra hai trường hợp cái buồn ủy mị (Con hổ nhớ rừng và *Tràng giang*) cũng không nên khái quát thành “Chứa nhiều yếu tố tích cực”.  - Bỏ ý: thơ mới là phong trào văn học phong phú, có nhiều yếu tố tích cực  - Thêm ý: Thơ mới không nói đến đấu tranh cách mạng, đó là một đặc điểm lớn.  **Bài tập 2**  - Vấn đề cần nghị luận: Tinh thần thơ mới  - Mục đích: Khắc họa tinh thần thơ mới là sự cách tân về thơ, từ “cái ta” chuyển sang “cái tôi” đầy màu sắc cá nhân, là tình yêu tha thiết tiếng Việt.  - Bố cục của văn bản trích:  \* Mở bài: câu đầu (*Bây giờ hãy đi tìm cái điều ta cho là quan trọng hơn*: *Tinh thần thơ mới*.)  \* Thân bài:  - Cái khó trong việc tìm ra tinh thần thơ mới và xác định cách tiếp cận đúng đắn cần phải có.  - Những biểu hiện của “cái tôi” cá nhân trong thơ mới, “cái tôi” buồn bế tắc nhưng khao khát với cuộc sống, với đất nước, con người.  - Tình yêu, lòng say mê, nâng niu đối với tiếng Việt.  \* Kết bài:   Nhấn mạnh tinh thần thơ mới. |

**4/ Củng cố**

- Mục đích, yêu cầu cuả việc tóm tắt văn bản nghị luận.

- Cách tóm tắt văn bản nghị luận.

**5/ Dặn dò**

- Soạn bài: ***Ôn tập phần làm văn.***

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ................................................***

***Ngày giảng: ..............................................***

**Tiết 120. ÔN TẬP LÀM VĂN**

**I. Mục tiêu bài học**

**1/ Kiến thức**

- Đặc điểm, yêu cầu và cách thức tiến hành các thao tác: phân tích, so sánh, bác bỏ, bình luận.

- Yêu cầu và cách thức tóm tắt văn bản nghị luận.

- Yêu cầu và cách thức viết tiểu sử tóm tắt và bản tin.

**2/ Kĩ năng**

- Phân tích đề, lập dàn ý bài văn nghị luận xã hội, nghị luận văn học.

- Viết đoạn văn, bài văn nghị luận vận dụng các thao tác phân tích, so sánh, bác bỏ, bình luận.

- Tóm tắt văn bản nghị luận.

- Viết tiểu sử tóm tắt và bản tin.

**3/ Thái độ**

Ý thức ôn tập và chuẩn bị kiểm tra học kì II.

**II. Phương tiện**

**1/ Giáo viên**

- SGK, SGV, chuẩn kiến thức kĩ năng, giáo án.

**2/ Học sinh**

Học bài cũ, SGK, SBT...

**III. Phương pháp**

- Phương pháp: tích hợp, diễn giảng, thảo luận, đặt câu hỏi...

**IV. Hoạt động dạy học**

**1/ Ổn định lớp**

Sĩ số: …………………………

**2/ Kiểm tra bài cũ**

Kiểm tra phần chuẩn bị bài của học sinh.

**3/ Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động khởi động**

*Bài ôn tập phần làm văn hôm nay giúp các em nắm được nội dung chủ yếu của chương trình Làm văn 11; biết cách lập luận và vận dụng các thao tác lập luận; biết cách tóm tắt một văn bản nghị luận, viết tiểu sử tóm tắt và bản tin. Từ đó, chuẩn bị tốt hơn cho bài kiểm tra cuối năm.*

**Hoạt động 2. Hoạt động thực hành**

**Gv hướng dẫn hs ôn tập những nội dung kiến thức đã học**

**I. Nội dung ôn tập**

**1. Thống kê, hệ thống hoá các bài làm văn trong SGK ngữ văn 11**

- Gv yêu cầu Hs kẻ bảng thống kê theo yêu cầu bài tập 1.

- Hs làm việc.

- Gv nhận xét, chuẩn xác kiến thức.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại bài học** | **Kiến thức** | **Kĩ năng** |
| 1. Nghị luận xã hội | Khái niệm, đặc điểm | Phân tích đề, lập dàn ý, viết bài hoàn chỉnh |
| 2. Nghị luận văn học |  | Thực hành |
| 3. Tóm tắt văn bản nghị luận | Mục đích, đặc điểm | Tóm tắt |
| 4. Viết tiểu sử tóm tắt |  | Thực hành |
| 5. Viết bản tin | Mục đích, đặc điểm | Thực hành |
| 6.Trả lời phỏng vấn | Mục đích, đặc điểm |  |
| 7. Các thao tác lập luận  - Phân tích  - So sánh  - Bác bỏ  - Bình luận | Khái niệm, đặc điểm  Khái niệm, đặc điểm | Thực hành  Thực hành |

**2. Các thao tác lập luận đã học**

- Hs đọc yêu cầu bài tập 2.

- Gv hướng dẫn hs làm việc.

- Hs ghi chép vào vở.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thao tác** | **Nội dung bài học** | **Yêu cầu và cách làm** |
| So sánh | So sánh để tìm ra những điểm giống và khác nhau giữa hai hay nhiều đối tượng | - Đặt đối tượng so sánh trên cùng một bình diện. - Đánh giá trên cùng một tiêu chí.  - Nêu rõ quan điểm của người viết. |
| Phân tích | Chia tách, tháo gỡ một vấn đề ra thành những vấn đề nhỏ, để chỉ ra bản chất của chúng. | - Phân tích để thấy được bản chất sự vật, sự việc.  - Phân tích phải đi liền với tổng hợp |
| Bác bỏ | Dùng lí lẽ, dẫn chứng để phê phán, gạt bỏ những quan điểm và ý kiến sai lệch. Từ đó nêu ý kiến đúng, thuyết phục người đọc, người nghe. | - Bác bỏ luận điểm, luận cứ  - Phân tích chỉ ra cái sai  - Diễn đạt rành mạch, rõ ràng. |
| Bình luận | Đề xuất ý kiến thuyết phục người đọc, người nghe đồng tình với nhận xét đánh giá của mình về đời sống hoặc văn học. | - Trình bày rõ ràng, trung thực vấn đề bàn luận  - Đề xuất được những ý kiến đúng  - Nêu ý nghĩa, tác dụng của vấn đề. |
| Tóm tắt văn bản nghị luận | Trình bày ngắn gọn, nội dung của văn bản gốc theo một mục đích nào đó | - Đọc kĩ văn bản gốc. Lựa chọn ý phù hợp với mục đích tóm tắt.  - Tìm cách diễn đạt lại luận điểm. |
| Viết tiểu sử tóm tắt | Văn bản chính xác cụ thể về cuộc đời, sự nghiệp và quá trình sống của người được giới thiệu | - Nguồn gốc  - Quá trình sống  - Sự nghiệp  - Những đóng góp |

**3. Yêu cầu và cách thức tóm tắt văn bản nghị luận**

**4. Yêu cầu và cách thức viết tiểu sử tóm tắt và bản tin**

**II. Luyện tập**

**Gv hướng dẫn Hs luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| GV hướng dẫn HS làm bài tập.  - Hs đọc lại văn bản “Về luân lí xã hội ở nước ta” của Phan Châu Trinh?  - Trong văn bản, tác giả đã sử dụng những thao tác lập luận nào? Tác dụng?  - Hs đọc bài tập 2.  - Gv hướng dẫn Hs đọc làm bài tập 2.  - Hs trả lời.  - Gv hoàn chỉnh vào vở.  - Hs đọc bài tập 3.  - Hs chú ý vào đoạn trích.  - Quan niệm bị bác bỏ là gì?  - Tác giả bác bỏ bằng cách nào?  - Việc bác bỏ ở đây có tác dụng gì?  - Hs tự viết đoạn văn vào vở.  - Gv thu vở chấm. | ***Bài tập 1***  Phan Châu Trinh đã sử dụng các thao tác:  + Thao tác lập luận bác bỏ  + Thao tác lập luận phân tích  + Thao tác lập luận bình luận  ***Bài tập 2***  - Phân tích lí do có thể nói: “Thất bại là mẹ thành công  + Trải qua thất bại  + Biết rút ra bài học kinh nghiệm  - Chứng minh tính đúng đắn của câu danh ngôn bằng các dẫn chứng cụ thể trong đời sống hiện thực.  Bác bỏ:  - Sợ thất bại nên không dám làm gì.  - Bi quan chán nản khi gặp thất bại.  - Không biết rút ra bài học khi gặp thất bại.  ***Bài tập 3***  Phân tích đoạn văn bác bỏ  - Tác giả bác bỏ hạng người không biết sợ cái gì trên đời này. Đấy là quỷ chứ đâu phải là người. Loại người này rất hiếm, thực ra không có.  - Tác giả bác bỏ loại người thứ hai: “loại người sau đây thì chắc chắn không ít: sợ rất nhiều thứ nhất là quyền thế và đồng tiền. Nhưng đối với cái tài, cái thiên lương thì lại không biết sợ, thậm chí sẵn sàng lăng mạ giày xéo. Đấy là hạng người hèn hạ nhất, thô bỉ nhất, đồi bại nhất”  Viết đoạn văn bác bỏ  - Chọn ý kiến, quan niệm cần bác bỏ về một vấn đề quan thuộc nào đó trong cuộc sống hoặc trong học tập.  - Xác định cách thức bác bỏ (bác bỏ luận điểm, bác bỏ luận cứ hoặc bác bỏ cách lập luận)  - Viết đoạn văn bác bỏ dựa trên kết quả đã xác định. |

**4/ Củng cố**

- Củng cố và hoàn thiện các kiến thức và kĩ năng về các thao tác lập luận: phân tích, so sánh, bác bỏ, bình luận.

- Củng cố và hoàn thiện các kiến thức và kĩ năng về tóm tắt văn bản nghị luận, viết tiểu sử tóm tắt và bản tin.

**5/ Dặn dò**

- Hs hoàn thiện các phần bài tập.

- Chuẩn bị cho bài kiểm tra tổng hợp cuối năm.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ................................................***

***Ngày giảng: .............................................***

|  |
| --- |
| **Tiết 121-122: BÀI LÀM VĂN SỐ 7 - KIỂM TRA TỔNG HỢP CUỐI NĂM** |
| (Đề chung của Sở) |

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức***:* Giúp học sinh : Tổng hợp kiến thức, viết được một bài văn nghị luận có luận điểm, luận cứ chính xác, lập luận hợp lí để thể hiện những ý kiến chân thực của bản thân về một đề tài gần gũi quen thuộc trong đời sống hoặc trong văn học

**2. Kĩ năng***:* Biết phân tích làm sáng tỏ vấn đề văn học

**3. Tư tưởng thái độ***:* Nghiêm túc

**II. Chuẩn bị của GV và HS:**

**1. Giáo viên***:* Đọc SGK, SGV, TLTK, soạn giáo án, thiết kế bài học

**2. Học sinh***:* Soạn bài

**III. Tiến trình dạy - học:**

1. **Ổn định tổ chức:**

Sĩ số: …………………………

**2. Kiểm tra bài cũ:**

Không kiểm tra bài cũ

**3. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| ***Hoạt động 1:*** thông báo thời gian làm bài 1 tiết (90 phút) | Thời gian 90' |
| ***Hoạt động 2:***  - Yêu cầu học sinh đọc và làm bài theo yêu cầu của bài viết. | **- Đề bài:**  Câu 1:(3điểm)  Câu 2: (2 điểm)  Câu 3: (5 điểm) |
| ***Hoạt động 3:*** Theo dõi học sinh làm bài, đông viên học sinh làm bài | - GV theo dõi HS  - Thu bài của học sinh |

1. Bài tập về nhà: Về xem lại toàn bộ nội dung bài viết

2. Tiết học tiếp theo: ***Trả bài kiểm tra học kì.***

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ................................................***

***Ngày giảng: ..............................................***

**Tiết 123:TRẢ BÀI LÀM VĂN SỐ 7**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Vận dụng những kiến thức về bài học và các thao tác đã học: phân tích, so sánh,.. để làm bài

- Củng cố những kiến thức và kỹ năng làm văn có liên quan đến bài làm

- Nhận ra được những ưu điểm và thiếu sót trong bài làm của mình về các mặt kiến thức và kỹ năng viết bài văn nói chung

**2. Kĩ năng**

- Củng cố và nâng cao trình độ làm văn nghị luận về các mặt: xác định đề, lập dàn ý, diễn đạt.

- Nâng cao khả năng cảm thụ tác phẩm văn học

- Viết được bài văn nghị luận văn học thể hiện ý kiến của mình một cách rõ ràng, mạch lạc, có sức thuyết phục.

**3. Thái độ**

- Có thái độ học tập nghiêm túc biết nhận ra cái sai và sữa sai. Có định hướng và quyết tâm phấn đấu để phát huy ưu điểm, khắc phục các thiếu sót trong các bài làm văn.

**II. Phương tiện**

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi, bài viết của HS

**III. Phương pháp**: Trao đổi, đàm thoại, thảo luận nhóm, GV phối hợp các phương pháp dạy học tích cực trong giờ dạy.

**IV. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức**

**Sĩ số: ............................................**

**2. Kiểm tra bài cũ**: không.

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Hoạt động khởi động**

*Các em đã được củng cố kiến thức đọc văn và thực hành kĩ năng vận dụng các thao tác lập luận trong bài văn nghị luận cụ thể bằng một bài viết số 7. Thế nhưng việc vận dụng các kĩ năng ấy, kết hợp vận dụng những kiến thức đã học của bản thân mình trong bài viết thật sự đúng hay chưa, hiệu quả hay không. Tiết học hôm nay sẽ giúp các em nhận ra điều đó.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Hoạt động 2. Hoạt động thực hành**  Hướng dẫn học sinh tìm hiểu yêu cầu của đề và lập dàn ý đại cương theo đáp án đã trình bày.  - Yêu cầu học sinh đọc lại đề bài  - Theo em đề bài này có những yêu cầu gì về nội dung, kĩ năng, tài liệu?  - Với những yêu cầu trên bài viết đảm bảo những yêu cầu nào?  - Gv chốt lại các ý trọng tâm cần đạt.  ? Cần giới thiệu điều gì về tác giả, tác phẩm, đoạn thơ đầu ?  ? Giải thích nhan đề và câu thơ đề từ ?  ? Phân tích nội dung và đặc sắc nghệ thuật của đoạn thơ đầu ?  ? Đánh giá chung về vẻ đẹp của đoạn thơ và tâm trạng của nhà thơ ?  Gv nhận xét ưu điểm của học sinh.  Nêu một vài bài viết tiêu biểu.  Gv nhận xét khuyết điểm của học sinh.  Nêu một vài bài viết tiêu biểu.  Gv hướng dẫn sửa lỗi.  - Gv ghi những lỗi sai trên bảng.  - Yêu cầu học sinh nhận xét và sửa lỗi.  - HS trao đổi bài trong nhóm, kiểm tra kết quả sửa lỗi của bạn  -GV gọi từ 3-4 HS chữa các lỗi tiêu biểu trước lớp.  - GV gọi từ 3-4 HS đọc những bài đạt kết quả cao nhất.  - HS nhận xét, bình luận.  Gv trả bài viết, nhắc nhở học sinh lưu ý khắc phục những lỗi sai | **I. Tìm hiểu đề, lập dàn ý bài văn**  **1. Phần đọc hiểu**  GV hướng dẫn HS làm phần đọc hiểu theo đáp án đã có.  **2. Phần làm văn**  a.Mở bài: Có đôi lời giới thiệu về tác giả, tác phẩm.  Nói qua sơ lược vềnội dung, nghệ thuật để nhấn mạnh diểm đặc sắc.  Giới thiệu đoạn thơ đầu.  b.Thân bài:  \* Trước hết, nhan đề bài thơ Tràng giang gợi lên không khí những bài thơ cổ: một dòng sông dài rộng, những khoảng cách xa xôi, những chia li cách trở  + Huy Cận có thể viết Trường giang nhưng phải viết Tràng giang vì vần “ang” liên tiếp hai lần nghe buồn và mênh mang hơn.  + Trước khi vào phần chính, Huy Cận còn viết một câu “đề từ”:  Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài: cảm xúc bâng khâng, buồn đến nao lòng.  +Con sông trong bài thơ Huy Cận chính là con sông Hồng của Việt Nam. Bên dòng sông ấy, nơi một bến đò có tên là bến Chèm, Huy Cận đã cảm xúc mà viết nên bài Tràng giang của mình.  \* Phân tích khổ thơ thứ nhất:  - Những hình ảnh cổ điển: một dòng tràng giang phẳng lặng, một con thuyền lặng lẽ trôi, một cành củi khô nhỏ bé.  - Cảm giác buồn của con người hiện đại:  + Sóng gợn tràng giang nhưng lại buồn điệp điệp (điệp từ điệp điệp – từ cái hữu hình của sóng trên tràng giang mà nhận ra cái vô hình là nỗi buồn của con người).  + Thuyền và nước bên nhau nhưng giữa thuyền và nước là sự xa cách hững hờ. Thuyền và nước theo hai chiều đối nghịch (về – lại), nổi lên giữa cuộc chia li là sầu trăm ngả.  + Cành củi bé nhỏ giữa tràng giang mênh mông, nhà thơ còn cố tình làm rõ: củi – một cành – khô(cành củi khô ở đây ý nói: không còn sức sống, phải trôi nổi theo cái vô định của dòng nước). Cành củi ở đây không chỉ là cành củi mà còn là cảm nhận về thận phận bé nhỏ của con người.  3. Phần kết luận, ý cần làm rõ:  - Tràng giang của Huy Cận đẹp vì những hình ảnh, những từ ngữ đẹp như thơ cổ, cho người đọc thưởng thức những bức tranh quen thuộc của phong cảnh sông nước quê hương.  - Tràng giang của Huy Cận là một bài thơ của thơ hiện đại, mang cảm nhận về nỗi buồn và nỗi cô đơn của con người hiện đại, nhất là con người trong khoảng những năm ba mươi của thế kỉ trước.  **III. Nhận xét ưu, khuyết điểm**  **1. Ưu điểm**  - Đa số biết xác định đúng yêu cầu đề về nội dung, kĩ năng, tài liệu.  - Đa số hiểu đề, tập trung làm rõ yêu cầu của đề  phân tích khá sâu sắc và lập luận chặt chẽ.  - Biết cách triển khai bài nghị luận theo luận điểm.  - Có những bài viết có cảm xúc, thể hiện thái độ của người viết đối với vấn đề được nghị luận.  - Vận dụng kiến thức văn học vào làm sáng tỏ nội dung yêu cầu của đề  - Đã có những bài viết có cách triển khai hợp lí, dễ hiểu  **2. Khuyết điểm**  - Bài viết diễn đạt yếu, câu văn không đủ thành phần.  - Bài viết thiếu luận điểm chính của đề bài. Không có lí lẽ và dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề.  - Xác định luận điểm còn thiếu, chưa làm nổi bật được yêu cầu của đề.  - Bài viết sơ sài  - Vận dụng các thao tác nghị luận chưa thuyền thục, chưa có ý thức trong việc sử dụng các thao tác  - Bài viết chưa đủ bố cục của bài nghị luận  - Viết sai chính tả và sử dụng từ chưa chính xác  - Triển khai thiếu luận điểm lớn  - Thiếu luận điểm nhỏ để làm sáng tỏ luận điểm lớn  - Nhiều em diễn đạt còn lủng củng, lan man, chưa trình bày thật cô đọng, hàm súc và có nhiều trường hợp sai ngữ pháp,…  **III. Sữa lỗi**  1. Viết sai chính tả  2. Ngữ pháp, diễn đạt  3. Kiến thức cơ bản  4. Kết cấu bài làm  **IV. Kết quả** |

**4. Củng cố**

**-** GV nhấn mạnh những ưu điểm cần phát huy, và những nhược điểm cần khắc phục trong bài viết của HS.

**5. Dặn dò**

- HS về nhà sửa chữa bài làm, viết lại bài theo đáp án mà GV cung cấp.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: .................................................***

***Ngày giảng: ................................................***

**Tiết 123: TRẢ BÀI VIẾT SỐ 7.**

**HƯỚNG DẪN HỌC TẬP TRONG HÈ**

**I. Mục tiêu bài học :**

**1. Kiến thức**: Rút ra những ưu, khuyết điểm của bài viết để củng cố kiến thức về văn nghị luận.

**2. Kỹ năng***:* Rèn kĩ năng phân tích đề và lập dàn ý.

**3. Thái độ tư tưởng***:* Biết tự rút kinh nghiệm và vận dụng kiến thức vào bài sau.

**II. Phương tiện:**

**1. Giáo viên***:* Đọc SGK, SGV, TLTK, soạn giáo án, thiết kế bài học.

**2. Học sinh***:* Soạn bài.

**III. Tiến trình dạy - học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

Sĩ số: ………………………….

**2. Kiểm tra bài cũ:** không.

**3. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Hoạt động 1*:*** Giới thiệu ND trả bài  + PP giới thiệu: thuyết trình... | Trong giờ này chúng ta cùng chỉ ra những ưu điểm và nhược điểm của bài viết để tự rút kinh nghiệm cho bài sau. |
| **Hoạt động 2*:*** Tìm hiểu đề, lập dàn ý, nhận xét chung, thang điểm.   * *Mục tiêu:*   *-* Nhằm giúp cho học sinh có cái nhìn tổng quát về bài viết, tự rút kinh nghiệm cho bài viết sau  - Biết tự sửa lỗi.   * *Phương pháp:* Phát vấn   ***Thao tác 1:* Tìm hiểu đề, lập dàn ý**  - Công việc của GV: cho hs đọc đề và phân tích đề và lập dàn ý của bài.  - Công việc của HS: suy nghĩ trao đổi trả lời.  ***Thao tác 2:* Nhận xét chung:**  - Công việc của GV: GV gọi học sinh nhận xét trước.  - Công việc của HS: Suy ghĩ và trả lời. GVnhận xét sau khi HS đã nhận xét: tập trung các nội dung sau đây: sơ kết, bổ sung, uốn nắn, đưa ra kết luận của mình.  (Nếu HS chưa nhận xét được thì GV gợi ý để HS nhận xét sau đó GV mới nhận xét và kết luận).  ***Thao tác 3:* Thang điểm**  - Công việc của GV: GV đưa ra thang điểm | **1. Tìm hiểu đề và lập dàn ý:**    1.1 Phần đọc hiểu: Nắm vững một số kt pt  1.2 Phần vh:  *a. Tìm hiểu đề:* Tìm hiểu yêu cầu chung của đề.  - Phạm vi:  - Kĩ năng:  - Nội dung:  *b. Lập dàn ý:* Lập dàn ý chi tiết cho đề.  2. Dàn ý: Theo đáp án và biểu điểm chung  MB: Nêu được vấn đề cần nghị luận.  TB:  - Nội dung đoạn thơ  - Nghệ thuật đặc sắc  - Đánh giá:  KB  **2. Nhận xét chung:**  a. Học sinh tự nhận xét: HS tự đánh giá bài làm của bản thân và nhận xét, đánh giá bài làm của bạn  b. Giáo viên nhận xét:  + Ưu điểm: Đa số HS xác định đư­ợc đề bài, một số bài viết tốt, đảm bảo các yêu cầu về nội dung, hình thức, diễn đạt khá trôi chảy: Trường, Lan Anh, Tuấn  + Như­ợc điểm:  ++ Nội dung kt còn nhiều bài sơ sài, xác đinh sai phương thức biểu đạt…  ++ Một số bài viết yếu, mắc nhiều lỗi diễn đạt, chính tả: Nam, Hùng..  ++ Trình bày bẩn, chưa khoa học.( Lan Anh, Thiện… |
| **Hoạt động 3: Hoạt động thực hành: Hs tự sửa lỗi**  **Chữa lỗi cho học sinh** :  - Công việc của GV: chỉ ra lỗi của HS và tiến hành phân tích và chữa lỗi.  - Công việc của HS: chú ý vào bài của mình, suy nghĩ trao đổi và tự chữa lỗi rút kinh nghiệm cho bản thân. | **3. Chữa lỗi cho học sinh**  - Chưa biết cách triển khai các yêu cầu cơ bản của bài văn NLVH. Cụ thể:  + Hiểu chưa đúng về nội dung của đoạn thơ , tâm trạng của nhân vật trữ tình.  + Phần bình luận còn sơ sài  + Thiếu phần nêu đánh giá tâm trạng của nhân vật trữ tình.  - Học sinh viết bài lan man  - Trình bày kém, chưa khoa học |
| **Hoạt động 4*:*** **Đọc bài tốt, trả bài, tổng kết:**  - Công việc của GV:  \* Đọc một số bài hoặc một số đoạn viết tốt.  \* GV nhận xét, khích lệ, động viên.  - Công việc của HS: HS tự đọc và sửa chữa và đưa ra những thắc mắc về bài của mình. | **4. Trả bài, tổng kết:**  **- Đọc bài làm tốt:**  Đọc một số bài của em Lan Anh.  **- Trả bài cho HS:**  **- Tổng kết:**  + Tổng kết điểm:  + Rút ra bài học kinh nghiệm cho các bài viết sau. |

**4. Củng cố:**

HS tự tóm tắt những nét chính về nội dung của bài

Gv chốt lại: Dàn bài, chữa lỗi

**5. Dặn dò:**

1. Bài tập về nhà: Xem lại toàn bộ bài viết

2. Tiết học tiếp theo: Hướng dẫn ôn tập trong hè.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày soạn: .................................................***

***Ngày giảng: ...............................................***

**Tiết: …… HƯỚNG DẪN ÔN TẬP TRONG HÈ**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức***:* Giúp học sinh củng cố kiến thức cơ bản của chương trình làm văn lớp 11. Lập bảng hệ thống những kiến thức đã học trong chương trình Ngữ Văn 11 theo 3 phân môn: Văn học, làm văn, tiếng việt

**2. Kỹ năng***:* Ôn tập, hệ thống kiến thức

**3. Tư tưởng***:* Rèn luyện cho HS ý thức tự giác ôn tập, hệ thống kiến thức trong quá trình nghỉ hè. Tìm đọc trước SGK Ngữ Văn 12

**II. Chuẩn bị của GV và HS:**

1. Thầy: Soạn bài, đọc tài liệu

2. Trò: Xem lại toàn bộ chương trình

**III. Tiến trình dạy - học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

Không kiểm tra

**3. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Tiết 1:**  ***Hoạt động 1:*** Giới thiệu ND dạy,  + PP giới thiệu: thuyết trình... | Giới thiệu giờ trước chúng ta học, giờ này chúng ta cùng đi tìm hiểu |
| ***Hoạt động 2:*** Tìm hiểu chung về nội dung dạy:  *Mục tiêu:* giúp học sinh hệ thống lại kiến thức lớp 11  - Hướng dẫn tìm hiểu kiến thức lớp 12   * *Phương pháp:*   - Công việc của GV: phát vấn cho học sinh trả lời  - Công việc của HS: Học sinh đọc bài, suy nghĩ, trao đổi và trả lời các câu hỏi. | \* Trọng tâm cần đạt:  - Hệ thống lại kiến thức lớp 11  - Hướng dẫn tìm hiểu kiến thức lớp 12 |
| ***Hoạt động 3:*** Tìm hiểu cụ thể :  ***Thao tác 1:*** Ôn tập kiến thức lớp 11:  - GV: Đưa ra kiến thức ôn tập phần văn học trung đại  - HS: Suy nghĩ trao đổi và trả lời.  - GV: Đưa ra kiến thức ôn tập phần văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX- CMT8/ 1945.  - HS: Suy nghĩ trao đổi và trả lời.  - GV: Đưa ra kiến thức ôn tập phần làm văn  - HS: Suy nghĩ trao đổi và trả lời.  - GV: Đưa ra kiến thức ôn tập phần tiếng việt.  - HS: Suy nghĩ trao đổi và trả lời.  **Tiết 2**  ***Thao tác 1:*** Giới thiệu kiến thức lớp 12  - GV: Đưa ra kiến thức ôn tập phần văn học, làm văn và đưa ra các đề tham khảo  - HS: Suy nghĩ trao đổi và trả lời. | **I. Ôn tập kiến thức lớp 11:**  **1. Văn học:**  **\* Phần văn học trung đại**  - Qua việc hệ thống những tác phẩm đã học: *Chạy giặc, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* (NĐC), *Xin lập khoa luật* (Nguyễn Trường Tộ), *Bài ca phong cảnh Hương Sơn* (Chu Mạnh Trinh), *Câu cá mùa thu* (Nguyễn Khuyến), *Vịnh khoa thi Hương* (Trần Tế Xương) -> Phân tích những biểu hiện của nội dung yêu nước  - Vì sao có thể nói trong văn học từ thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX xuất hiện trào lưu nhân đao chủ nghĩa?  **\* Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX- CMT8/ 1945.**  + Văn xuôi: Đọc kĩ lại các văn bản tự sự để nắm được cốt truyện, các chi tiết của văn bản. Từ đó phân tích được các giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm, phân tích được một số nhân vật chính  VD: Các tác phẩm: *Hai đứa trẻ, Chữ người tử tù, Hạnh phúc của một tang gia, Chí Phèo*  + Các tác phẩm thơ như: *Vội vàng* (Xuân Diệu), *Tràng giang* (Huy Cận), *Đây thôn Vĩ Dạ* (Hàn Mạc Tử), *Chiều tối* (Hồ Chí Minh), *Từ ấy* (Tố Hữu)  - Yêu cầu: Học thuộc lòng, phân tích, nêu cảm nhận chung về các tác phẩm  **2. Làm văn:**  - Học kĩ lại các bài làm văn, biết cách phân tích đề, lập dàn ý trong bài văn nghị luận  - Nắm được các thao tác lập luận đã học: Phân tích, so sánh, bác bỏ, bình luận, vận dụng các thao tác lập luận trong bài văn  (khái niệm, cách làm bài), khái niệm, cách viết một bản tin, tiểu sử tóm tắt  **3. Tiếng việt:**  - Mối quan hệ giữa ngôn ngữ chung và lời nói cá nhân  - Khái niệm ngữ cảnh  - Hai thành phần nghĩa của câu (NSV, NTT)  - Đặc điểm loại hình của tiếng Việt  - Phong cách ngôn ngữ báo chí, phong cách ngôn ngữ chính luận.  **II. Giới thiệu kiến thức lớp 12**  1. Văn học:các tác giả  Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh  Quang Dũng  Nguyễn Tuân  Tố Hữu .....  2. Làm văn: tiếp tục làm văn nghị luận đi sâu hơn về nghị luận một đoạn thơ, bài thơ, nghị luận về một tư tưởng đạo lí, nghị luận về một hiện tượng xã hội.  3. Đề tham khảo.  Em hãy phân tích nhân vật người đàn bà hàng chài trong tác phẩm Chiếc thuyền ngoài xa của Nguyễn Minh Châu.  Em hãy phân tích đoạn thơ sau trong bài Tây Tiến của Quang Dũng.  "Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi  ....Mường Lát hoa về trong đêm hơi". |
| ***Hoạt động 4:*** Bài tập vận dụng:  - Công việc của GV: ra bài tập, hướng dẫn học sinh làm bài.  - Công việc của HS: suy nghĩ trao đổi làm bài. | **Bài tập 1:**  *Gợi ý:*  Đề 1: Phân tích những biểu hiện của nội dung yêu nước qua một số tác phẩm văn học trung đại đã học *Chạy giặc, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* (NĐC), *Xin lập khoa luật* (Nguyễn Trường Tộ), *Bài ca phong cảnh Hương Sơn* (Chu Mạnh Trinh)...  Đề 2: Dựa vào một số tác phẩm văn học hiện thực và lãng mạn đã học, hãy phát biểu suy nghĩ của mình về một nhân vật văn học để lại trong em những ấn tượng sâu sắc nhất  Đề 3: Trình bày những cảm nhận của em về một bài thơ mới đã học *Vội vàng* (Xuân Diệu), *Tràng giang* (Huy Cận), *Đây thôn Vĩ Dạ* (Hàn Mạc Tử)... |

**4. Củng cố**

- GV củng cố nhấn mạnh lại toàn bộ kiến thức môn Ngữ Văn lớp 11 theo 3 phân môn Văn học, Làm văn, Tiếng việt và giới thiệu kiến thức lớp 12.

**5. Dặn dò:**

**-** Học kĩ nội dung trên

- Đọc lại văn bản và tìm các tài liệu tham khảo

- Nhắc nhở HS về nhà làm bài tập, có ý thức tự học kiểm tra kiến thức thường xuyên

- Tìm đọc sách, tài liệu tham khảo trong chương trình Ngữ Văn 12

***KẾT THÚC CHƯƠNG TRÌNH***